

Nguyễn Ngọc Hoa



**Con Tim
Chân Chính**

TẬP TRUYỆN NGUYỄN NGỌC HOA IX

Biển Ngọc
2023

MỤC LỤC

Lời Tựa

1. Đập Đeo Mạn Thuyền
2. Đem Tro Chị Về
3. Ba Thằng Bạn, Ba Nẻo Đờ
4. Thú Đau Thương
5. Bạn Bè Chi!
6. Thà Trễ Còn Hơn Không
7. Cũng Mê Mẩn Đờ
8. Lang Thang Giữa Cuộc Đờ
9. Mỗi Năm Hai Thước Vải Thô
10. Dang Tay Nối Lại Biển Xa
11. Sẽ Không Lớn Nổi Thành Người
12. Tôi Viết Báo
13. Người Đàn Bà Đáng Kính
14. Người Đàn Bà Sau Cửa Sổ
15. Ai Dè Xe Nghiêng
16. Người Đàn Ông Hai Mặt
17. Con Tim Chân Chính
18. Kẻ Sĩ Thiếu Liêm Sĩ
19. Tình Chị Duyên Em
20. Nuôi Ong Tay Áo
21. Ngàn Năm Bìa Miệng
22. Trong Cái Rủi Có Cái May
23. Đảo Chánh Tháng Tư
24. Trả Nợ Nhân Quả

Tiểu sử Nguyễn Ngọc Hoa

LỜI TỰA

Chúng tôi hân hạnh gửi đến quý độc giả cuốn *Con Tim Chân Chính: Tập Truyện Nguyễn Ngọc Hoa IX* ghi dấu chặng đường hơn mười năm viết để kể lại cho bạn nghe những câu chuyện của một quãng đời xa xưa và để trau dồi Việt ngữ sau những năm dài sống xa quê hương. Các truyện ngắn trong tập truyện này đã được phổ biến dưới tiêu đề “loạt truyện Nhận Làm Quê Hương” – lấy từ tựa bài hát “Xin Nhận Nơi Đây Là Quê Hương” của Nguyễn Đức Quang – gồm những câu chuyện chúng tôi trải qua, chứng kiến, nghe thuật lại, hay thu góp được trong thập niên 1980, khi cố gắng chấp nhận cuộc sống mới tại Hoa kỳ.

Để tránh ngộ nhận đáng tiếc, một lần nữa, chúng tôi xin nhắc lại: Tác phẩm trên tay quý độc giả không phải là hồi ký, tự truyện, hay tài liệu ghi lại dữ kiện lịch sử. Nhân vật xưng "tôi" được dùng làm nhân chứng thuật lại chuyện cũ, không phải chính tác giả. Mọi nhân vật khác đều được dựng nên và tiểu thuyết hóa cho phù hợp với chuyện kể, thường không tương ứng với nhân vật thực ngoài đời. Mỗi truyện ngắn là một tác phẩm riêng lẻ đặt liên hoàn với các truyện khác thành một chuỗi sự kiện nối kết với nhau. Tuy nhiên, toàn thể chín cuốn *Tập Truyện Nguyễn Ngọc Hoa I* đến *IX* phổ biến và ấn hành từ năm 2013 không phải là trường thiên tiểu thuyết. Nhớ chuyện cũ đến đâu, chúng tôi viết đến đó chứ không sắp đặt trước bố cục, nội dung, hay nhân vật như trong một cuốn truyện dài.

Chúng tôi xin cảm ơn các thân hữu đã đọc bản thảo, góp ý, phê bình, và chỉnh sửa cũng như khích lệ chúng tôi trong việc sáng tác. Xin được kể tên vài người là các chị Lưu Phương Lan (nhà văn Phương Lan), Nguyễn thị Thanh Loan, Trần Thùy Mai (nhà văn), và Bùi Mỹ Trang, và các anh Nguyễn Trọng Dzũng, Nguyễn Đình Hiếu, Nguyễn Nhật Hoàng (báo Trẻ), Nguyễn Thanh Hoàng (nhà văn Phan Hạnh), Nguyễn Thành Nguyên, Nguyễn Xuân Phong, Nguyễn Khắc Phụng, Châu Hiền Quang (nhà thơ Kiều Phong (Toronto)), Nguyễn văn Sâm, Nguyễn Thiệp (nhà văn Tràm Cà Mau), Nguyễn Xuân Thiệp (nhà thơ), và Nguyễn Công Thuần. Chúng tôi cũng cảm ơn tiện nội là kịch tác gia, nhà văn, và đạo diễn Nguyễn thị Minh Ngọc đã thương yêu tạo điều kiện cho chúng tôi sáng tác và xuất bản tác phẩm đã viết.

Chúng tôi hy vọng, trong một tương lai không xa, sẽ có cơ hội ấn hành và ra mắt độc giả *Tập Truyện Nguyễn Ngọc Hoa X* đang được phổ biến dưới tiêu đề “loạt truyện Ra Đứng Ngõ Sau.” Mời quý bạn đón xem.

Nguyễn Ngọc Hoa

Ngày Hạ chí 2023

(21-06-2023)

Đập Đeo Mạn Thuyền

Truyện ngắn của Nguyễn Ngọc Hoa

Mùa thu năm ngoái, chúng tôi mua nhà và dọn vào chỗ ở mới. Ngôi nhà cổ hai tầng (tính thêm tầng hầm là ba) nằm ở góc đường thật quá lớn cho vợ chồng tôi và bé Mạc. Trên lầu có bốn phòng ngủ: hai phòng nhỏ nhất tôi và Quỳnh Châu dùng làm phòng học, nhưng đủ chỗ kê thêm cái giường đơn, một phòng dành cho Mạc, và phòng ngủ chính của vợ chồng tôi. Tầng trệt gồm phòng khách chiếm nửa diện tích căn nhà, phòng ăn trang trọng để thết đãi khách khứa, và nhà bếp để nấu ăn và ăn cơm thường ngày. Tầng hầm gồm *family room* là nơi để gia đình sum họp và giải trí và hai phòng nhỏ làm kho chứa đồ.

Nhà lớn thì mất công thu dọn và chăm sóc, nhưng chúng tôi tha hồ mời và tiếp đãi bạn bè và người thân ở xa đến thăm mà không phải rào đón, “*Chật bụng chớ chật chi nhà.*” Đầu mùa hè năm nay, anh Leon người Mỹ dạy ở Đại học Hokkaido tại Sapporo bên Nhật hoan hỉ nhận lời sang thăm tôi, trên đường đi nghỉ hè về thăm gia đình ở bắc California. Sapporo là thủ phủ và thành phố lớn nhất của đảo Hokkaido phía bắc nước Nhật.

Tôi quen anh Leon hơn 17 năm trước, ngày học đệ nhị (lớp 11) trường trung học Ban Mê Thuật và học Anh văn với thầy Can; thầy vừa tốt nghiệp Đại học Sư phạm Sài gòn và dạy năm đầu tiên. Trước khi vào đại học, thầy làm thông dịch viên cho văn phòng đoàn Thanh niên Chí nguyện Quốc tế (gọi tắt là IVS) tại Ban Mê Thuật. IVS là cơ quan tư bất vụ lợi do ba giáo phái Tin Lành Hoa kỳ Mennonite, Brethren, và Quaker lập ra để gửi thanh niên tình nguyện sang các nước kém phát triển giúp đỡ dân chúng trong việc chăn nuôi, trồng trọt, vệ sinh, giáo dục, v.v. Thầy Can thuê nhà ở chung với nhân viên IVS và thường đưa họ tới sinh hoạt chung với học sinh trong các hoạt động hiệu đoàn. Khi IVS cần một học sinh giỏi Anh văn để dạy Việt ngữ, thầy đề cử tôi, và anh Leon là “học trò” của tôi.

Anh Leon lớn hơn tôi bảy tuổi, người cao nghều, dễ đến một thước chín, giọng nói trầm và ấm, và vẻ mặt hiền hậu. Học tiếng Việt, anh kiên nhẫn và cố gắng lập đi lập lại những chữ hay câu khó khăn nhất. Ngoài giờ học, chúng tôi là đôi bạn thân, anh xem tôi như em và cuối tuần lấy xe Land Rover để mui trần chở tôi và các bạn đi chơi khắp núi rừng Ban Mê Thuật. Anh giỏi tiếng Pháp và rất thán phục khi biết vì thiếu tài liệu, tôi dùng sách học Việt ngữ của học sinh tiểu học để soạn bài dạy. IVS có ngân quỹ trả tiền “thầy,” nhưng mẹ không cho nhận,

“Họ qua đây giúp đồng bào mình, mặt mũi *mô* mà ngửa tay lấy tiền?”

Giữa năm đệ nhất (lớp 12) tôi buồn bã chia tay với anh Leon khi anh đổi về Sài gòn làm phụ tá giám đốc IVS tại Việt nam, tức là “phó đảng trưởng” cho “đảng trưởng” là anh Don; trong nội bộ IVS, nhân viên gọi người đứng đầu như thế. Đậu Tú tài II và trúng tuyển vào trường Điện, tôi về Sài gòn học và háo hức gặp lại anh Leon. Nhưng chỉ tuần sau đó anh mãn nhiệm kỳ về Mỹ đi học lại tại Đại học California Berkeley ở bắc California. Theo lời mời của anh, thay vì về nhà trọ là nơi mẹ đã gửi gắm, tôi kêu tắc-xi về thẳng trụ sở và nhà ngủ tập thể IVS trên đường Lê văn Duyệt gần Ngã Tư Bảy Hiền. Tôi tạm trú ở nhà ngủ IVS đến ngày anh rời Sài gòn, và nhờ vậy

quen với anh Don. Anh từng làm việc ở Ban Mê Thuật với thầy Can, rất giỏi tiếng Việt, và đọc *Truyện Kiều* mà không cần tra cứu sách vở. Từ đó, tôi được mời tham dự những buổi sinh hoạt hàng tháng và lễ lạt quan trọng của IVS và được các bạn IVS yêu mến.

Sau khi đậu tiến sĩ ở Berkeley, anh Leon sang Sapporo dạy học và trở lại Sài Gòn vài lần thăm tôi. Tháng Sáu năm 1975, khi tôi bỏ nước ra đi, anh bay về Mỹ, thuê xe lái vào trại tỵ nạn Trại Pendleton, và nằm trong lều vải nhà binh nghe tôi kể chuyện những ngày cuối cùng đau thương của Sài Gòn và cuộc hành trình xuyên qua Thái bình dương gian khổ của tôi. Sáu năm qua, mỗi dịp lễ lạt chính trong năm tôi đều nhận được quà gửi từ Sapporo của bạn anh là một bà Tomoko Maruya với lời chúc thiết tha triu mến, nhưng không cho biết gì về bà.

* * *

Tôi xin nghỉ phép một tuần lái xe đưa anh Leon đi thăm vùng Trung-Tây tôi ở và đồng thời đưa Quỳnh Châu và Mạc đi nghỉ hè. Khi đi qua các thành phố nhỏ chỉ có vài trăm dân, anh thảng thốt kêu lên, "Oh, small town America!" (Ô, xứ Mỹ tỉnh nhỏ!). Chúng tôi đi thăm khu rừng núi Black Hills (Đồi Đen) là rặng núi chạy dọc theo mé tây tiểu bang South Dakota và kéo dài xuống tận tiểu bang Wyoming. Tên gọi "Đồi Đen" dịch từ tiếng thổ dân Da đỏ; họ gọi như thế vì nhìn từ xa, các ngọn núi gồm toàn cây thường xanh có màu đen sẫm. Địa điểm nổi tiếng nhất trong vùng là núi Rushmore trên đỉnh có mặt bốn tổng thống Hoa kỳ George Washington, Thomas Jefferson, Theodore Roosevelt, và Abraham Lincoln tạc vào vách đá hoa cương.



Sau chuyến đi Black Hills, chúng tôi chuyển hướng đi về phía bắc thăm vườn Hòa bình Quốc tế nằm hàng hai trên biên giới Hoa kỳ - Gia Nã Đại. Vườn hoa rộng lớn này được lập ra năm 1932 để biểu hiệu cho sự hòa hiếu vĩnh cửu của hai quốc gia với tấm bia đá ghi "tình hữu nghị của chúng ta sẽ bền vững đời đời." Giữa vườn là đường biên giới thẳng tắp chạy đến tận chân trời. Buổi chiều, trước khi ra về, chúng tôi bỗng nghe một nhóm du khách thăm vườn nói tiếng Việt ồn ào với nhau. Hỏi ra họ là hai gia đình Việt nam tỵ nạn định cư ở Brandon, thành phố lớn thứ nhì của tỉnh Manitoba, Gia Nã Đại, cách biên giới chừng 100 cây số. Họ mừng rỡ khẩn khoản mời chúng tôi về Brandon khoản đãi. Không ngần ngại, chúng tôi nhận lời và lái xe qua biên giới tới Brandon, thuê phòng khách sạn ngủ lại đêm, và đến nhà họ ăn nhậu đến khuya. Đây là lần đầu tiên tôi xuất ngoại từ khi đặt chân tới Hoa kỳ. Anh Leon thì thích thú,

"Tôi chưa bao giờ ngừng ngạc nhiên về lòng hiếu khách tuyệt vời của người Việt."

Sau những năm xa cách, tôi và anh Leon có thật nhiều chuyện kể cho nhau nghe, và Mạc là người mê nghe chuyện nhất. Đêm đầu tiên, tôi và anh thức khuya chuyện trò, chú bé lên năm kéo ghế ngồi một bên im lặng theo dõi đến sau nửa đêm, tôi phải ôm bé vào lòng giục ngủ,

“Thôi Mặc đi ngủ, mai nghe tiếp.”

Tối hôm sau, cơm nước và dọn dẹp xong, chúng tôi chưa kịp vào phòng khách thì đã thấy Mặc bắc ghế ngồi chờ sẵn. Tôi ngạc nhiên,

“Cu Mặc làm gì đó?”

“Nghe chuyện tiếp . . .” bé trả lời tỉnh bơ.

Nhắc lại anh Don cựu giám đốc IVS tại Việt nam, anh Leon nói,

“Don là người hiền lành và khắc khổ, tính khí hiền hòa, và hầu như không biết nổi giận. Trước khi đến North Dakota, tôi bay sang Gia Nã Đại du lịch, đi thăm thác Niagara, và nhân tiện qua bên kia sông Niagara là thành phố Niagara Falls thuộc tiểu bang New York thăm Don.”

“Anh biết không, có một thời tôi làm việc cho Don,” tôi nói thêm.

“À, Don nhờ tôi chuyển món tiền này cho em,” như vừa nhớ ra, anh Leon lấy ra tờ giấy bạc một trăm đô la đưa cho tôi.

“Tôi nhớ ra rồi,” tôi vỗ tay vào đùi, chuyện xưa trở lại trong trí.

Cuối tuần lễ Độc lập Hoa kỳ năm 1967, anh Don và ba nhân vật đầu não IVS từ chức vì cho rằng IVS không thể tiếp tục giúp dân nghèo trong lúc chiến tranh tiếp diễn. IVS tan tác sau Tết Mậu Thân (1968), khi Việt Cộng bắt cóc và xử tử một nhân viên ở Long Xuyên, và tháng Chín năm 1971, hoàn toàn chấm dứt sứ mạng. Giữa năm 1968, anh Don trở lại Việt nam dưới sự tài trợ của Hội đồng Giáo hội Thế giới để nghiên cứu việc tái thiết Việt nam thời hậu chiến, khi hòa bình tái lập. Tuy nhiên, anh dành phần lớn thì giờ để hành nghề ký giả tự do, khám phá ra “chuồng cọp” giam giữ tù nhân Cộng sản trong đèo Lao Sơn, và trở thành cái gai trong mắt chính phủ Việt nam Cộng hòa vì gửi đi các bài báo đả kích chính phủ của phe đối lập.

Thời gian này, tôi cãi lời cha và dẫn em kế là thằng Sang *đi bụi đời*. Giữa mùa hè, trường tư đóng cửa, tư gia không cần người dạy kèm, anh em tôi lâm vào cảnh khốn khó, và tôi muối mặt đến gặp anh Don xin việc. Anh ở *apartment* trên tầng bảy là tầng cao nhất của một *bin-đình* trên đường Pasteur gần góc đại lộ Lê Lợi, ba tầng dưới cùng là nhà thổ hạng sang cung cấp dịch vụ cho nhân viên dân sự và sĩ quan Mỹ. Anh nhận tôi làm việc và giao nhiệm vụ dịch các bài báo đối lập ra Anh ngữ. Một đêm cuối tháng làm việc thứ hai của tôi, cảnh sát bố ráp *bin-đình*, một cô gái giang hồ hối hả chạy lên báo tin cảnh sát đang lùng bắt tôi, tôi hoảng hốt leo vào chiếc thang sắt dùng làm lối thoát khi có hỏa hoạn, bước lên từng nấc xuống đất, và nhanh chân chạy thoát. Tôi thất kinh không dám gặp anh Don lấy tiền lương tuần lễ cuối cùng. Số tiền \$100 anh Leon đưa chắc hẳn là khoản tiền lương anh Don còn thiếu tôi.

Anh Leon tiếp tục kể về người *sếp* cũ,

“Don bị trục xuất khỏi Việt nam tháng Tư năm 1971, và suốt bốn năm tiếp theo, dẫn thân hoạt động phản chiến và vận động Quốc hội Hoa kỳ cắt đứt quân viện cho Việt nam để chấm dứt chiến tranh.”

“Làm việc đó, Don đã đóng góp một phần lớn khiến cho miền Nam thất thủ. Nhưng tôi biết rõ Don nên không oán ghét anh ấy như những người Việt tỵ nạn khác. Bây giờ Don ra sao?” tôi không khỏi bồi hồi.

“Sau đó, Don lên New York làm việc và gặp người bạn lòng là Mark . . .”

“Anh muốn nói Mark – tên đàn ông?” tôi ngạc nhiên ngắt lời, “Don là người tình dục đồng giới hay sao?”

“Đúng vậy! Hai người sống chung và đầu năm nay dọn lên Niagara Falls. Don dạy bán thời gian, và Mark là giáo sư chính thức ở Đại học Cộng đồng Niagara Falls. Một cuộc sống lứa đôi bất chấp thành kiến xã hội!”

Đêm cuối cùng tôi mới có dịp hỏi anh Leon về bà Tomoko Maruya. Hôm nay, sau các chuyến đi xa, Mạc mệt đừ và đi ngủ sớm nên anh tâm sự cởi mở hơn,

“Tomoko lớn hơn em một hay hai tuổi và cũng dạy Đại học Hokkaido như tôi,” anh vờ như không nghe tiếng cười hì nhe của tôi, “Nàng góa chồng, và cuộc đời và gia đình kết chặt với ngôi trường cổ kính đó. Cha nàng và cha chồng là hai giáo sư trụ cột giảng dạy lâu năm, và người chồng yếu mệnh cũng từng là giáo sư của trường.”

“Qua thư Tomoko, tôi thấy rõ chị yêu anh vô cùng. Đợi gì mà không tiến tới, anh có còn trẻ nữa đâu?”

“Xã hội Nhật thủ cựu khư khư tuân theo truyền thống cổ xưa và không chấp nhận hôn nhân với người ngoại quốc. Họ tự hào là dân *Nippon* là xứ mặt trời mọc và bị ám ảnh với ước mong đánh bại bọn *Yankees* là người Mỹ về mọi mặt. Một anh chàng Mỹ rất khó lòng dàng hoàng kết hôn với một cô gái Nhật.”

Tôi không tin anh Leon, với tinh thần tự chủ của người Mỹ, lại thúc thủ chịu thua,

“Không có cách nào để anh chị kết hợp với nhau hay sao?”

“Tomoko chỉ tái giá khi có sự chấp thuận của cả cha nàng lẫn cha chồng. Tôi nhờ ông khoa trưởng đại diện gia đình tôi đến cầu hôn. Nể ông khoa trưởng vừa là bạn thân vừa là thượng cấp, hai ông cha miễn cưỡng đồng ý cuộc hôn nhân nhưng với điều kiện Tomoko phải từ chức giáo sư của trường, một nước cờ cốt làm tổn thương danh dự nàng. Cứng rắn hơn, họ sẽ từ Tomoko và vĩnh viễn không nhìn nhận nàng.”

“Họ dứt khoát như thế thì càng dễ! Anh và Tomoko chỉ cần lo cho hạnh phúc riêng mình.”

“Tomoko cũng nghĩ như thế! Tiện đây tôi báo cho em biết, khi tôi trở lại Nhật sau chuyến đi này, ông khoa trưởng sẽ đứng ra chủ hôn cho tôi và Tomoko, và chúng tôi sẽ về hưu dọn sang Costa Rica sinh sống,” đôi mắt anh Leon sáng lên; Cộng hòa Costa Rica ở Trung Mỹ là một nước nhỏ nhưng tương đối mở mang, dân chúng có học thức, và nền dân chủ ổn định.

Bắt tay chúc mừng anh Leon, “Congratulations!” tôi cảm thấy chị Tomoko giống như người vợ Quảng Bình nhắn nhủ thương chồng trong bài ca dao,

Đi mô cho thiệp theo cùng,

Đói no thiệp chịu, lạnh lùng thiệp cam.

Lên non thiệp cũng lên theo,

Xuống thuyền thiệp cũng đập đeo (đeo vào) mạn thuyền.

Nguyễn Ngọc Hoa

Ngày 16 tháng Ba, 2022

Đem Tro Chì Về

Truyện ngắn của Nguyễn Ngọc Hoa

Hai năm sau ngày được chấp thuận thành ngoại kiều thường trú, tôi và Quỳnh Châu gửi đơn xin nhập tịch tới sở Di trú và Nhập tịch (INS) và trong khi chờ đợi INS xét đơn, ra thư viện mượn sách chỉ dẫn và sửa soạn “thi quốc tịch.” Ba tháng sau, INS gửi thư báo tin sẽ gửi nhân viên kiểm tra đến Bismarck phỏng vấn. Vào ngày giờ hẹn, vợ chồng tôi cùng hai công dân Hoa kỳ làm người giới thiệu đến gặp nhân viên INS. Ông ta phỏng vấn riêng rẽ từng người và đến lượt tôi, điều tra kỹ về lý lịch và nghề nghiệp, nhưng trong phần sát hạch về hiến pháp Hoa kỳ chỉ hỏi đúng hai câu: “Phó tổng thống Hoa kỳ hiện tại tên gì?” và “Dân biểu Hạ viện đơn vị North Dakota là ai?” Cuối cùng, trong phần ký tên tại chỗ, ông đọc và biểu tôi viết, “*The grass is green*” (Đám cỏ thì xanh), có lẽ để tôi chứng tỏ khả năng nói, đọc, và viết tiếng Anh.

Một sáng đầu mùa xuân, vợ chồng tôi đến tòa án liên bang tuyên thệ, nhận chứng chỉ nhập tịch, và nghe ông thẩm phán đọc diễn văn chào mừng công dân mới. Ngoài mấy người tỵ nạn Đông dương quen biết và một số người Ấn Độ, Thái Lan, và Phi Luật Tân, danh sách tuyên thệ có thêm một cặp vợ chồng người Việt ở Minot, một thành phố nhỏ hơn và cách xa Bismarck chừng 100 dặm Anh về phía bắc. Tôi nhận ra người chồng là thằng Khuôn học cùng lớp với tôi từ đệ thất (lớp 6) đến đệ tứ (lớp 9) trường Hàm Nghi Huế, nó cũng nhận ra tôi. Hai mươi năm rồi không gặp nhau, nhưng hai thằng phải đợi buổi lễ chấm dứt mới nhảy cẫng lên nhào tới chỉ mặt nhau cười ha hả và hát,

Ta là học sinh Hàm Nghi tươi như hoa . . .

Đó là câu đầu tiên của “Hành khúc Học sinh Hàm Nghi” của Văn Giảng mà mỗi sáng thứ Hai chúng tôi nghiêm trang đứng hát dưới sân cờ. Văn Giảng là thầy Ngô văn Giảng dạy nhạc hiền từ đôn hậu và đáng người hơi quá khổ so với chiếc xe gắn máy Zündapp của Đức mỗi sáng thầy cỡi đến trường. Tôi mời vợ chồng thằng Khuôn đi ăn trưa; hai thằng miên man kể lại chuyện năm 1975 di tản và tấp lên North Dakota, để mặc Quỳnh Châu và vợ nó tâm sự với nhau. Nhắc lại thời học trò, bạn tôi giải thích tại sao sau bốn năm Hàm Nghi, hai thằng không gặp nhau,

“Đậu Trung học Đệ nhất cấp, *tau băng* (nhảy lớp) đệ tam (lớp 10), qua trường Bán Công học đệ nhị (lớp 11), và thi đậu Tú tài I mới vô trường Quốc Học học đệ nhất (lớp 12). Đậu Tú tài II, *tau* thi đậu vô Đại học Sư phạm Huế, học ba năm ra trường, và năm 1967 được bổ về dạy sử địa tại trường nữ trung học Đà Nẵng mới thành lập.”

“Mày giỏi thiệt! Học xong ra trường trước tao đến ba năm, và lại được về trường nữ trung học – tha hồ *làm le* với bọn học trò con gái ngây thơ . . . vô số tội,” tôi cười khì.

“Trường mới mở thiếu giáo sư nên *tau* mới được về đó. *Tau* được bà hiệu trưởng Diệu Lễ tận tình hướng dẫn vượt qua khó khăn của năm dạy học đầu tiên mà học trò tuổi xuýt xoát với ông thầy,” nó gượng cười và kể về vị hiệu trưởng khả kính.

Bà Diệu Lễ người Huế thuộc dòng họ Nguyễn Khoa danh giá của đất thần kinh và là phu nhân của ông Mãi đại biểu chính phủ Việt nam Cộng hòa (“VNCH”) tại Vùng I, văn phòng đặt tại Đà Nẵng. Giữ chức vụ hành chánh cao nhất Vùng I, ông có quyền hành ngang hàng với tướng tư

lệnh vùng bên phía quân sự. Trước khi về Đà Nẵng, bà Mãi (bà thường được gọi như thế) là hiệu trưởng trường Bùi thị Xuân Đà Lạt, và ông là phó thị trưởng hành chánh Đà Lạt rồi đi du học Hoa kỳ một thời gian. Người Quảng Trị, ông thuộc dòng họ quan Phụ chính Đại thần Nguyễn văn Tường (1824 - 1886) đời nhà Nguyễn. Ông bà sống trong ngôi biệt thự trên đường Hoàng Hoa Thám và có bốn người con: Viễn con trai đầu đã đi du học ở tiểu bang Ohio bên Hoa kỳ từ ngày ông bà còn ở Đà Lạt, hai cô con gái kế Diệu Minh và Diệu Hạnh, và Quý con trai út. Diệu Minh tâm thần suy nhược cần được chăm sóc thường trực, và Diệu Hạnh học rất giỏi.

Cuối năm âm lịch trước Tết Mậu Thân (1968), ông bà Mãi đưa con về Huế ăn tết với gia đình nội ngoại và ở trong nhà vắng lai của chính phủ là một biệt thự đồ sộ trên đường Lê Lợi chạy dọc theo hữu ngạn sông Hương. Đêm trừ tịch, trong tiếng pháo và tiếng súng đón giao thừa, Việt Cộng (“VC”) đột nhập vào thành phố, mở cuộc tấn công, chiếm giữ nhà vắng lai, và bắt giữ ông Mãi giam riêng trên lầu. Bà và các con bị lừa xuống dưới tầng hầm. Cậu bé Quý chín tuổi khép nép đứng nhìn bộ tịch lúng ta lúng túng của toán lính VC trên rừng mới về mà không dám cười.

Thí dụ, một tên VC cầm lon bia loay hoay lắc qua lắc lại cả buổi mà không biết làm sao mở ra, cuối cùng tìm thấy cái khoen kim loại dùng để mở, và đánh liều kéo ra khiến bọt bia xịt lên tung tóe. *Hấn* ta hết hồn liệng lon bia ra xa, nằm rạp xuống đất, và hô to, “Lựu đạn! Lựu đạn!” Có lần Quý nghe tên chỉ huy chỉ thị cho đồng bọn,

“Các đồng chí cần tích cực cảnh giác, ta đã nhận thấy *đít phụ nữ Ngụy có lần*. Ta chưa nắm vững tình hình, nhưng ‘có khả năng’ chúng nó mang ‘đài’ để dò thám cho gián điệp Mỹ.”

Cái “đài” mà tên VC sợ bóng sợ gió thực ra là chiếc quần lót đàn bà mặc bó sát khiến bên ngoài thấy dấu hằn của đường viền. Khi rút lui, toán VC bắt ông Mãi đi theo. Ban đầu, ông bị điệu tới một khu trong rừng núi tỉnh Thừa Thiên. Sau đó bị áp giải theo đường mòn Hồ Chí Minh ra Bắc và hứng chịu các cuộc tập kích kinh hoàng của oanh tạc cơ B-52 của Hoa Kỳ. Khi di chuyển, ông Mãi và các bạn tù đi bộ chân đất, tay bị trói đưa ra đằng trước, và một sợi dây thừng buộc chung người này với người kia. Họ đi theo hàng dọc, một người trượt chân té thì cả toán tù té theo. Đêm nằm ngủ không bị trói thì chân bị cùm.

Ra Bắc, ban đầu ông Mãi bị giam ở trại Thanh Liệt tỉnh Hà Đông và sau đó bị biệt giam trong xà lim các trại Phú Sơn tỉnh Thái Nguyên, Phú Thủy tỉnh Hoàng Liên Sơn, Hà Tây tỉnh Nam Hà, và Vĩnh Phú tỉnh Thanh Hóa. Ở đâu cũng giống nhau – đói khát lạnh lẽo cơ cực và lúc nào cũng bị cai tù đe dọa. Sống biệt giam trong xà lim, ông cô đơn khát khao nhìn thấy ánh sáng và người hay sinh vật bên ngoài. Trong năm cuối cùng, ông được giam chung với những người tù khác và lại chịu các khổ sở khác như lao động vất vả, *ăng-ten* báo cáo, và cai tù dằn vặt xỉ vả.

* * *

Sau Tết Mậu Thân, bà Mãi đưa con trở về Đà Nẵng, dọn sang căn nhà nhỏ hơn trên đường Lê Lợi, và cố nén đau đớn để lo cho gia đình. Sau khi đậu Tú tài II với thứ hạng cao, Diệu Hạnh đi du học Hoa kỳ và ở Ohio với Viễn.

Trường nữ trung học Đà Nẵng xây trên một nghĩa trang cũ của người Pháp, trưởng thành nhờ nghị lực và cố gắng của bà Mãi, và sau này đổi tên thành Hồng Đức. Mùa xuân Ất Mão (1975)

trường tổ chức “tuần lễ sinh hoạt Hồng Đức” tương ứng với hội chợ, triển lãm, và sinh hoạt văn nghệ, báo chí, và thể thao, từ húi nhật vua Lê Thánh Tông (bút hiệu Hồng Đức) đến ngày kỷ niệm Hai Bà Trưng khởi nghĩa. Nhưng chỉ một tuần sau, đồng bào di tản từ Quảng Trị và Thừa Thiên ùa về, và trường biến thành trại tỵ nạn. Bà đứng đầu ủy ban cứu trợ, phụ trách phân phối thực phẩm và thuốc men cho đồng bào chiến nạn. Bà không muốn và không thể rời bỏ nhiệm sở nên xoay xở gửi Diệu Minh và Quý vào Sài gòn bằng máy bay và căn dặn Quý phải chăm lo cho chị. Diệu Minh ở nhà một người chị bà, và Quý ở nhà một người em trai bà nhưng hàng ngày đạp xe đến giặt giũ cho Diệu Minh. Cuối tháng Tư, Quý đi theo gia đình cậu di tản, Diệu Minh ở lại Sài gòn với dì.

Ngày 29 tháng Ba, Đà Nẵng thất thủ, VC vào “tiếp quản” trường, và bà Mãi vẫn còn chân “giáo viên” dạy Pháp văn. Sau ngày 30 tháng Tư, bà vào Sài gòn đón Diệu Minh về và khi trở lại, bị VC đuổi việc bằng cách ra lệnh cho bà “làm đơn xin nghỉ.” Bà không còn lý do để ở lại Đà Nẵng và mất hơn nửa năm mới xin được giấy phép di chuyển vào Sài gòn với lý do chữa bệnh cho Diệu Minh. Bà xoay xở làm đủ thứ nghề như nấu bún bò Huế bán dạo ngoài đường, mở tiệm cho thuê bàn đánh bóng bàn, và làm việc trong hãng phần. Cốt để có nghề nghiệp và không bị VC cưỡng ép “đi kinh tế mới” mà khổ sở đói khát cùng cực chờ đợi.

Mười một năm sau ngày ông Mãi bị bắt đi, bà nhận được tin ông. Lúc này, ông bị xếp vào một thứ công nhân *chùa* của nhà nước, được báo đã ra khỏi tù, nhưng bị chỉ định sống ở trại tù Vĩnh Phú tỉnh Thanh Hóa, gọi là “tù được tha mà không được thả.” Tình cờ ông tìm được địa chỉ bà cô vợ đang làm chủ tịch hội Liên hiệp Phụ nữ Việt nam ở Hà nội và viết thư nhờ liên lạc với gia đình. Theo Cộng sản từ thập niên 1930, bà ta vốn thù ghét ông nên không thêm mở thư. Nhưng thay vì liệng bỏ, bà gửi sang Pháp cho một người bà con họ Nguyễn Khoa, và thư được chuyển về Sài gòn cho bà Mãi. Bà cật lực dứt lốt nửa năm trời mới xin được giấy phép đi thăm ông. Gặp lại nhau lần đầu, ông bà hầu như không nhận ra nhau.

Bà Mãi đi thăm ông trở về, Diệu Minh trở bệnh nặng, đưa vào nhà thương thì bác sĩ bó tay vì không có thuốc men hay dụng cụ chữa trị, và qua đời. Xác cô được hỏa thiêu, và tìn cốt được giữ thờ trong chùa. Một năm sau, cai tù gọi ông Mãi lên và cho biết ông được phóng thích, *Đáng lẽ ra anh không được thả. Người như anh không bao giờ cải tạo được.*

Ông Mãi vào Sài gòn với bà. Lúc này, Hoa kỳ bắt đầu chương trình Ra đi Có Trật tự (ODP) cho phép người Việt nam tỵ nạn nhập cảnh Hoa Kỳ. Vì là viên chức VNCH cao cấp nhất bị bắt với thời gian bị giam tù dài lâu, ông được ưu tiên cứu xét. Tuy vậy, ông bà phải mất bốn năm để đi qua hàng chục cửa ải đòi tiền hối lộ mới có giấy tờ xuất cảnh sang Hoa kỳ đoàn tụ với con.

* * *

Cuối tháng Tư năm 1975, Quý theo gia đình cậu lên máy bay quân sự ra đảo Phú Quốc. Vài ngày sau, chàng thanh niên 17 tuổi và hơn 16,700 đồng bào di tản khác chen chúc trên chiến hạm *USS Pioneer Contender* của Đệ thất Hạm đội Hoa kỳ. Chiến hạm đưa họ đến trại tạm cư Orote Point trên đảo Guam. Rồi Quý và gia đình cậu được đưa sang trại tỵ nạn Đồn Chaffee ở Arkansas bằng máy bay. Sau khi được Viễn đồng ý bảo trợ, Quý chia tay cậu vợ bay về Ohio ở

với anh và chị Diệu Hạnh. Viễn đã tốt nghiệp về ngành sinh vật học, đi làm và lập gia đình với một người Mỹ, và có đứa con trai ba tuổi. Diệu Hạnh là sinh viên dược khoa.

Quý di chuyển về California học ngành báo chí tại California State University ở San Diego. Sau đó, Quý lên San Jose làm cán sự xã hội giúp đỡ người tỵ nạn Đông dương, sản xuất một chương trình truyền thanh, và cuối cùng dọn về San Francisco. Tiếp theo là một năm làm việc trong phái đoàn Hoa kỳ giúp đỡ người Việt tại trại tỵ nạn Galang ở Nam Dương trước khi trở về San Francisco thuê nhà sửa soạn đón ông bà Mãi từ Sài Gòn sang,
Ở tuổi 26, sau chín năm sống riêng một mình, tôi lại có cha mẹ.

Gần gũi cha mẹ một thời gian, Quý sang Luân Đôn làm việc cho đài BBC, nhưng sáu tháng sau trở lại San Francisco làm việc cho KALW-FM là một đài *public radio* hội viên của *National Public Radio* (NPR). NPR là công ty truyền thông tư nhân, bất vụ lợi, và được cả chính phủ lẫn công chúng tài trợ; hầu hết các đài *public radio* lại do những đại học công lập của tiểu bang làm chủ. Năm 1989, Quý trở về Việt nam thực hiện một phóng sự cho NPR để “khám phá lại đất nước và tìm hiểu cuộc sống đương thời.” Đồng thời thực hiện ước nguyện đối với Diệu Minh, người chị vắng số: *Dem tro chị về với cha mẹ anh em.*

Điều đó Quý đã làm. Lần đầu tiên trong một thời gian rất dài, gia đình bà Mãi lại có nhau.

Nguyễn Ngọc Hoa
Ngày 6 tháng Tư, 2022

Ba Thằng Bạ, Ba Nẻ Đồi

Truyện ngắn của Nguyễn Ngọc Hoa

Chiều thứ Sáu, tôi đi làm về sớm và lái xe chở Quỳnh Châu và bé Mạc đi Minot thăm thằng Khuôn. Nó học cùng lớp với tôi suốt bốn năm trung học đệ nhất cấp ở trường Hàm Nghi Huế, hai mươi năm rồi chúng tôi mới gặp lại nhau – trong buổi lễ tuyên thệ nhập tịch tuần rồi. Minot nhỏ hơn và cách xa thành phố tôi ở khoảng 100 dặm về phía bắc. Vợ chồng nó và ba đứa con sống trong căn nhà khang trang, sân cỏ trước nhà xanh mướt và cắt xén tỉ mỉ. Mỹ An vợ nó người Nam vui tính, dễ dãi, và đã chị chị em em thân thiết với Quỳnh Châu từ hồi nào. Sau khi khoanh tay cúi đầu chào chúng tôi, hai đứa con trai đầu là Bách lên mười và Nhẫn lên sáu kéo Mạc chạy ra chơi ngoài sân. Tay ấm con gái út chưa đầy năm, thằng Khuôn cho biết,

“Bữa *ni* có con Kim Xuân em họ vợ *tau* tới nữa. Chồng *hắn* người Mỹ làm giám đốc văn phòng công ty Schlumberger tại đây. Năm 1975, tụi *hắn* bảo trợ gia đình *tau* lên North Dakota và đưa *tau* vô làm việc cho hãng tới *chừ*.”

Schlumberger là công ty khoan dầu ngoài khơi lớn nhất thế giới và cung cấp dịch vụ khai thác mỏ dầu. Bỗng có tiếng xôn xao phía trước rồi một thiếu phụ tóc dài có đôi mắt long lanh thoáng một chút tinh nghịch dắt tay hai đứa bé nhanh nhẹn bước vào nhà. Bách cầm gói quà đưa lên khoe mẹ,

“Má ơi, dì Xuân cho tụi con.”

“Mấy đứa cám ơn dì chưa?” Mỹ An nhắc nhở.

“Rồi! Rồi! Nhưng dì không chịu, biểu tụi con phải *mi* dì, mà phải *mi* cả hai má *lên*,”

Nhẫn kể lể.

“*Dzậy* Bách và Nhẫn *mi* dì rồi hả?”

Nhẫn trịnh trọng trả lời,

“Con trai ai mà *mi* con gái, mắc cỡ chết! Con không muốn đâu!”

“Nếu không thì trả lại quà cho dì, Nhẫn đừng có ăn gian,” thằng Khuôn cười xòa.

“Được rồi, nhưng dì không được ôm con rồi *hun* thêm đâu đó,” Nhẫn phụng phịu giao hện khiến mọi người cười ồ.

Kim Xuân ngờ ngợ nhìn tôi rồi reo lên,

“Nghe nói anh *Ba Hoa*, tưởng ai xa lạ chớ ‘ông’ này thì *tui* quen mặt lắm.”

“Tôi nhận ra cô rồi, nhưng đố cô mình gặp nhau ở đâu?” tôi cười tủm tỉm.

“Hồi đó, anh hay tới Đại học xá Minh Mạng chơi với anh Miên bạn cùng phòng của *bồ tui* là anh Hoài học y khoa. Thời gian đó *tui* tới thăm anh Hoài luôn và có buổi tối được anh đãi đi ăn nhậu hấp trên đường Nguyễn Tri Phương. Bữa đó, hình như anh mới trúng mồi lãnh tiền dạy học gì đó và không thể để tiền nằm yên trong túi,” nàng nhớ lại rồi hỏi, “Bây giờ anh Hoài ở đâu, anh biết không?”

“Sau Tết Mậu Thân (1968), nó đưa xác người thân bị Việt Cộng bắn chết về quê ở Nha Trang rồi không trở lại Đại học xá; từ đó tôi không gặp nó.”

“Còn anh Miên có học ra bác sĩ không?”

“Nó thi hỏng rồi đi lính . . .”

Nghe nói tới thằng Miên, thằng Khuôn góp chuyện,

“*Tau* nhớ thời học Hàm Nghi, *mi* với thằng Miên là cặp bài trùng ngồi bàn đầu phá như giặc. *Mi* cười dài và giòn tan, chơi nhiều, nhưng thông minh và học giỏi, còn thằng Miên thì học *gạo*. Tụi *bây* chỉ kêu nhau bằng tên ‘ông già’ và sáng *mô* đi học cũng đạp xe ngang nhà *tau* trên đường Đào Duy Từ.”

“Thiệt ra, tụi tao đi bộ ba – tao, thằng Miên, và thằng Phúc. Ba thằng đều ở trên đường Huỳnh Thúc Kháng chạy dọc bờ sông Đào tức là sông Đông Ba chảy từ cầu Gia Hội đến phố Bao Vinh. Thằng Miên nhà xa nhất, đi lên kêu tao ở xóm Mang Cá, rồi hai thằng lên *vớt* thằng Phúc ở gần cầu Thanh Long.”

“Thằng Phúc cao hơn *mi* và thằng Miên và ngồi bàn thứ nhì sau tụi *bây*. *Hấn* lớn tuổi và chín chắn hơn nên thường can *mi* để cho *mi* khỏi làm loạn,” thằng Khuôn được nước cười hề hề.

Thằng Miên người tròn trịa, nước da trắng, và giọng nói nhỏ nhẹ và thanh như con gái. Nó là con út và có ba người anh trai. Tới nhà thằng Miên, tôi ít khi thấy ba nó mà chỉ gặp một người đàn bà lúc đầu tôi tưởng là mẹ nó, lâu sau nghe nó gọi bằng dì mới biết nó mồ côi mẹ. Nó nói dì là bạn thân của *mạ* nó ở làng Nam Phổ và góa chồng đã lâu. Yên Lý con gái dì cũng ở trong nhà; nàng cỡ tuổi tôi và thằng Miên và học trường Đồng Khánh sau chúng tôi hai lớp. Tôi biết làng Nam Phổ qua bài hát ru con,

À ư, ru con con théc cho muỗi,
Để mẹ đi chợ mua vôi ăn trầu.
Mua vôi Chợ Quán, Chợ Cầu,
Mua cau Nam Phổ, mua trầu Chợ Dinh . . .

“Théc” là ngủ say và lâu, ngủ cho “muỗi.” Làng Nam Phổ trồng nhiều cau, cau nổi tiếng sai quả và ngon. Người Huế có câu “*Con gái Nam Phổ ở lổ trèo cau*” (“ở lổ” là ở trường) để nói đàn bà làng này tháo vát và đảm đương mọi công việc trong nhà ngoài ngõ. Cô gái Nam Phổ Yên Lý không đẹp lắm nhưng duyên dáng mặn mà và bật thiệp, nàng luôn luôn chú tâm chăm sóc thằng Miên.

Thằng Phúc họ Hà, quê làng La Chũ cách Huế khoảng mười cây số, và lên Huế trọ học. La Chũ là vùng đất học, xưa có nhiều người đỗ đạt làm quan, và họ Hà là một danh gia vọng tộc của đất thần kinh, “*Nhất Thân, nhì Đặng, tam Hà*.” Thằng Phúc là con một và mồ côi cha, *mạ* nó làm ruộng, nuôi heo, v.v. vất vả quanh năm suốt tháng để nuôi nó đi học. Buổi chiều không đến trường, nó xuống nhà tôi học bài chung với tôi. Học xong nó rủ xuống nhà thằng Miên chơi, nó không nói tôi cũng biết là cốt để gặp Yên Lý, mặc dù trước mặt nàng nó thành đờ đẫn như người mất hồn.

Thằng Miên thì ngược lại, nó đến nhà chỉ rủ tôi đi chơi. Khi thì đi xem đá banh, khi thì đi xi-nê hay đi ăn tiệm (nó mang theo tiền bao tôi), hay có khi chỉ lang thang ngoài phố hay trên *đường phượng bay*, tức là đường Đoàn thị Điểm bên cạnh trường. Khi chỉ có hai đứa, nó rủ tôi ra sân cỏ rộng trước trường chơi trò rượt bắt và khi bắt được tôi, đè tôi nằm ngửa trên cỏ, và hôn vào

miệng tôi. Tôi gớm ghiếc kêu tên cha tên mẹ nó ra chửi ỏm tôi, nó giận một hôm rồi đầu lại vào đó. Đối với tôi, thằng Miên tính nết bất thường, giận đó rồi làm lành đó. Khi giận thì ghét cay ghét đắng chờ dịp làm cho lại gan, khi tử tế với nhau thì dịu dàng dễ thương vô kể. Có lần nó lấy tờ giấy tôi vẽ bậy bạ lên vách cô giáo dạy toán khiến tôi bị ông hiệu trưởng bắt nằm sấp trên bục bảng đen, lấy roi mây phết vào mông trước mặt cả lớp, và đuổi học một tuần. Nhưng hai thằng vẫn là bạn thân quấn quýt bên nhau trong suốt bốn năm Hàm Nghi.

Sau khi đậu Trung học Đệ nhất cấp và lên đệ tam (lớp 10) trường Quốc Học, tôi và thằng Miên không còn gặp nhau thường. Học sinh trung học đệ nhị cấp phải chọn ban chuyên khoa, tôi và thằng Phúc chọn ban B (Khoa học Toán) và được học cùng lớp đệ tam B3, và thằng Miên chọn ban A (Khoa học Thực nghiệm) với dự định sau này sẽ học y khoa nên học lớp khác; trường có đến 17 lớp đệ tam. Tôi và thằng Phúc không còn gặp nhau ngoài giờ học vì nó đổi nhà trọ ở cho gần trường. Đầu mùa hè cuối niên khóa ấy, tôi theo gia đình từ giã Huế vào Ban Mê Thuột ở với cha.

* * *

Vào Sài Gòn học hơn nửa niên khóa tôi mới gặp lại thằng Miên, nó ở Đại học xá Minh Mạng chung phòng với thằng Hoài có tiếng đào hoa nhiều *bồ*. Cả hai thằng đều không đậu vào lớp dự bị y khoa cuối hè năm trước, đang học SPCN (Science Physique, Chimie et Naturelle) là lớp Lý Hóa Nhiên ở Đại học Khoa học Sài Gòn, và chuẩn bị cuối hè năm tới thi vào y khoa trở lại. Ở trung học, thằng Miên tính xa mà hóa dại. Hồi đó, Đại học Y khoa Sài Gòn nhận sinh viên đã hoàn tất một năm học Lý Hóa Sinh (vật lý, hóa học, và sinh vật học) vào năm thứ nhất y khoa nên nó học ban A để chuẩn bị cho lớp Lý Hóa Sinh. Khi nó lên đại học, trường y khoa bất ngờ đổi phương pháp tuyển chọn, mở thêm lớp dự bị y khoa, và tuyển sinh viên có bằng Tú tài II với khả năng và kiến thức tổng quát giỏi nhất. Thế là nó *bù*, ba năm *tụng* vạn vật (sinh vật học) thành công toi.

Cuối năm, thằng Hoài đậu SPCN và trúng tuyển vào dự bị y khoa. Thằng Miên thi rớt cả hai bên và chỉ còn cách ghi danh học lại SPCN và sửa soạn thi vào y khoa lần thứ ba. Thời gian này, tôi gặp Kim Xuân, lúc đó là *bồ* của thằng Hoài. Và đời tôi cũng rối rắm không thua gì thằng Miên: Tôi mất học bổng đi du học Gia Nã Đại rồi bị một giáo sư *trù* và bắt ở lại lớp. Cả hai thằng đều thất vọng, đau khổ, và chán đời, tâm hồn lại bị đầu độc bởi triết lý “cuộc đời phi lý và buồn nôn” trong tiểu thuyết hiện sinh mà bọn sinh viên chúng tôi ngưỡng mộ một cách ngu xuẩn. Một tối tôi và thằng Miên ra Ngã Sáu Chợ Lớn ngồi ghế thấp bên lề đường uống cà-phê đá, nó tâm sự *lòng thòng*,

“Con Lý *chừ* dạy lớp nhất (lớp 5) trường Thanh Long gần nhà *mi* hồi đó. *Hấn* nói thằng Phúc lân la tới nhà chơi hoài, muốn *cua hấn* mà không dám mở miệng. Thằng *nó chừ* học năm thứ hai Đại học Khoa học Huế và thán thán lãnh lương *mạ hấn* đều đều.”

“Con Lý bà con với mày làm sao?” tôi thừa cơ hội hỏi gheo, “Tao nghi hai đứa mày là anh em . . . ruột, tức là nối ruột với nhau như trong bài ca dao,

*Đàn ông kia hỡi đàn ông,
Nửa đêm trở dậy, cầm chông đàn bà.
Đàn bà kia hỡi đàn bà,*

Nửa đêm trở dậy, rút ruột già đàn ông!

“Thiệt ra không bà con *chi* hết. Trước khi qua đời, *mẹ* *tau* trối lại nhờ dì là *mẹ* con Lý chăm lo cho ba và tụi *tau*. *Mẹ* muốn dì lấy ba, nhưng ba thương *mẹ* không đồng ý mà chỉ mời *mẹ* con dì về ở trong nhà để bảo bọc. Rồi *mẹ* bắt dì hứa gả con Lý cho *tau* là đưa con út *mẹ* sợ gặp khó khăn trong việc lấy *vợ*,” thằng Miên ngượng ngập trả lời; thì ra bà mẹ đã biết nó *pê-đê* (tiếng Pháp “*pédéraste*” là tình dục đồng giới phái nam).

“Con Lý thương mà thiệt tình. Thằng Phúc lảng tránh tới *buông* lời *ong* *bướm* cũng mất công toi thôi,” tôi giả đờ như không biết nó *pê-đê*.

* * *

Tết Mậu Thân (1968), Việt Cộng tấn công và gieo tang tóc kinh hoàng lên thành phố Huế. Thằng Phúc *thừa* *nước* *đục* *thả* *câu* theo chân bọn nầm vùng đi bắt và xử tử các “thành phần tay sai Mỹ Ngụy” rồi theo lũ Cộng rút *lên* *núi*. Ở Sài Gòn, thằng Miên thi rớt một lần nữa, bị gọi động viên nhập ngũ vào quân trường Thủ Đức, và ra trường tình nguyện đi Thủy quân Lục chiến. Chàng sĩ quan “Trâu Điền” mặt trắng như con gái mà đánh giặc gan lì không kém ai được điều động đi liên miên ra chiến trường khắp bốn vùng chiến thuật và ít khi có thì giờ đi phép về Huế thăm gia đình.

Tháng Năm năm 1975, người chiến binh bại trận trở về Huế, thân thể nguyên vẹn, nhưng tâm hồn tan nát. Chưa có đủ thời gian để thương xót mình thì phải trình diện đi “học tập cải tạo” và chịu tù đầy nhục nhã năm năm dài, năm năm *đập* *đá* *tìm* *tương* *lai*, nó nói. Từ *trên* *núi*, thằng Phúc của “phe thắng cuộc” trở về thành phố, bạn bè và người quen cũ khinh rẻ nó, và *mẹ* nó khóc ròng từ đứa con duy nhất,

“*Mi* làm điểm nhục dòng dõi họ Hà vinh hiển xưa nay và bất hiếu với ông bà tổ tiên. Sống ăn uống cơm Trời, chết quách cho rồi!”

Được Việt Cộng phong cho một chức nghe thật kêu nhưng không có quyền hành thực, thằng Phúc vênh vang gặp Yên Lý cầu hôn. Cô gái Nam Phổ trả lời nhẹ nhàng mà chắc nịch,

“*Tui* sẽ chịu lấy anh cả hai tay, nếu anh *mần* *răng* cho mấy người bị anh hại sống lại.”

Rồi người tù cải tạo ra tù đi về nhà, thân tàn ma dại. Đạp xích lô để kiếm sống và để gia đình không bị ép buộc “đi kinh tế mới.” Một năm sau, cả gia đình bòn mót tài sản mà chỉ đủ vàng mua một chỗ trên tàu vượt biên – dành cho chú út Miên. Nó gạt nước mắt ra đi, nhưng chuyến tàu không đến nơi, và không ai biết tin tức về những người đi trên chuyến tàu đó.

Ba thằng bạn ngày trước giờ đây trôi giạt về ba nẻo đời cách biệt. Thằng nầm vùi thân dưới đáy biển, thằng theo Việt Cộng chưa tỉnh ngộ, và thằng *xin* *nhận* *nơi* *này* *làm* *quê* *hương* ở xứ North Dakota. Cuộc đời bể dâu!

Nguyễn Ngọc Hoa

Ngày 20 tháng Tư, 2022

Thú Đau Thương

Truyện ngắn của Nguyễn Ngọc Hoa

Trong sở tôi, câu lạc bộ ở lầu hai được dùng cho nhân viên nghỉ *coffee break*, tức là nghỉ giải lao giữa mỗi buổi làm việc sáng và chiều, và cho những người trưa không về nhà ngồi ăn trưa. Trên tường của góc phòng tôi thường ngồi với bạn có bảng yết thị để nhân viên niêm yết thông báo riêng như các buổi họp văn nghệ, tôn giáo, hay xã hội và các cuộc gây quỹ từ thiện. Mặt bảng làm bằng bìa (hay điền điểm) nên chỉ cần dùng đinh ấn để sẵn để ghim tờ thông báo vào bảng. Một buổi sáng cuối hè, tôi thấy một tờ giấy nằm khiêm tốn ở góc bảng ghi hai hàng chữ in đậm:

Đã đến lúc trở lại đại học lấy MBA.

Làm ơn gọi văn phòng UND ở Bismarck tại số (701) 123-4567.

MBA là Master of Business Administration, tức là bằng Cao học Quản trị Xí nghiệp, và UND là University of North Dakota, một trong hai trường đại học lớn nhất của tiểu bang mà trường sở chính đặt ở Grand Forks cách Bismarck tôi ở chừng 150 dặm Anh về hướng đông bắc. Đường như lời mời gọi của người nào đó dành riêng cho tôi, và ước mơ trở lại đại học ở Hoa kỳ bỗng sống lại trong tâm khảm. Bảy năm qua, tôi miệt mài học hỏi những kiến thức cần thiết như phương cách điều hành hệ thống điện và kỹ thuật điện toán để hoàn thành nhiệm vụ của một kỹ sư kế hoạch, và luyện Anh ngữ để có thể viết và trình bày có hiệu quả như, nếu không hơn, các đồng nghiệp người Mỹ. Từ đầu hè năm nay, nỗ lực của tôi đã đến mức bảo hòa, học mà không thu nhận được bao nhiêu, nên tôi chán và ngưng học thêm ở nhà.

Đối với kỹ sư làm việc trong một xí nghiệp lớn, học MBA là điều hợp lý vì kiến thức quản trị sẽ mở rộng cơ hội tiến thân lên ban giám đốc xí nghiệp. Trước đây ở Sài Gòn, tôi đã có dịp *thử lửa* với chương trình cao học kinh doanh của trường Chánh trị Kinh doanh Đà Lạt ("CTKDĐL") đặt trên lầu hai tòa nhà Thư quán Xuân Thu ở đường Tự Do. Lúc đó, khóa kỹ sư điện của tôi tốt nghiệp nhưng thiếu việc làm, anh nào không tìm ra việc sẽ phải nhập ngũ khi thời hạn hoãn dịch vì lý do học vấn chấm dứt. Thay vì lấy thứ hạng đậu cao để tranh giành việc làm với bạn, tôi thi vào cao học CTKDĐL để tiếp tục học và được hoãn dịch. Nhưng tôi chỉ học CTKDĐL một tháng rồi chuyển qua Đại học Khoa học Sài Gòn học tiến sĩ kỹ sư, ngành học hợp với khả năng chuyên môn hơn.

Tôi gọi số điện thoại trên tờ thông báo và nói chuyện với ông phụ tá khoa trưởng phụ trách chi nhánh Bismarck của trường Kinh doanh UND. Ông cho biết chương trình MBA đó dạy buổi tối qua Hệ thống Truyền hình Tương hỗ (viết tắt là IVN) của chính phủ tiểu bang và dạy đồng thời hai lớp ở hai địa điểm: Lớp Grand Forks gồm phần lớn sinh viên trẻ đang đi học toàn thời gian, và lớp Bismarck nhắm vào nhu cầu của người đang đi làm như tôi. Giáo sư đứng dạy ở lớp Grand Forks, sinh viên lớp Bismarck nghe giảng bài và đối thoại với giáo sư qua IVN. Bài làm hay bài thi được gửi cấp tốc từ Bismarck lên Grand Forks, giáo sư chấm ngay và gửi trả lại trước buổi học tuần tới. Ông phụ tá khoa trưởng cười nhẹ,

“Nó giống như lớp học thường, chỉ có khác là muốn bắt tay giáo sư, anh phải chờ đến khi ông ấy xuống Bismarck dạy. Mỗi lục cá nguyệt, giáo sư xuống đây ít nhất là hai buổi.” Một lục cá nguyệt ở UND là một học khóa 15 tuần lễ.

Tôi hỏi ý kiến anh *sếp* Gerrie, giám đốc nha Điều hành Hệ thống Điện. Anh nhắc tôi nếu học môn liên quan đến nghề nghiệp như các môn học trong chương trình MBA thì công ty sẽ hoàn lại học phí và tiền mua sách với điều kiện cuối khóa phải lấy tối thiểu điểm C, tức là điểm đậu. Trong bữa cơm chiều, tôi ngần ngại nói ý định đi học với Quỳnh Châu. Nàng bụm miệng cười, “Đã tới lúc rồi! Em đợi *ông dông* nói chuyện đó mấy tháng nay.”

“Cô vợ dễ thương tài thiệt! Sao em biết *tỷ* (ý muốn thầm kín) của anh *dzậy?*”

“Khổng tử nói người quân tử ba ngày không đọc sách thì soi gương thấy mặt mũi mình xấu xí khó coi, vậy mà mấy tháng qua, tối nào chổng cũng ngồi *chầu quạu* trước chiếc *ti-vi* mùa hè chiếu lại ba cái tuồng tích *cũ rích cũ rang*, chẳng thèm đọc sách hay học hành gì cả. Thấy mà tội nghiệp, chổng đi học đi cho em nhờ!”

“Ngày Sài gòn, anh nghe nói mấy anh kỹ sư Phú Thọ sang Mỹ học *Master*, không anh nào mất quá một năm rưỡi. MBA chắc không đến nỗi khó, anh tin mình có thể đi học mà thì giờ dành cho em và con, nhà cửa, và công việc sẽ không bị ảnh hưởng gì cả.”

Tôi đã quá lạc quan. Trước mặt là một thử thách lớn lao: chương trình cao học của đại học Hoa kỳ nổi tiếng kén chọn và *khó ăn* nhất thế giới. Muốn ghi danh học đại học nói chung, nếu không phải là dân bản xứ, sinh viên phải thi Khảo sát Anh ngữ khi là Ngoại ngữ (viết tắt là TOEFL); bậc cử nhân đòi tối thiểu 500 điểm, và bậc cao học 550 điểm – không dễ đâu gì! Hơn nữa, phải tốt nghiệp cử nhân với điểm trung bình từ 3.0 (điểm B) trở lên mới được nhận vào cao học, suốt học trình cao học phải luôn luôn giữ điểm trung bình từ 3.0 trở lên (nếu không sẽ bị *mời đi chỗ khác chơi*), và từ đầu đến cuối phải hoàn tất trong vòng sáu năm (nếu không sẽ phải làm lại từ đầu). Mỗi chương trình cao học đòi hỏi phải thi một kỳ thi khả năng khác nhau mà kết quả sẽ được dùng để xét đơn xin nhập học, MBA bắt phải thi Khảo sát để Nhập học Cao học Quản trị (viết tắt là GMAT), và trường Kinh doanh UND đòi tối thiểu 800 điểm.

Để thi TOEFL, tôi ra thư viện mượn sách chỉ dẫn có bài thi mẫu để học. Về GMAT, sách chỉ dẫn và bài thi mẫu cho thấy tôi cần chuẩn bị kỹ càng hơn nhiều, nhất là phần lãnh hội Anh ngữ và, trở trêu thay, phần toán. Phần lãnh hội Anh ngữ cung cấp một bài văn khá dài với những danh từ khó và lạ và hỏi thí sinh các câu văn nói gì theo ý tác giả, chứ không phải theo cách suy đoán trong đời sống thường ngày. Phần toán gồm các câu hỏi mà muốn trả lời chỉ cần làm một hay hai con tính đơn giản, nhưng cái khó là không được dùng máy tính. Tôi phải học lại cách làm toán bằng tay như hồi học trung học vì sau những năm làm việc ở Hoa kỳ, máy tính cầm tay trở thành dụng cụ tính toán không thể thiếu, ngay cả khi tôi quyết toán sổ chi phiếu ở nhà.

Tuy nhiên, trở ngại lớn nhất để được chính thức nhận vào chương trình MBA này là những môn học dự tiên (prerequisite) trong học trình cử nhân quản trị xí nghiệp mà tôi chưa hề học qua: kế toán, kinh tế, luật lệ thương trường, tiếp thị, phương pháp sản xuất, v.v.; cộng lại số tín chỉ gần bằng hai năm học. Tôi ghi danh học lớp đêm ở trường Đại học Cộng đồng Bismarck hai lục cá nguyệt và lấy càng nhiều môn học dự tiên càng tốt. Phần còn lại thì thi để chứng tỏ khả năng với Chương trình Khảo hạch Bậc Đại học (viết tắt là CLEP), theo đó tôi mượn thư viện hay đặt

mua sách giáo khoa của môn học và khi học hết sách và đủ tự tin, nộp đơn đóng tiền xin thi. Giống như TOEFL và GMAT, kết quả thi CLEP được gửi thẳng tới trường Kinh doanh UND.

Để không thua kém bạn kỹ sư du học ngày trước, tôi quyết định *cày* luôn khóa hè để lấy MBA trong một năm rưỡi. Một tuần hai buổi tối tôi khoác một bên vai chiếc ba lô đựng sách vở đến lớp. Những tối khác thì dạy bé Mạc học và lo việc nhà nên đêm nào cũng sau 10 giờ đêm tôi mới ngồi vào bàn học và học đến khi không còn nhướn mắt lên nổi mới vào giường, thường sau ba giờ sáng. Cuối tuần thì làm các dự án với nhóm bạn cùng lớp, về nhà vẫn làm công chuyện thường lệ như chợ búa, mua sắm, giặt giũ, thu dọn nhà cửa, và săn sóc vườn tược. Mỗi lần đi công tác xa không đến lớp là một cơn ác mộng: Tôi học bù *thực mạng*, xin thi bù nếu vắng mặt nhằm buổi thi, và ban đêm lại ngủ ít hơn nữa.

Vào lục cá nguyệt thứ hai, tôi học kinh tế vĩ mô với Tiến sĩ Patrick O'Neill. Đó ngành kinh tế học nghiên cứu toàn bộ nền kinh tế và liên quan đến các yếu tố kinh tế đại quy mô như mức lạm phát, mức thất nghiệp, và tổng sản lượng quốc gia (GDP) thường thấy trên báo chí, và sự tương tác của chúng. Cuối buổi dạy đầu tiên ở Bismarck của ông, đám sinh viên đứng quanh ông hỏi chuyện. Khi ông phụ tá khoa trưởng có nhiệm vụ đưa giáo sư ra phi trường bay về có việc phải đi, tôi tình nguyện cho ông O'Neill quá giang. Thấy còn gần ba tiếng đồng hồ mới đến chuyến bay khuya, tôi mời ông đi ăn tối và có dịp nói chuyện riêng tư với vị giáo sư dạy môn học tôi ưa chuộng.

Ông O'Neill trạc khoảng ba mươi lăm, ba mươi sáu tuổi và tốt nghiệp tiến sĩ kinh tế tại Đại học Boston ở Boston thuộc tiểu bang Massachusetts; vị giáo sư bảo trợ luận án tiến sĩ của ông là tác giả cuốn sách kinh tế chính đang dùng trong lớp MBA. Ở trường Kinh doanh UND, vị giáo sư kinh tế tiền nhiệm nay đã về hưu của ông O'Neill là chuyên gia về vấn đề "tiên đoán mức tiêu thụ điện" (load forecasting) và trong nhiều năm, đã làm chuyên viên cố vấn cho Ủy ban Tiện ích tiểu bang North Dakota mỗi khi ủy ban duyệt xét đơn xin tăng giá điện của công ty tôi. Do đó, ban Kinh tế của trường thành thạo về *load forecasting* của công ty điện lực. Nhân nói về nghề nghiệp cũ ở Việt nam và khoe khả năng phân tích toán học của mình, tôi đưa cho ông O'Neill bản ghi các lỗi lầm tôi tìm thấy trong cuốn sách kinh tế.

Khi ông O'Neill trở lại Bismarck lần thứ hai, tôi cũng đưa ông phi trường và cùng đi ăn tối với ông như trước. Ông áy náy xin lỗi về các lỗi lầm trong cuốn sách,

"Tôi gửi bản nhận xét của anh về Boston cho ông thầy cũ, ông ngạc nhiên đến sửng sờ. Có những lỗi nằm sờ sờ, ai cũng có thể thấy mà qua năm lần tái bản, tác giả cũng như sinh viên dùng sách khắp thế giới không ai nhìn thấy. Đến ấn bản thứ bảy này, anh là người đầu tiên . . ."

"Em giỏi toán, và từ thời trung học, khả năng tìm ra điều hiển nhiên mà không ai thấy bắt nguồn từ cái bản tính không bao giờ tin hẳn chuyện gì khi chưa tự mình chứng minh là đúng," tôi giải thích, không mấy khiêm tốn.

"Ông thầy tôi nói lần tái bản tới sẽ viết thêm trong sách lời ghi ơn anh."

"*To err is human*," tôi làm cao dẫn chứng câu cách ngôn của người Mỹ, "Làm người ai cũng mắc sai lầm; em thấy chuyện này chẳng có gì quan trọng."

* * *

Đầu khóa mùa xuân 1985, tôi hoàn tất các môn học đòi hỏi và sửa soạn luận án MBA, luận án tính sáu tín chỉ, tương đương với hai môn học. (Ở Hoa kỳ, luận án cao học gọi là “thesis,” và luận án tiến sĩ “dissertation,” khác với tiếng Pháp “thèse” dùng chung cho cả hai.) Tôi lấy đề tài “khảo sát những phương pháp *load forecasting* dùng trong kỹ nghệ điện lực Hoa kỳ” và yêu cầu ông O’Neill làm cố vấn. Giữ nhiệm vụ *load forecasting* của công ty lâu nay, tôi đã có sẵn mọi tài liệu và dữ kiện cần thiết và cả chương trình điện toán để biểu thị các kiểu mẫu toán học đề nghị.

Sau khi được ông phó tổng giám đốc ký giấy cho phép sử dụng và phổ biến dữ kiện thuộc quyền sở hữu công ty, tôi xin nghỉ *vacation* hai tuần, vào văn phòng làm việc đóng cửa không tiếp ai, và viết một mạch xong ba trăm trang gửi cho ông O’Neill duyệt xét. Tôi trình luận án qua hệ thống IVN trước khi trường cho sinh viên nghỉ *spring break* giữa khóa mùa xuân, nhưng phải đợi đến cuối khóa, khi trường nghỉ hè, mới tốt nghiệp. Điểm trung bình của tôi là 4.0 vì môn học nào tôi cũng được điểm A. UND tổ chức lễ tốt nghiệp cho sinh viên toàn trường đại học tại Grand Forks. Tôi đi công tác xa vào ngày đó nên không đi dự lễ, khởi phải áo mũ lên sân khấu lãnh bằng tốt nghiệp; trường gửi bằng về nhà cho tôi.

Cầm trên tay tấm bằng MBA, kết quả của hai năm rưỡi hành xác bằng cách nhịn ngủ, tôi rưng rưng nước mắt thầm cảm ơn Quỳnh Châu và bé Mạc đã khoan dung đối với cái *thú đau thương* – đi học cao học – của tôi. Cái thú trong thơ của Lưu Trọng Lư (1912 - 1991),

*Xin để gối nằm im chỗ cũ,
Hãy lịm người trong thú đau thương.*

Nguyễn Ngọc Hoa

Ngày 4 tháng Năm, 2022

Bạn Bè Chi!

Truyện ngắn của Nguyễn Ngọc Hoa

Hơn sáu tháng qua, tôi kiêm lãnh nhiệm vụ kỹ sư dự án trông coi dự án gọi thầu cung cấp điện dài hạn để tăng cường hệ thống sản xuất điện của công ty. Tôi đã phối hợp việc soạn thảo và công bố cáo thị gọi thầu (request for proposals), đối đáp với các công ty định bỏ thầu (gửi đề nghị cung cấp điện), nhận đề nghị, và thẩm lượng khả năng kỹ thuật và giá cả của các đề nghị ấy. Hôm nay, một ngày đầu tháng Ba, ở phòng hội lâu năm thường dành cho các “ông lớn” trong ban giám đốc, tôi đúc kết dự án, tường trình kết quả, và khuyến nghị chọn công ty trúng thầu trong phiên họp do ông phó tổng giám đốc Wally chủ tọa. Tôi thuyết trình được nửa chừng thì cửa phòng xịch mở, cô thư ký Charlotte rón rén bước vào trao cho ông Wally tờ giấy nhỏ gấp làm đôi. Ông đọc xong, hơi nhú mày, và quay sang nói với tôi,

“*Ba Hoa*, anh bỏ lại mọi thứ ở đó và lập tức đến phòng cấp cứu bệnh viện St. Alexius; người ta vừa đưa cha anh đến đó. Chúng mình sẽ tiếp tục bàn thảo khi anh lo xong công chuyện cho cha.”

Tôi ba chân bốn cẳng chạy đến bệnh viện. Ông Nielsen mục sư chính của nhà thờ Ba ngôi Lutheran bảo trợ gia đình tôi đứng chờ trước một phòng ngăn có tấm màn kéo che kín. Chắc hẳn cha đã chỉ định ông là người tiếp xúc trong trường hợp khẩn cấp, và nhân viên nhà thờ đã gọi điện thoại vào sở báo tin cho tôi. Nét mặt vui đùa thường ngày biến mất, ông nghiêm nghị cho biết,

“Sáng nay Thông đi làm thấy trong người không khỏe và xin về nhà nghỉ. Anh lái lui lái tới mãi mà xe không ra khỏi bãi đậu. Rồi bạn đồng sự thấy anh gục trên tay lái bất tỉnh nhân sự liền đưa vào đây.” “Thông” là tên cha.

“Bây giờ cha cháu ở đâu?” tôi nôn nóng hỏi.

“Bác sĩ cố gắng làm tỉnh lại nhưng vô hiệu,” ông chỉ tay vào căn phòng ngăn.

“Vậy ba cháu còn sống không?” tôi bám vào một tia hy vọng, mặc dù đã đoán biết cha lên cơn liệt tim; năm ngoái cha trải qua cuộc giải phẫu tim trầm trọng mà bác sĩ phải ghép đến năm *bypass* tức là đường vòng để tránh động mạch chạy vào tim bị tắc nghẽn.

“*Ba Hoa*, Thông đi rồi. Tôi rất lấy làm tiếc về sự mất mát của cháu,” giọng ông Nielsen trầm xuống.

Tấm màn che bỗng được kéo mở hoác ra, hai người y công đẩy chiếc xe băng-ca chở cha ra ngoài. Họ dừng lại và mở tấm khăn đắp cho tôi nhìn mặt. Cô y tá đi sau xe trao cho tôi chiếc bao đựng quần áo và các vật dụng của cha và nói, “Tôi lấy làm tiếc.” Tôi bật khóc khi y công đẩy xe rời đi tới nhà xác và ngạc nhiên với chính mình. Tôi hồi tưởng mối liên hệ giữa cha và tôi và không tìm thấy thoáng tình cảm nào ngoài những ràng buộc của văn hóa Khổng Mạnh, các bài học luân lý, và câu ca dao “*Công cha như núi Thái sơn*.” Ký ức của tôi chứa đầy cảnh tượng cha đập vỡ tan hoang đồ đạc trong nhà, chửi bới và đánh đập mẹ, và gieo rắc kinh hoàng cho gia đình để nã tiền mẹ đi đánh bạc.

Tôi lái xe cha về nhà cha mẹ. Thấy tôi bước vào, mẹ đoán ra có sự và la thất thanh,

“Răng ròi, răng ròi? Cha mi mô mà mi lái xe về?”

Ước gì tôi có thể đánh đổi bất cứ thứ gì tôi có, kể cả tính mạng, để khỏi thấy khuôn mặt đẫm nước mắt và đôi mắt u buồn của mẹ. Khi đau đớn và khắc khoải tạm lắng xuống, mẹ lấy lại bình tĩnh và gọi điện thoại báo tin cho những người thân ở xa; mỗi lần nói cha mất là mẹ lại khóc tức tưởi. Ngoại trừ Trọng em út, các em tôi đều đã có gia đình. Trọng và vợ chồng Lâm (em áp út) đang đi học ở Grand Forks trong cùng tiểu bang cách nhà chừng 150 dặm Anh về hướng đông bắc. Vợ chồng Sang (em kế tôi) và vợ chồng Bình (cô em gái duy nhất) đang ở Texas, và vợ chồng Triết (em kế Sang) ở Louisiana. Mẹ khóc to và lâu nhất khi báo tin cho Huệ, cô em cô cậu của tôi lấy chồng Mỹ và ở Illinois. Huệ khóc bù lu bù loa ở đầu dây bên kia,

“Cậu ơi là cậu, cậu là người thân duy nhất của con ở Mỹ đây. Giờ cậu đi rồi, mỗi tuần lấy ai gọi điện thoại thăm con?”

Cuối cùng, mẹ gọi cho “mụ Cẩn” là bác Cẩn gái bạn của mẹ để báo tin và kể lễ tâm sự. Bác Cẩn trai là bạn thân của cha từ thuở để chỏm ngoài quê Quảng Bình, gia nhập quân đội cùng ngày, và học cùng khóa Võ bị Liên quân Đà Lạt với cha. Theo tôi biết, bác là người bạn lâu dài duy nhất của cha.

* * *

Ngày tôi lên bảy, gia đình ở xóm cửa Nhà Đờ, tức là cửa Chánh Nam của kinh thành Huế. Bác Cẩn và cha đều là sĩ quan cấp úy, và bác đóng đồn ở An Hòa cách cửa Nhà Đờ khoảng năm cây số. Khi bác đến nhà chơi và uống bia Larue (chai bia cao) với cha, tôi lảng vảng đứng gần để nghe chuyện và bị mẹ bắt đứng hầu để cha sai vặt. Nhờ hóng chuyện mà tôi biết khá nhiều bí mật của người lớn. Thí dụ, mấy chú lính tài xế và hầu cận cười khúc khích nhau về thói hay tăng tịu của bác. Hôm ấy, bác ra lệnh cho anh trung sĩ dưới quyền trực đêm trong đồn rồi lên tới trại gia binh vầy cuộc với vợ anh ta. Đến gần sáng hết phiên trực, anh trung sĩ vội về nhà. Bị vợ anh ta đánh thức bất chợt, bác không kịp mặc quần áo, phóng ra cửa sau chạy một mạch về nhà tôi, và kêu cửa gọi cha. Cha còn mắt nhắm mắt mở,

“Anh đi mô sớm rứa?”

“Tui chạy tập thể dục. Sức khỏe là vàng, anh không biết răng?” bác thở hỗn hển.

“Ô, rứa áo quần anh mô?” cha thấy có điều gì không ổn.

“Hồi nãy trời nóng cổ ra cho mát, đến khi chạy tập tui quên khuấy đi mất. Bậy vô số!” bác lúng túng chữa thẹn; dĩ nhiên cha hiểu ra và lấy áo quần cho bác mượn mặc.

Mấy chú lính nói bác Cẩn *thèm của lạ* vì bà vợ điên điên khùng khùng, không làm ăn gì được. Quả nhiên, ít lâu sau, bác gái nhảy xuống sông Hương tự trầm, để lại bốn cô con gái còn nhỏ. Bác lập gia đình lại với cô nữ trợ tá xã hội làm việc dưới quyền bác; đó là bác gái bạn của mẹ hiện nay. (Đoàn Nữ Trợ tá hay Nữ Phụ tá của quân đội Quốc gia Việt nam được thành lập năm 1952 là tiền thân của đoàn Nữ Quân nhân của quân đội Việt nam Cộng hòa.) Bác gái sau sinh thêm cho bác một cậu con trai và cô con gái út.

Khi gặp mặt, cha và bác Cẩn luôn luôn niềm nở lịch sự và thân thiết với nhau, nhưng sau lưng không ngừng đổ kỵ, nói xấu nhau, và cho là mình giỏi và xứng đáng được thưởng hơn

người kia. Dần dần cả hai người đều được thăng chức thành sĩ quan cao cấp, *làm lớn*, và thuyên chuyển đi xa Huế. Nhưng bác thường ở thể thượng phong, có chức quyền cao hơn, và khiến cha ganh tị triền miên. Cuối cùng, cha về Sài Gòn nghỉ hưu thì bác cũng về Sài Gòn và thăng tiến như điều gặp gió, lên chức tướng, và được bổ nhiệm làm thứ trưởng một bộ chủ chốt của chính phủ. Cha ham mê cờ bạc, bán gần hết xe cộ nhà cửa để trả nợ bài bạc, và lúc nào cũng cần tiền nên ngóng đợi ngày lãnh hưu bổng. Cứ mỗi quý (ba tháng), cha *mang hia đội mào* (lời mẹ là mặc quân phục với cấp bậc và huy chương đầy đủ) đi lãnh tiền hưu ở nha Hưu bổng thuộc bộ Cựu Chiến binh trên đường Nguyễn Thông.

Để giữ thể diện, cha không đi tắc-xi hay ngồi sau xe Honda hai bánh tôi chở đi, nên ngày hôm trước biểu tôi sang nhà bác Cẩn mượn xe hơi lái đưa cha đi lãnh tiền. Bác cho mượn chiếc công xa riêng của bác. Khi tôi mang xe tới trả, bác âu yếm dặn,

“Bất cứ khi nào cần xe, con cứ tới lấy dùng. Nhưng nhớ đừng để cha con dùng.”

“Dạ cảm ơn bác, nhưng ngoài việc của cha, con có bao giờ cần xe hơi để đi đâu đâu.”

Thực vậy, trước đó tôi cũng có chiếc xe hơi Honda N360 anh bạn Mỹ tặng trước khi về nước, nhưng để ở nhà không dùng rồi bị cha lấy gán nợ đến hai lần. Lần đầu cha lén lấy giấy tờ đăng bộ gán cho một chủ nợ tại sông bài, và lần sau cha giao xe thực sự cho một chủ nợ khác. Khác hẳn với cha, lúc nào bác Cẩn cũng ân cần đối với tôi,

“Bác biết con vừa dạy học vừa học tiến sĩ nên rất bận rộn, nhưng khi nào rảnh, con tự nhiên ghé lại ăn cơm tối với hai bác và mấy em.”

“Dạ . . .” tôi hiểu “mấy em” là ba cô con gái chưa chồng của bác.



Đầu tháng Năm năm 1975, trên đường di tản, tôi gặp bác Cẩn trên chiếc thương thuyền Green Wave của Hoa Kỳ chở người tỵ nạn đi từ vịnh Subic ở Phi Luật Tân đến đảo Guam. Bác còn mặc quân phục trên cổ áo gắn sao bạc và cùng bác gái khệ nệ khiêng chiếc rương nặng, chắc hẳn đựng vàng bạc và của cải quý giá. Bác nắm tay tôi, giọng trầm buồn,

“Cha con kẹt lại rồi! Ngày cuối cùng cha gọi điện thoại cho bác, nhưng bác bó tay không có cách nào giúp cha.”

“Lúc tụi con ra đi, cha quyết định ở lại, nói ra khỏi Sài Gòn bằng tàu Hải quân quá phiêu lưu và mạo hiểm,” tôi than thở.

“Bây giờ mình ra khỏi nước, con phải coi bác như cha. Bác cháu nương tựa vào nhau đỏi no cùng chịu. Con thấy sao?”

“Bác có lòng thương tụi con như vậy, con mong ước gì hơn,” tôi cảm động khôn xiết.

Sau hai ngày hải hành, tàu Green Wave tiến vào hải cảng Guam khi bình minh đang trời lên mặt đại dương, anh em tôi háo hức chạy lên *boong* (tiếng Pháp “pont”) tựa mạn tàu thưởng thức

bức tranh cảnh tuyệt vời. Lúc chúng tôi trở lại chỗ cũ để lấy hành lý chuẩn bị xuống tàu, gia đình bác Cẩn đã ra đi từ lúc nào.

Trước đó, ngày 30 tháng Tư, cha mẹ dắt díu nhau ra bến tàu, leo lên thương thuyền Viễn Đông là chiếc tàu cuối cùng rời thương cảng Sài Gòn, và được nhận vào Hương Cảng tỵ nạn. Từ thuộc địa của Anh này, cha mẹ vào Hoa Kỳ và tạm trú ở trại tỵ nạn Đồn Chaffee ở tiểu bang Arkansas. Nơi đây cha gặp lại bác Cẩn; mẹ kể cha nổi giận lấy đá chọi bác vì đã bỏ rơi cha ở Sài Gòn và vì không cho cha mượn tiền (cha ra đi không có lấy một chỉ vàng lặn lưng), nhưng sau đó làm lành vì biết mình thất thế hơn. Gia đình bác định cư ở Minneapolis thuộc tiểu bang Minnesota, và cha mẹ lên North Dakota đoàn tụ với anh em tôi.

Một hôm, cha cười chúm chím đưa cho tôi xem bài phỏng vấn bác Cẩn trên tờ *Minneapolis Tribune* (Minneapolis Diễn đàn) không biết ai gửi cho cha. Bài báo đăng hình cũ bác mặc quân phục chỉnh tề và tường thuật bác đang làm *busboy* là phụ tá hầu bàn trong nhà hàng. *Busboy* có nhiệm vụ dọn dẹp khi khách ăn xong, đặt lại dao muỗng nĩa khăn ăn mới, và không được tiền *puốc-boa* (tiếng Pháp “pourboire”) như hầu bàn. Tôi phục bác sát đất: Bác là người thức thời và sáng suốt. Vị cựu tướng lĩnh hiểu rõ ở Hoa Kỳ không có nghề nào xấu và dù trong tay có vàng bạc của cải, vẫn can đảm nhận làm công việc mà phần lớn người Việt cho là thấp kém. Nhưng tôi lầm! Chỉ một tuần sau, bác dọn nhà về Los Angeles ở nam California vì tiểu bang này cho tiền *welfare* hào phóng hơn mọi nơi khác và không có “mấy thằng bảo trợ Mỹ trắng kỳ thị” ép bác phải đi làm việc. Bác mua nhà lớn, trả tiền mặt, và gọi điện thoại cho cha nhờ tôi đứng tên làm chủ. Tôi kiếm có thái thác.

* * *

Ở nhà quán, mẹ bỏ bộ bài tứ sắc vào quan tài để chôn theo cha. Chỉ có Bình cô gái cứng mới dám cầu nhau,

“Cờ bạc là bác thàng bần, Cửa nhà bán hết, chôn chôn vào cùm. Hay ho chi mà mẹ cầu mong cha đi theo con đường cũ?”

“Cả đời ‘ông già’ mi chỉ biết làm bạn với tụi đánh bạc. Mong là qua bên tê, cha mi gặp dân tử tế hơn bọn lưu manh trong kiếp ni,” mẹ phân trần.

“Bác Cẩn không phải là bạn thân của cha sao?” tôi xen vào hỏi.

“Thằng cha nớ là tổ sư cờ gian bạc lận. Hấn lột cha mi hết sạch sành sanh, không còn cái khố mà mang trên người. Bạn bè chi!”

Nói về bạn bè cha, tôi liên tưởng tới câu nói của nhà thơ ngụ ngôn người Pháp Jean de La Fontaine (1621 - 1695),

Ai cũng tự xưng mình là bạn mà chỉ có đũa khùng mới tin: Không có gì thông dụng hơn tiếng bạn, và không có gì hi hữu hơn tình bạn.

Nguyễn Ngọc Hoa

Ngày 18 tháng Năm, 2022

Thà Trẻ Còn Hơn Không

Truyện ngắn của Nguyễn Ngọc Hoa

Một buổi sáng giữa tháng Ba, Bismarck đang ở giữa mùa đông và tuyết còn đóng hai bên đường, cha lên cơn liệt tim và lìa đời khi vừa 61 tuổi. Từ bệnh viện tôi về nhà mẹ báo tin dữ và chứng kiến nỗi khắc khoải đau đớn của mẹ. Mẹ chạm trán với cuộc thay đổi lớn lao nhất trong đời từ ngày 16 tuổi về làm dâu ông bà nội hơn bốn thập niên trước. Nhưng mẹ lấy lại bình tĩnh và chấp nhận số phận,

“Hèn chi cả tuần *ni*, con mắt trái của *tau* giựt liên hồi không dứt. Sáng *ni* ‘ông già’ than mệt, *tau* biểu ở nhà mà cứ nằng nặc đòi đi làm. *Chừ* cha *mi* nằm ở chỗ *mô*?”

“Ở nhà xác của bệnh viện chờ thủ tục y tế và giải nghiệm.”

“*Rứa* khi *mô* vô thăm cha *mi* được?”

“Nhà thờ Ba ngôi Lutheran bảo trợ mình đã liên lạc với nhà quàn cho mình. Nhà quàn sẽ lo tất cả, nhưng phải đợi đến ngày mai con mới biết chi tiết.”

Mẹ gọi điện thoại cho từng đứa con ở xa gọi về thọ tang. Dường như mẹ sinh ra để đối phó với nghịch cảnh; mẹ buồn đau, nhưng không bối rối lo lắng hay than thở. Thái độ nhẫn nhục mà cương quyết của mẹ khiến tôi nhớ lại buổi sáng tháng Chín gần ba mươi năm trước, sau khi Hiệp định Genève 1954 chia cắt đất nước được ký kết. Hôm ấy, mẹ đưa ba đứa con trai – anh Quang mười tuổi, tôi sáu tuổi, và thằng Sang ba tuổi – rời làng quê Quảng Bình di cư vào Nam tìm cha. Cha phục vụ trong quân đội, mẹ mất liên lạc từ nhiều tháng trước.

Mẹ ghen ngào từ biệt nội và dẫn anh em tôi rời khỏi ngôi nhà chúng tôi sinh ra và lớn lên. Anh Đồng anh họ tôi vác cái rương nhỏ đi đầu; anh trạc tứ tuần, lớn tuổi hơn mẹ, nhưng kính cẩn gọi mẹ bằng *mự* (thím). Mẹ ẵm thằng Sang, anh Quang xách chiếc giỏ mẹ dùng đi chợ, và tôi đi tay không lẽ đẽo sau cùng. Lên đến đường cái, mẹ bảo anh Đồng theo đường tắt đi trước rồi dừng lại ngồi trước hiên một căn nhà đóng cửa im lìm. Nhà ngoại nằm xéo bên kia đường, mẹ nhìn sang mắt đỏ hoe. Mẹ dặn dò ba anh em hễ ai hỏi thì nói đi vô nhà thương Đồng Hới thăm *mệ* (bà) ngoại đau nặng, bắt lặp đi lặp lại đến thuộc lòng.

Quả nhiên, trên đường có nhiều trạm kiểm soát, và ở từng chặng, chúng tôi bị cán bộ Việt Minh dữ dằn chặn lại và cật vấn cặn kẽ. Chúng tôi trả lời trót lọt; họ tin và cho phép đi qua vì chiếc giỏ của mẹ đựng toàn thức ăn. Đi mãi đôi chân mỏi nhừ, tôi đi khập khiễng và bước chậm lại. Để anh Quang rảnh tay dìu tôi, mẹ xách giỏ đồ ăn thay cho anh và cõng thằng Sang trên lưng. Mặt đỏ gay, trán đầm đìa mồ hôi, mẹ mệt lả nhưng luôn miệng khuyến khích tôi,

“Gần tới rồi con, ráng lên kéo trẻ tàu.”

Tôi cắn răng nhịn đau sỏi bước; thương mẹ quá đi! Đi đến chiều tới cửa sông Nhật Lệ. Anh Đồng đã tới nơi và ngóng đợi. Trên bãi có nhiều người mang quang gánh đồ đạc chờ được bốc lên chiếc “tàu há mồm” của Hải quân Hoa kỳ đậu ở mé biển. Anh vội vã vác rương và đỡ anh em tôi lên tàu. Chúng tôi vừa lên *boong* thì tàu chạy, anh Đồng hốt hoảng phóng mình xuống

biển bơi vào bờ. Tôi mệt đừ nằm lăn ra ngủ một lều đến trưa hôm sau. Tàu cập bến Đà Nẵng, chúng tôi tới miền Nam.

* * *

Xưa nay cha không cất giữ thư từ hay hình ảnh; thư ai gửi đến, đọc xong cha xé vụn liệng vào thùng rác, và hình chụp cũng vậy. Biết thế nhưng tôi vẫn ngạc nhiên khi thấy sau hơn tám năm ở Hoa Kỳ, cha chỉ giữ vụn vụn có đôi ba món giấy tờ xếp ngay ngắn trên chiếc tủ đầu giường. Ở trang đầu cuốn sổ ghi chép, trang duy nhất có chữ viết, cha ghi địa chỉ và số điện thoại của các người bảo trợ bên nhà thờ Ba ngôi, bạn đồng sự, và ngoài ra đúng hai người Việt. Một người là bác Cẩn bạn cha từ thuở còn để chỏm ngoài Quảng Bình bây giờ ở Los Angeles, và người kia là Huệ cháu gọi cha bằng cậu lấy chồng Mỹ và ở Illinois. Sổ sách tài chánh của cha ít ỏi không ngờ: Ngoài cuốn sổ chi phiếu ghi số tiền trong ngân hàng để chi tiêu và trả hóa đơn hàng tháng, chỉ có tờ hợp đồng bảo hiểm sinh mạng \$10,000. Đó là loại bảo hiểm để lo hậu sự quảng cáo trên *ti-vi* hàng đêm.

Hôm sau, tôi đưa mẹ đi dàn xếp việc an táng cha. Đến nhà quán chọn hòm và mua *package* (trọn mớ) bao gồm khâm liệm, thăm viếng, tang lễ, di quan, và chôn cất. Đến văn phòng nghĩa trang chọn mua lô đất chôn và đóng tiền bảo trì hàng năm. Tôi giải thích cặn kẽ điều kiện hơn thiệt và giá cả của mỗi *option* (cách lựa chọn), nhưng mẹ không thắc mắc, chỉ tay vào *option* đắt tiền nhất. Khi thấy tôi hơi nhúu mày vì sợ thiếu tiền, mẹ thờ ra,

“Thôi con ơi, *nghĩa tử là nghĩa tận* (chết là hết)!”

Thực ra, mẹ không nói tôi cũng không dám cãi. Vì bao nhiêu năm nay mẹ đã một lòng tuân giữ triết lý tam tông của luân lý đạo Khổng, *xuất giá tòng phu* (lấy chồng thì phải tùy thuộc nơi chồng). Năm 1954, mẹ dẫn con vượt qua vĩ tuyến 17 đi tìm cha. Vào Đà Nẵng ở trại tạm cư ít lâu, chúng tôi về nhà một người em họ của cha lấy chồng người cùng làng làm trung sĩ Công binh, o dưỡng được cấp nhà trong trại gia binh. Chúng tôi ăn nhờ ở đậu nhiều tháng, tôi trải qua một trận thương hàn tưởng không qua khỏi, rồi cuộc mẹ liên lạc được với cha, và mấy mẹ con theo cha ra Huế.

Gia đình đoàn tụ, mẹ ngỡ sẽ được hạnh phúc. Nhưng cha có *vợ hầu* (vợ bé) trẻ hơn mẹ; bốn mẹ con ở chung nhà với dì. Mỗi bữa cơm là mỗi lần anh em tôi khóc thầm vì cha kiếm chuyện trách mắng và nhục mạ mẹ trước mặt dì và các con, mẹ ra sau bếp gạt nước mắt khóc một mình. Sau đó, chính phủ Việt nam Cộng hòa ban hành luật cấm đa thê, cha là sĩ quan phải tuyệt đối tuân theo nên đành kiếm cớ đuổi dì đi. Không có *vợ hầu* thì cha đi đánh bạc. Xảy ra như cơm bữa cảnh cha đánh đập mẹ tàn nhẫn, chửi rửa tục tằn, đập phá đồ đạc trong nhà, và cuối cùng lấy súng đòi bắn để moi tiền đi đánh bạc.

Rồi anh em tôi, lúc ấy có thêm thằng Triết và em Bình (cô gái duy nhất), sống vui vẻ thỏa thích khi cha lên chức và đi xa. Mẹ một thân một mình nuôi dạy lũ con. Cuộc sống chật vật, nhưng tinh thần thoải mái. Chỉ có điều thỉnh thoảng cha trở về Huế, không phải để thăm gia đình con cái mà để nã tiền mẹ. Cảnh khủng bố chúng tôi muốn quên đi lại diễn ra đến khi cha

toại ý. Cha tử tế với mẹ một đêm trước khi ôm tiền ra đi, và sau đó thằng Lâm (áp út) và thằng Trọng (út) ra đời.

Mùa hè tôi học hết lớp đệ tam (lớp 10), mẹ nhất định đưa các con vào Ban Mê Thuột ở với cha vì *con không cha, như nhà không nóc*. Để “nhà có nóc,” mẹ phải hy sinh. Cha sống kiểu *chồng chúa vợ tôi*, một mình cha ăn ngủ ở căn nhà trên rộng lớn, không ai – kể cả mẹ – được léo hánh nếu không được triệu lên. Mẹ và sáu anh em tôi (anh Quang đã nhập ngũ vào trường Võ bị Quốc gia ở Đà Lạt) ăn ngủ chơi đùa và học hành trong căn nhà dưới vừa dùng làm nhà bếp chật hẹp và tù túng. Thỉnh thoảng cha sai mẹ đi Đà Lạt thăm anh Quang hay đi Nha Trang lo công chuyện, tôi biết đó là những đêm cha đưa đàn bà về *quần thảo* ở nhà trên. Có lẽ mẹ cũng biết nhưng không thể không đi. Không ai trong gia đình dám nói “không” với cha. Mỗi khi mẹ làm điều gì trái ý – dù nhỏ hay lớn – cha đều dờ ngón khùng bố gieo rắc kinh hoàng.

* * *

Tang lễ của cha cử hành ở nhà thờ Ba ngôi theo thủ tục Cơ đốc giáo. Năm ngoái, sau khi trải qua cuộc mổ tim thập tử nhất sinh, cha đâm ra biết ơn họ đạo, yêu cầu ông bảo trợ Gardner làm cha đỡ đầu, và xin rửa tội thành tín đồ Tin Lành. Đám tang xong xuôi, mẹ thu xếp trả lại nhà (thuê) và dọn tới ở chung với vợ chồng tôi. Tôi yêu mẹ vô cùng, nhưng ý niệm *phu tử tông tử* (chồng chết phải tùy thuộc nơi con) ăn sâu trong tâm tưởng mẹ hoàn toàn khác với điều tôi mong ước cho mẹ. Tôi muốn hai mẹ con sống chung với nhau vì thương yêu nhau, chứ không phải vì cần nương tựa vào nhau như trong xã hội xưa ở bên nhà. Sau hơn bốn thập niên chịu đời đắng cay với cha, giờ đây con cái đã lớn khôn, mẹ xứng đáng được hưởng tự do và sống thanh thản theo ý riêng mẹ, không tùy thuộc ai cả.

Nhưng mẹ lại nghĩ khác. Thí dụ, cuối tuần mẹ đến nhà bạn chơi, có khi đánh bài tứ sắc, nhưng đến khoảng bốn giờ rưỡi chiều thì nhất định đòi về, “Để phụ con vợ thằng *Ba Hoa* nấu nướng cho cha con *hấn* ăn.” Tôi không bằng lòng, tôi nhắc nhở,

“Mẹ đi chơi thì cứ đi chơi. Thằng *Ba Hoa* có thân thì *hấn* lo. Mẹ đã lo cho *hấn* cả đời rồi, lo *chi* nữa?”

Ngược lại, mẹ mong tôi thay thế vai trò của cha trong đời sống mẹ. Thí dụ, mẹ biểu tôi dùng lời mẹ để viết thư hay viết thiệp sinh nhật cho các con và các cháu như cha lúc còn sống, tôi từ chối,

“Sao mẹ không viết cho tụi nó?”

“*Tau* viết chữ xấu . . .” mẹ bất bình tự biện hộ.

“Chữ xấu thì mẹ viết hoài sẽ đẹp. Đứa nào chê chữ mẹ xấu thì không xứng đáng được đọc thư mẹ, mẹ đừng viết cho nó.”

Tôi tập cho mẹ viết thư, viết thiệp, đề địa chỉ, và gửi thư. Tôi đưa mẹ ra ngân hàng mở trương mục riêng và chỉ mẹ cách sử dụng chi phiếu. Đi mua đồ ăn trong chợ hay mua hàng trong tiệm bách hóa, tôi tập cho mẹ hỏi giá cả hay hỏi tìm món hàng muốn mua; trước đây mẹ đi học Anh văn cả năm trời và đã đi làm mấy năm trong bệnh viện. Nói chung, tôi cố gắng tập mẹ tự làm những việc cần thiết trong cuộc sống Mỹ để sau này khỏi nhờ vả bất cứ ai.

Ngày tôi dự định tập mẹ lái xe hơi là ngày mẹ được một đứa con dâu báo tin sắp sinh con đầu lòng và khẩn khoản nhờ mẹ bay xuống giúp giùm. Thế là mẹ hân hoan bắt đầu cuộc đời *tòng tử* mới: Giúp dâu và con nuôi dưỡng cháu và chăm sóc nhà cửa trong khi vợ chồng con đi làm. Đứa cháu này lớn lên đến tuổi đi học thì đứa cháu khác ra đời, mẹ bận rộn liên liên không ngơi. Từ nhà đứa con này đến nhà đứa con khác, mẹ ở mỗi nơi một vài năm. Đứa cháu nào lớn lên cũng do một tay *mệ* (bà) nuôi nấng nâng niu.

Người Mỹ có câu “*Một nhà không thể có hai người đàn ông, và một căn nhà bếp không thể có hai người đàn bà*”; sự xung khắc giữa mẹ và con dâu là điều không thể tránh khỏi. Có lần một cô em dâu than phiền với tôi,

“Mẹ không biết nấu ăn mà cứ lằng xằng vào bếp chỉ trỏ chuyện này chuyện nọ làm em bực cả mình.”

“Em lầm to! Ngày trước mẹ nấu nướng đãi tiệc khi cha mời bạn bè, có khi đãi cả tổng thống từ Sài Gòn ra. Ai cũng khen mẹ nấu ăn ngon, làm sao mẹ không biết nấu ăn?” tôi cãi, rất bực mình.

“Mẹ giữ thẳng cu mà không lo giữ, lại thích xía vào chuyện riêng của gia đình em khi vợ chồng cãi nhau. Sao mẹ không biết phận mình?” cô tiếp tục oán trách mẹ.

“Em xem mẹ là mẹ chồng hay là bà vú nuôi con không công cho em?” tôi ngao ngán, cô em dâu này thật hết thuốc chữa.

Ít lâu sau “*thằng cu*” của vợ chồng em tôi đến tuổi đi học. Một hôm, vợ chồng nó cãi lộn và mắng chửi nhau động tới cha mẹ hai bên, mẹ không đành lòng nhảy vào bên con trai. Cô con dâu nổi tam bành đuổi mẹ ra khỏi nhà và đem va-li và đồ dùng của mẹ liệng ra đường. Trong khi đợi em Bình đến đón về nhà em, mẹ ngồi bên lề đường khóc tỉ tê và lầm bầm tự trách,

“*Tau* nhẹ dạ cho vợ chồng *hấn* mượn hết sạch tiền. *Chừ* tụi *hấn* cạn *tàu* ráo *máng* để giựt nợ.”

Sự biến này lại là một điều hay: Mẹ đồng ý để mấy đứa con kia chung sức mua cho mẹ căn *town house*; đó là căn nhà cùng kiểu và có chung vách với hàng xóm. Từ nay, nhà mẹ mẹ ở, không tùy thuộc ai – như tôi hằng mong ước. Đến năm 74 tuổi mẹ mới thoát khỏi ràng buộc của *tam tòng*. *Thà* *trể* còn *hơn* *không*, mẹ sống thong dong tự tại gần 20 năm.

Nguyễn Ngọc Hoa

Ngày 1 tháng Sáu, 2022

Cũng Mê Mẩn Đời

Truyện ngắn của Nguyễn Ngọc Hoa

Tang lễ cha cử hành ở nhà thờ Ba ngôi Lutheran theo nghi thức Tin Lành với Mục sư Nielsen làm chủ tế và nhiều người trong họ đạo tham dự. Vòng hoa tươi và vòng hoa cườm do thông gia của cha mẹ và bạn bè của anh em tôi gửi tới phân ưu bày thành một hàng sau linh cữu đặt trước mặt giáo đoàn. Nhà quàn thi hành chi tiết nghi lễ một cách cẩn trọng. Lễ nhà thờ chấm dứt, trước khi di quan, chủ nhà quàn đến trao cho mẹ một cuốn *album* nhỏ chứa hình chụp các vòng hoa và hỏi ý kiến (qua tôi thông dịch),

“Thưa bà, trong các vòng hoa này, bà muốn giữ lại vòng hoa nào?”

“Tôi chỉ cần giữ lại vòng hoa cườm này để ở ngoài mộ ông nhà tôi,” mẹ chỉ tay vào một tấm hình và hỏi, “Các ông định làm gì với những vòng hoa kia?”

“Nếu bà cho phép, chúng tôi sẽ mang các vòng hoa đó tặng viện dưỡng lão.”

“Nếu vậy, ông làm ơn đem tất cả đến viện dưỡng lão. Ông nhà tôi không cần vòng hoa bằng những người sống kia,” mẹ khoát tay.

Tối hôm đó, cả gia đình quây quần quanh chiếc bàn lớn ở nhà mẹ. Tôi kể lại chuyện hồi sáng với lời bàn *Mao Tôn Cương*,

“Cả đời cha chỉ chơi hoa biết nói chứ có bao giờ thèm đếm xỉa tới hoa thực hay hoa cườm.”

Thấy mẹ háy dài tỏ vẻ không bằng lòng, Triết em tôi vội vàng *cứu bồ*; nó chỉ tay vào mẹ,

“Hoa biết nói của cha đây nè – tìm đâu xa!”

“Thằng Triết *ni* giỏi chót mỏ! *Miệng có quai, mắt có đuôi* đích thị là cái thằng *mi*; con Hồng Phúc không mê *tít thò lò răng* được?” mẹ cười chúm chím.

Hồng Phúc là vợ của Triết. Người thiếu nữ đáng người nhỏ nhắn nói năng hoạt bát ấy là cô giáo dạy tiểu học và theo lời Triết, “Chỉ có cái tội thích nói và nói nhiều.” Cô không thể chỉ *ngậm mà nghe* mà phải cong môi cãi,

“Mẹ nói thế chứ anh Triết cũng mê con lắm chứ. Năm rồi, tụi con sang Montréal ở Gia Nã Đại thăm bố mẹ con mới từ Việt nam sang định cư, bố mẹ con nói con có phúc lắm mới được chồng thương yêu và chiều chuộng đến thế.”

“Chứ không phải Phúc cố tình nhỏ nhỏ, ‘Anh Triết lấy cho em Phúc cái này, anh Triết làm cho em Phúc chuyện nọ,’ để trình diễn với bố mẹ à?” Triết đùa với vợ rồi giải thích với mọi người, “Đó là lần đầu tiên Phúc gặp lại bố mẹ từ hồi năm 1975 di tản sang Hoa kỳ với gia đình một ông anh và cũng là lần đầu tiên *tui* ra mắt ông bà nhạc.”

Hồng Phúc khoe với mẹ,

“Bố con trước làm chủ một tờ báo hàng ngày ở Sài gòn nên kho ký ức chứa vô số giai thoại hậu trường chính trị, miền Bắc cũng như miền Nam. Gần một tuần lễ, bố con và anh Triết chuyện trò tâm đắc, và anh Triết nghe được khối chuyện xưa nay ở bên nhà.”

“Trước khi rời Sài Gòn, bố Phúc gặp ông Trần là bạn cũ từ thuở bé ngoài Bắc, hơn 30 năm mới gặp lại. Là người *chấp bút* tiểu sử Hồ Chí Minh và tự truyện của một số nhân vật quan trọng của Việt Cộng (“VC”), ông Trần thuật lại cho bố Phúc nghe rất nhiều chuyện thâm cung bí sử miền Bắc,” Triết nói thêm; ở miền Bắc, “chấp bút” là viết thành văn theo ý bàn của một hay nhiều người khác.

Năm 18 tuổi Trần gia nhập đảng Cộng sản, vào nghề làm báo, và ngay từ bước đầu được Trường Chinh là tổng bí thư đảng và chủ nhiệm báo *Nhân dân* dẫn dắt. Trần được cử sang Trung Cộng học tại Đại học Bắc Kinh năm năm và trở thành một ký giả nòng cốt của báo *Nhân dân* và một nhà *chấp bút* được đảng ưa chuộng và đề cao. Trần bất ngờ bị xuống chó khi VC chọn theo đuổi tư tưởng Mao Trạch Đông chống “chủ nghĩa xét lại,” tức là chống lại chủ trương sống chung hoà bình do Nikita Khrushchev của Nga đề ra. Trần bị ghép vào tội “chống đảng” vì ủng hộ lập trường Khrushchev và không đồng ý với âm mưu của Mao là “thiên hạ đại loạn, Trung hoa được nhờ” và muốn phát động chiến tranh “đánh Mỹ tới người Việt cuối cùng.”

Trần bị đày đi “cải tạo lao động” rồi được cho làm báo trở lại nhưng với ba điều kiện: Không được ký tên Trần; chỉ viết về nông nghiệp và không được viết về anh hùng, chiến sĩ thi đua, hay *cấp ủy cao* (ban chấp hành trung ương đảng); và không được ở gần thanh niên “bởi lẽ sẽ đầu độc họ.” Năm 1976, sau khi VC chiếm trọn miền Nam, Trần bị khai trừ khỏi đảng.

* * *

Năm 1953, khi VC khởi động cuộc Cải cách Ruộng đất (“CCRĐ”), Trần được giao nhiệm vụ viết bài tuyên truyền trên báo *Nhân dân*. CCRĐ chính thức nổ pháo hiệu đầu tiên ở xã Dân Chủ thuộc tỉnh Thái Nguyên nằm trên Quốc lộ 1 lên Lạng Sơn. Nạn nhân là bà Nguyễn Thị Năm, tức Cát Hanh Long, là nhân sĩ tên tuổi thường họp với ông Hồ và các lãnh tụ khác. Nay bà là “địa chủ phản động và cường hào gian ác, lợi dụng tiếng thân sĩ để phá hoại cách mạng và kháng chiến, và có nhiều nợ máu với bần cố nông.” Với tư cách báo chí, Trần không đến nơi đấu tố và viết bài theo lời kể của anh cán bộ do Trường Chinh cử đi mà chi tiết đã được xào nấu thêm nếm tận tình.

Để phối hợp với các bài báo của Trần, ông Hồ gửi đến bài “Địa chủ ác ghê” ký tên tắt là CB. Trong các buổi đấu tố, ông Hồ bịt râu đến dự một buổi và Trường Chinh đeo kính dâm dự đến tàn cuộc. Ông Hồ phải bịt râu để cải trang, vì bộ râu dài của ông đã trở thành nhãn hiệu độc quyền của “Bác.” Trường Chinh cấm người khác để râu dài vì,

“Anh để râu, dân cứ lầm anh là *Bác*, mà chào anh *Bác* ạ, thì anh lại cười.”

“*Nhân dân*” đấu tố xong, du kích giải bà Năm đi và dùng súng tiểu liên giết chết. Một cán bộ được phái đi mua hòm, nhưng được lệnh mua hòm tồi nhất và không được tiết lộ là mua chôn địa chủ, sợ như thế sẽ đề cao uy thế địa chủ. Chiếc hòm mua được quá nhỏ, xác bà không thể vào lọt. Mấy tên du kích bèn đặt xác bà nằm ngang trên miệng hòm rồi nháy lên, vừa giã khiến xương kêu răng rắc vừa hô,

“Chết còn ngoan cố này, ngoan cố nổi với các ông nông dân không này?”

Cùng năm đó, trong chiến khu, Trần gặp Nông, một cô gái người Nùng khá đẹp quê ở Cao Bằng và được cho biết cô là con nuôi của ông Hồ. Sau đó Trần lấy đại họ Hoàng ghép với tên cô làm tên tác giả của vài bài báo nhỏ. Năm sau, Trần đi dự lớp tổng kết CCRĐ và gặp lại Nông tại khóa học. Mỗi bữa ăn tập thể trong nhà ăn, hai người kiếm cách ngồi cùng bàn để lại cùng xuống suối rửa bát đĩa và nấn ná chuyện trò. Buổi chiều đầu tiên gặp lại, bên suối, Trần nói,

“Sau khi gặp Nông năm ngoái, mình có ký tên là Hoàng Nông lên báo.”

Nông e thẹn đỏ bừng mặt và lóng cọng làm rơi chiếc muống xuống cỏ. Trần cúi xuống nhặt và ngược lên hỏi, “Cho nhé?” Nông cúi đầu, và Trần cất muống vào ba lô. Khóa học bắt đầu chừng hơn một tháng thì ông Hồ đến nói chuyện với học viên. Trong nhà ăn, Trần đứng đối diện với *Bác*, cách một bàn ăn bằng nửa dài, sung sướng ngắm Nông cười rạng rỡ đứng bên cạnh *Bác*, và mơ tới ngày làm con rể *Bác*. Trần gần như ngã sục khi, cuối phần thăm hỏi học viên, ông Hồ quay sang Nông ra lệnh,

“Cô bé này về. Chứ biết gì mà đi đấu tranh?”

Từ đó hai người không gặp nhau. Chiếc muống kỷ vật, Trần giữ trong ba lô mang theo bên mình cho đến một đêm trăng mờ đi qua ải Nam Quan trên đường sang Trung Cộng du học. Phải vứt bỏ mọi thứ mang dấu vết Việt nam để người ngoại quốc không biết có du học sinh đến Trung Cộng. Trần hủy bỏ thư từ, sổ tay, nhật ký, ảnh, đồ dùng, và quần áo rồi búi ngủi đặt chiếc muống lên đỉnh dây cây lạc tiên (cây chùm bao) ngập bụi trắng xóa bên đường.



Một buổi chiều giữa năm 1957 Trần có việc đến dinh chủ tịch của ông Hồ. Trước khi ra về, Trần bất thần nhớ tới Nông và hỏi mấy người lính gác đứng tuổi; họ trả lời,

“A, cô Nông ấy hả? Lấy chồng rồi. Chồng lái xe. Nhưng chết rồi!” “Lái xe” là tài xế; miền Bắc dùng luôn động từ “lái xe” làm danh từ thay vì phải nói “người lái xe” hay “tài xế” vì bắt chước tiếng Tàu vốn rất lười thối về ngữ pháp.

“Ồ, sao trẻ thế mà chết?”

“Về quê Cao Bằng bị ô-tô đè.”

“Khổ, sao lại thế!” Trần bàng hoàng kêu lên, lúc ấy chưa biết tình tiết đồn quanh cái chết tang thương của Nông.

Thực ra Nông không phải là con nuôi ông Hồ. Cuối năm 1954, cô và cô em họ tên Nghệ tình nguyện làm hộ lý (y công) trong một đơn vị quân nhu. Được mấy tháng thì ủy viên trung ương đảng cầm đầu cục Quân nhu đến gặp Nông nói chuyện vài lần và đầu năm sau, cho xe đón Nông về Hà Nội “phục vụ *Bác* Hồ.” Về Hà Nội ở trên gác căn nhà số 66 phố Hàng Bông, Nông xin cho Nghệ về theo để giúp việc cho Nông. Theo lời Nghệ kể lại,

"Lãnh đạo không cho chị Nông ở với *Bác* trong chủ tịch phủ nên giao chị cho ông Trần Quốc Hoàn bộ trưởng bộ Công an 'quản lý,' và ông thường hay đến thăm lom. Chị Nông sinh con trai, *Bác* đặt tên Trung, em có nhiệm vụ bế cháu, và chị Nông tỏ ý muốn chính thức hóa cuộc hôn nhân với *Bác*."

Không dè "ý muốn chính thức hóa" ấy là bản án tử hình của Nông. Nhưng trước khi ra tay sát hại, ông bộ trưởng tiếc của đời, thừa cơ hưởng thụ thân xác người thiếu phụ vô tội. Một hôm đến nói chuyện vu vơ một hồi, Hoàn dờ dờ kéo Nông vào cái phòng nhỏ định hãm hiếp. Nông ú ớ la lên, và Nghệ hoảng sợ tru tréo. May lúc đó ở nhà dưới có người lên tiếng xôn xao, ông sợ bỏ Nông ra và rút súng lục dọa:

"Chúng mày im mồm, không ông cho chết hết."

Hoàn xuống thang và ra xe hơi chuồn thẳng. Mấy hôm sau ông lại đến, lên gác, đi thẳng vào phòng, và ôm ghì Nông hôn tới tấp. Nông xô ra,

"Không được hôn, tôi là vợ ông chủ tịch nước."

"Tôi biết bà to lắm, nhưng tính mạng bà nằm trong tay tôi," ông cười sảng sặc.

Gí súng vào ngực Nông, Hoàn rút ra sợi dây dù thắt sẵn thòng lọng tròng vào cổ cô, kéo cô lên giường, và lột hết quần áo cô ra ngắm nghía rồi hãm hiếp. Nông xấu hổ lấy tay che mặt, ông kéo tay cô,

"Thanh niên nó phục vụ không khoái hơn ông già hay sao mà lại còn vờ làm gái?"

Tuần sau, chiếc xe *com-măng-ca* công an quen thuộc đón Nông sang gặp ông Hồ; *com-măng-ca* là xe vận tải hạng nhẹ do GAZ tức là Xưởng Xe hơi Gorkovsky của Nga xô chế tạo. Sáng hôm sau, công an đến báo cho Nghệ biết Nông đã chết vì tai nạn lưu thông, Nghệ vội vàng vào nhà thương Phủ Doãn thăm xác chị và được xem biên bản khám nghiệm tử thi. Bác sĩ ghi cơ thể nạn nhân không có dấu hiệu gì cho thấy cái chết do tai nạn xe hơi gây ra; khám toàn thân chỉ thấy vết nứt trên sọ, có thể đầu bị trùm chấn rồi đập bằng búa. Nghệ vội chạy về quê Cao Bằng kể hết mọi chuyện với người chồng sắp cưới là một thương binh. Vài tháng sau, Nghệ bị giết, xác nổi lên ở cầu Hoàng Bồ trên sông Bằng.

Tuy nhiên, không hẳn người bạn chẵn gối nào của ông Hồ cũng bị kết liễu bi thảm như Nông. Chuyện kể rằng người bạn họa sĩ thân thiết của Trần tên Kế ngày ngày đến vẽ chân dung ông Hồ. Một chiều Kế về sớm hơn thường lệ và giải thích,

"À, cái Lan tự nhiên mang ba lô, chặn chiếu đến chỗ ông cụ, tớ được xua về sớm."

Vài tháng sau, Kế lại về trễ như cũ. Trần hỏi tại sao thì Kế nói,

"Cái Lan không đến nữa. Chắc máy cụ yếu. Hay cụ muốn tống đi để tìm món lạ."

"Cái Lan" là Phương Lan, tỉnh ủy viên Tỉnh ủy Thanh Hóa. Trông "kháu" nhất trong số các nữ cán bộ trẻ, cô được chọn để dâng lên cho ông Hồ khi lãnh đạo đảng có ý kiến là *Bác* cần có vợ để giải quyết sinh lý cho sức khỏe điều hòa. Sau mấy tháng "phục vụ *Bác*," cô đặt vấn đề phải có hôn nhân đảng hoàng. Tuy không được cho làm bà chủ tịch, cô được giữ lại Hà Nội và bổ nhiệm làm thứ trưởng bộ Thương binh.

“Bác Hồ kính yêu” cũng dâm dục, cũng khoái vầy cuộc mây mưa, và cũng lụy vì đàn bà như bao
gã đực rựa buông tuồng khác. Giống như trong câu ca dao,
*Văn chương chữ nghĩa bề bề,
Thần l... nó ám cũng mê mẩn đời.*

Nguyễn Ngọc Hoa

Ngày 22 tháng Sáu, 2022

Lang Thang Giữa Cuộc Đời

Truyện ngắn của Nguyễn Ngọc Hoa

Sau đám tang cha, bữa cơm chiều nay là tối cuối cùng anh em tôi sum họp đông đủ và không biết ngày nào gặp lại. Ăn xong, Trọng (em út) và Lâm (em áp út) lái xe trở về trường để sáng mai đi học. Sang, Triết, và Bình thì sáng mai lên đường sớm về lại Texas và Louisiana đi làm. Để không khí bớt buồn rầu bịn rịn trước giờ chia tay, Sang (em kế tôi) nhíu mày nhìn tôi hỏi băng quơ,

“Ngày *tui* ở Tuy Hòa vô Sài Gòn học đệ nhất (lớp 12) trường Thánh Thomas trên đường Trương Minh Ký Phú Nhuận, anh dạy giờ ở đó mà có biết con Diên Ái học lớp *tui* không?”

“Tao là sinh viên trẻ cầm mà dạy đệ tam (lớp 10) và đệ nhị (lớp 11), sợ học trò gần chết, làm sao dám để mắt dòm ngó *tui* con gái đệ nhất. Mà sao?”

“Tháng trước, *tui* gặp *hắn* đi chợ Á đông dưới Texas. *Hắn* mừng hết lớn nói gia đình mới vượt biên tới Mỹ,” Sang được trớn lái hẳn qua chuyện cô bạn học cũ.

Diên Ái là con một, cha là trung tá phục vụ trong bộ Tổng Tham mưu. Vóc dáng cao ráo và tóc cắt ngắn, nàng đẹp và duyên dáng mặc dù không thích trang điểm. Nàng chơi thân với hai người bạn trai là Thông và Diễm; ba người học trường Thánh Thomas, ở trong xóm chợ Ông Tạ, và cùng hát lễ trong ca đoàn nhà thờ. Nàng đánh đàn ghi-ta (guitar) giỏi, hát hay, và thỉnh thoảng cùng hai bạn hợp lại đờn ca xướng hát.

Tháng Tư năm 1975, ba người bạn đang học cuối năm thứ hai đại học: Diên Ái học chương trình sư phạm hai năm để thành giáo sư trung học đệ nhất cấp, Thông học báo chí ở viện Đại học Vạn Hạnh, và Diễm học ban đốc sự Học viện Quốc gia Hành chính. Sau ngày miền Nam đổi chủ, chỉ một mình nàng được tiếp tục học, vì hai trường kia đóng cửa: Vạn Hạnh là đại học tư bị chính quyền mới tịch thu tài sản, và Quốc gia Hành chính là nơi đào tạo công chức “Mỹ Ngụy.” Cả Thông và Diễm đều yêu Diên Ái, nhưng không người nào dám mở lời tỏ tình.

Rồi cha Diên Ái đi “học tập cải tạo” không biết ngày về. Cha Thông quen thân với một cán bộ ngoài Bắc vào Sài Gòn thiết lập tờ báo *Giải Phóng* và nhờ ông ta đưa Thông vào nghề làm báo. Thông làm việc dưới quyền trực tiếp của một chị cán bộ mới ở rừng ra, gặp Thông lần đầu đã *mê tít*. Mẹ Diễm qua đời; bà trối lại năm 1954 cha Diễm ra Bắc tập kết chứ không phải đã mất như bà nói với mọi người. Còn lại một thân một mình, Diễm túng thế rời Sài Gòn tình nguyện đi Thanh niên Xung phong đào kinh, đắp đường, và phá rừng làm rẫy giúp dân các vùng sâu vùng xa.

Ở trường sư phạm, Diên Ái phải tham gia hoạt động của trường Đoàn, bị soi mói vắn vẹo liên tục, và có hẳn một đoàn viên miền Bắc theo sát để “nắm bắt tư tưởng.” Khi ra trường, nàng bị chỉ định về một trường cấp 2 (trung học đệ nhất cấp) trên Lâm Đồng. Nếu không đi, với lý lịch con trung tá “Ngụy,” nàng kể như tàn đời: sẽ không được cấp bằng, không được cấp phiếu mua thực phẩm và nhu yếu phẩm, và bị thông báo về phường để “quản lý và phân công lao động.”

Gạt nước mắt từ già mẹ ra đi, Diên Ái lên xã Đạ Long huyện Đức Trọng ở miền thượng du tỉnh Lâm Đồng, dân chúng gồm phần lớn là người Thượng và một ít người Kinh bị lừa lên đi kinh tế mới. Đạ Long từ trước đến nay chỉ có trường tiểu học, nay mở thêm trường cấp 2 nhưng chỉ mới có trên giấy tờ và chỉ có lớp 6; nàng là giáo viên đầu tiên. Hiệu trưởng trường tiểu học là Long người Gia Lai vốn là du kích xã, được đi học bổ túc đến lớp 6, và nay kiêm nhiệm hiệu trưởng trường mới. Công việc đầu tiên của nàng là cùng với dân chúng bắt tay xây ngôi trường mới. Trường lợp mái tranh, vách phen tre, và bàn ghế tự đóng bằng gỗ tạp. Lớp học có 15 học sinh, nàng *bao thầu* các môn nhân văn như văn, sử địa, và sinh ngữ, một cô giáo tiểu học được cử lên dạy toán lý hóa, và Long dạy chính trị.

Diên Ái được xếp ở trong khu tập thể trường tiểu học, và bốn cô giáo chia nhau căn nhà gỗ mái tôn, bàn ghế tủ giường bằng gỗ tạp tự đóng lấy. Ba cô kia là dân Đà Lạt có lý lịch giống như nàng. Các thầy cô thay phiên nấu ăn chung, Long lãnh nhiệm vụ chẻ củi và gánh nước; trường nằm trên dốc cao, phải lấy nước từ cái giếng dưới chân đồi. Vì lương tháng quá ít ỏi, thầy cô phải nuôi heo gà và trồng rau cải để có đủ thức ăn hàng bữa. Sau sáu tháng, ngoài việc dạy học trò trong lớp, cô tiểu thư Sài gòn đã biết đánh tranh, lợp nhà, cuốc đất, tưới rau, nấu cám heo, và tắm heo rành rẽ như bất cứ cô sơn nữ nào trong vùng.

Diên Ái là thiếu nữ đẹp nhất ở vùng rừng núi bán khai này và vì vậy chịu điều đứng khổ sở với tên công an xã, người nắm quyền sinh sát dân xã. Tên này theo tán tỉnh, đùa cợt số sàng, và đôi khi mang lý lịch của nàng – con “trung tá Ngụy mang nợ máu với nhân dân” – ra dọa dẫm. Nàng cũng biết Long yêu nàng mà thủ phận không dám thổ lộ. Một buổi sáng Chủ Nhật, như thường lệ, nàng đi vào rừng tìm một khoảnh khắc riêng tư để cầu nguyện cho quên bớt khổ ải của cuộc sống lưu đầy thì bỗng tên công an từ sau bụi rậm nháy ra gí lưỡi dao dài vào cổ nàng,

“Cô em đẹp quá. Lâu quá không được chơi gái, anh hứng lắm rồi. Khôn hồn thì chiều anh, không thì bỏ mạng.”

Diên Ái ứa nước mắt nghiến răng chịu trận. Xong việc, tên khốn nạn vừa cài nút quần vừa cười khà ố, “Sướng không em?” Giữa lúc đó, Long xuất hiện với cây mác đi rừng. Chàng gầm lên một tiếng, cả người lẫn mác phóng tới. Tên công an rút súng. Cây mác vừa cắm vào ngực nó thì tiếng súng nổ. Hai người đàn ông gục ngã nằm chết trên vũng máu.

Bị hiếp dâm cướp đoạt trinh tiết, Diên Ái về Sài gòn nằm vùi và trốn kín trong nhà, không dám nhìn mặt ai. Càng oan nghiệt hơn là nàng mang thai, bụng mỗi ngày một lớn. Mẹ nàng hỏi, nàng khóc bày tỏ nguồn cơn. Mẹ đỡ người thở dài,

“Con định giữ nó?”

“Đầu sao cũng là con con, đâu có tội tình gì? Chúa đâu có cho phép bỏ nó mẹ ời.”

Hai tháng sau, cha Diên Ái được ra trại (thả về). Lúc ấy, mẹ nàng cho biết còn để dành hơn một chục lượng vàng, chờ chồng về *mua chỗ* vượt biên cho gia đình. Vì *nếu cái cột đèn biết đi, nó cũng ra đi*. Nàng ôm bụng bầu năm tháng lên tàu. Chuyển vượt biển may mắn trót lọt, họ tới trại tỵ nạn Galang ở Nam Dương. Nhờ giới Anh văn, nàng làm thông dịch viên cho các phái đoàn phỏng vấn người tỵ nạn xin đi định cư và có cơ hội giúp đỡ đồng bào trong trại. Bé Ân, con trai nàng, chào đời trong niềm vui của mẹ và ông bà. Đơn xin định cư Hoa kỳ được chấp

thuận, gia đình nàng được một nhà thờ Công giáo ở Austin thuộc tiểu bang Texas bảo trợ. Ở đây, nàng gặp lại người bạn học cũ là Sang em tôi.

* * *

Trong khi cha mẹ hưởng trợ cấp của chính phủ và ở nhà giữ bé Ân, Diên Ái làm trợ giáo cho một trường mầm non (preschool) dành cho trẻ em từ hai đến năm tuổi, trước khi tới tuổi đến lớp mẫu giáo hay trường tiểu học. Nàng học lớp đêm ở Đại học Cộng đồng Austin, hai năm sau tốt nghiệp, và trở thành cô giáo chính thức. Khi có người tò mò hỏi về bé Ân, nàng trả lời vắn tắt, “Cha cháu mất lúc cháu còn trong bụng mẹ.” Nhiều người đàn ông độc thân muốn theo đuổi người thiếu phụ trẻ đẹp có việc làm vững chắc, đến nhà tặng quà cho bé Ân, và mời nàng đi chơi; nàng từ chối và nói thực,

“Tôi bận rộn, còn chút thì giờ phải dành cho con. Không dám nghĩ đến chuyện gì khác.”

Ở Austin năm năm, gia đình Diên Ái dọn về Westminster ở nam California. Cha mẹ nàng xin được *housing* (nhà ở được chính phủ trợ cấp), và nàng thuê nhà ở riêng với bé Ân, mở một trung tâm giữ trẻ, và dần dần khuếch trương thành một trường mầm non. Nàng rất ngại giao tiếp với đàn ông độc thân người Việt. Đến với nàng, họ chỉ nhắm tới liên hệ tình dục hay hôn nhân, trong lúc nàng khát khao tình bằng hữu thực sự như với Thông và Diễm trước đây. Bạn bè phái nam của nàng thu hẹp vào vài người Mỹ, thân nhất là Marvin, một anh *gay* (tình dục đồng giới phái nam). Đưa bé Ân đi ăn, nàng thường rủ Marvin theo, người ngoài nghĩ hai người là đôi tình nhân.

Một hôm trong khi ăn, thấy Marvin có vẻ suy tư và lo âu hơn mọi ngày, Diên Ái ân cần hỏi,

“Marvin, bồ có chuyện gì khó khăn, mình giúp được không?”

“Mình có chuyện rắc rối, chắc phải nhờ bồ.”

“Bồ nói đi.”

“Ông nội mình ở Denver thuộc tiểu bang Colorado đang bệnh nặng,” Marvin do dự, “Tuần rồi mình về thăm ông vì mẹ gọi cho biết ông bị ung thư gan giai đoạn cuối và muốn gặp lại mình. Sau bao năm cách xa, mình thấy ông già đi nhiều, cơn bệnh kinh khủng khiến ông chỉ còn da bọc xương.”

Marvin đã từng kể gia đình chàng rất giàu, ông nội chỉ có chàng là cháu duy nhất, nhưng lại cực kỳ bảo thủ và rất kỳ thị các anh *gay*; chàng bỏ Denver dọn qua California cũng vì lý do đó. Diên Ái nắm tay Marvin,

“Xin chia buồn với bồ. Hy vọng bồ đã làm hòa để ông yên tâm nhắm mắt lìa đời.”

“Cám ơn bồ,” Marvin siết chặt tay bạn, “Ông hứa không những sẽ bỏ qua chuyện cũ mà sẽ để lại toàn bộ tài sản cho mình nếu mình lấy vợ trước khi ông lìa đời. Đó là chuyện mình cần nhờ bồ giúp một tay.”

“Làm sao chúng mình có thể lập gia đình với nhau?” Diên Ái lúng túng.

“Xin lỗi bồ nếu đề nghị này quá đùng đột. Nhưng nếu hai đứa thành hôn trên phương diện pháp lý, mình sẽ không làm tổn thương sự trong sạch của bồ mà hai đứa sẽ có khả năng tài chánh bảo đảm tương lai cho Ân. Cuộc hôn nhân ngoài mặt này có thể chấm dứt bất cứ lúc nào; ở xứ này, ly dị dễ như chơi mà!”

Thế là đám cưới chạy tang cử hành, người ngoài nghĩ Marvin và Diên Ái là đôi vợ chồng lý tưởng. Nàng và bé Ân dọn về căn nhà mới mua của Marvin, “vợ chồng” ngủ riêng, và Ân (đang học lớp 9) có phòng học phòng ngủ riêng. Hai người chia nhau lo cơm nước và dọn dẹp nhà cửa, và cuối tuần cả nhà cùng nhau đi ăn nhà hàng như trước. Nàng đóng góp một nửa chi phí trong nhà, Marvin nhận và bỏ hết vào quỹ đại học của Ân. Ba năm sau, cha Marvin về hưu và gọi Marvin về cai quản cơ sở kinh doanh của gia đình. Marvin và Diên Ái lặng lẽ ly dị, và Marvin nhường quyền sở hữu căn nhà cho nàng, chia đôi tài sản còn lại, nhận Ân làm con, và chỉ định cậu là người thừa kế.

Một phần tư thế kỷ sau ngày bỏ nước ra đi, Diên Ái trở về Việt nam tìm thăm bạn cũ. Thông đã cưới cô *sếp* làm vợ, nhưng cô sớm nhận ra Thông lấy cô cốt để khóa lấp hình ảnh Diên Ái trong tim. Ba năm sau, họ ly dị. Với nhiều mối tình qua đường, chàng không quan tâm đến sức khỏe và hàng đêm vui chôn trong men rượu. Chàng bị bệnh đái đường và huyết áp cao, mắc chứng hư thận trầm trọng, và phải giải phẫu ghép thận mà Diễm là người hiến thận.

Sau năm năm làm Thanh niên Xung phong khổ nhọc cùng cực, Diễm được thăng lên chức giám đốc và nhờ đó khám phá ra bộ máy chính quyền gồm toàn những tay tham nhũng, dối trá, và ăn cắp. Chàng viết bài tố cáo và nhờ Thông đăng lên tờ *Giải Phóng*, nhưng bị cái hệ thống gian xảo từ trên xuống dùng quyền lực *cả vú lấp miệng em* và trả thù tới nơi tới chốn. Nhờ cha (liên lạc được năm 1977) làm thứ trưởng bộ Kinh tế che chở nên chỉ bị cách chức mà không bị tù đày, Tiềm về làm hiệu trưởng một trường “giáo dục lao động” dùng để giam giữ thanh niên nghiện ma túy để buộc họ cai nghiện. Chàng kết hôn với một cựu học viên của trường; cô bé gái ba tuổi mang tên Ái của người bạn cũ.

Đêm chia tay trước khi trở lại Hoa kỳ, Diên Ái đàn và hát cho bạn nghe,

Thà là rong rêu, lênh đênh trên biển.

Thà là chim bay vui theo tháng ngày.

Thà là mây trôi mênh mang giữa bầu trời.

Lang thang giữa cuộc đời mà vui.

(Nguyễn Tâm – “Rong Rêu”)

Lời hát buồn của Diên Ái như chuyến đật đến bạn điều nàng chôn tận đáy lòng bao nhiêu năm nay: Nàng là *lesbian*, tình dục đồng giới phái nữ.

Nguyễn Ngọc Hoa

Ngày 13 tháng Bảy, 2022

Mỗi Năm Hai Thước Vải Thô

Truyện ngắn của Nguyễn Ngọc Hoa

Hàng năm cứ đến tháng Tư là tôi nhớ nhà đến ngẩn ngơ. “Nhà” ở đây là trường tôi – trường Cao đẳng Điện học, ngôi trường gắn liền với đời tôi trong suốt mười năm sống ở Sài Gòn. Tôi học ở đó. Ra trường rồi cũng trở về dạy ở đó. Cho đến ngày mất nước bỏ xứ ra đi. Tôi già biệt ngôi trường thân yêu chiều 28 tháng Tư năm 1975. Hôm ấy trời nắng nhạt nhòa, Sài Gòn trong cơn hấp hối, và tôi vội vã vào trường tìm khắp mà chỉ thấy năm anh bạn ngồi ủ ê than thở sau bữa tiệc trưa khóc đất nước đang tan rã từng giờ. Cả năm người đều như tôi là giảng nghiệm viên và xuyết xoát dưới ba mươi; mỗi sáng nếu không có giờ dạy, chúng tôi thường rủ nhau sang cư xá Lữ Gia phía bên kia đường Nguyễn Văn Thoại ăn sáng uống cà phê và vui đùa chuyện trò.

Tôi gọi bạn tập hợp ở phòng Giáo sư, với tư cách trưởng phòng Giáo sư vụ hiện có thẩm quyền cao nhất, triệu tập phiên họp bất thường của hội đồng giáo sư, và chỉ định Minh trong số năm người làm thư ký buổi họp. Minh là trưởng phòng Học vụ chịu trách nhiệm về giấy tờ sổ sách và là người tiếp xúc hàng ngày với sinh viên. Hội đồng chấm đậu và cho lên lớp các lớp đệ nhất đến đệ tam niên, và chấm đậu và cấp bằng Kỹ sư cho các lớp đệ tứ niên kỹ sư điện và điện tử. Sứ mạng hoàn tất trong một tiếng đồng hồ. Sau đó tôi ra đi, bỏ lại sau lưng mười năm hoa niên sôi nổi.

Minh tốt nghiệp kỹ sư ở Pháp về nước sau khi Hiệp định Paris 1973 được ký kết. Chàng xin việc ở Công ty Điện lực Việt Nam và được nhận làm ở ty Điện lực Cần Thơ, nhưng mẹ không cho làm vì không muốn xa con ở ngoại quốc mới về. Mùa thu, chàng nộp đơn xin dạy ở trường Cao đẳng Điện học, được thu nhận, và được cất đặt vào ban Điện như tôi. Người dong dỏng cao và khuôn mặt lịch sự, chàng ăn nói lưu loát và lễ phép. Ngày chàng trình diện nhận việc, anh giáo sư trưởng ban Điện giao công việc khởi đầu khá nhẹ nhàng,

“Anh trước học trường Tây, mới ở Pháp về, và chưa nắm vững danh từ kỹ thuật Việt ngữ. Tạm thời ngồi đọc sách và nghiên cứu trong ba tháng.”

Tôi chào đón người bạn đồng sự mới và rủ sang cư xá Lữ Gia ăn sáng để làm quen. Thấy chàng hơi ngần ngại, tôi vội vàng nói,

“Tôi biết Minh mới nhận việc chưa có lương. Mỗi ngày tôi sẽ bao Minh ăn sáng cho đến tháng sau, khi bạn lãnh lương tháng đầu tiên.”

Thế là chúng tôi kết bạn với nhau. Chơi thân với Minh, tôi cảm phục trí thông minh, tài nhớ dai, và khả năng làm tính rợ nhanh như điện của chàng. Chàng giống tôi ở điểm không nể sợ ai một khi đã nắm chắc mình đúng, mặc dù tôi có phần ương gàn nhiều hơn. Đầu năm sau, chàng được giám đốc trường Điện là anh Bá cử làm trưởng phòng Học vụ. Anh Bá là đàn anh của tôi; anh tốt nghiệp kỹ sư điện, đi Hoa Kỳ học cao học và tiến sĩ điện toán, và trở về trường dạy rồi được bổ nhiệm làm giám đốc. Trong chức vụ mới, Minh tỏ ra có tài tổ chức, khéo léo điều khiển nhân viên, và nhất là hết lòng lo cho sinh viên. Như mấy năm trước, năm ấy nha Động viên của bộ Quốc phòng gửi thông tư và mẫu đơn hoãn dịch vì lý do học vấn về trường trẻ,

phòng Học vụ vừa hoàn tất hồ sơ xin hoãn dịch cho sinh viên thì giấy hoãn dịch hiện tại của họ hết hạn. Họ đến cầu cứu với Minh. Chàng gọi điện thoại xin gặp thiếu tướng giám đốc nha Động viên, mượn chiếc xe Lambretta của một anh bạn đồng sự, chất hồ sơ hoãn dịch lên giữa ghế và tay lái, chạy lên nha Động viên ở đường Gia Long, và gặp đại tá chánh văn phòng. Ông ta nói,

“Giáo sư cứ để hồ sơ lại đó, thiếu tướng sẽ ký, và ngày mai giáo sư đến lấy.”

Minh không chịu và nhất định đợi gặp thiếu tướng giám đốc để xin ký ngay,

“Thanh niên đi ngoài đường rất dễ bị hỏi giấy tờ hoãn dịch, sinh viên chúng tôi có thể bị bắt vào trại nhập ngũ mà giấy tờ hết hạn không phải lỗi của họ.”

Đứng trước phòng Học vụ chờ Minh mang giấy hoãn dịch về, sinh viên vỗ tay hoan hô thầy Minh *chịu chơi*. Minh thường gặp anh Bá tại văn phòng công ty Sài Gòn Điện toán trên đường Bùi Chu và trước nhà thờ Huyện Sĩ để đưa giấy tờ của trường cho anh ký. Đó là công ty cố vấn dịch vụ điện toán tư do anh Bá lập ra và làm chủ, ngoài nhiệm vụ giáo sư và giám đốc trường Điện. Tại đây, Minh có dịp gặp gỡ Mai Thanh, cô quản lý văn phòng xinh đẹp và dịu dàng, và mối thâm kín nảy nở, *tình trong như đã mặt ngoài còn e*.

Một hôm nhân sinh nhật Mai Thanh, Minh mang tặng nàng bó hoa hồng với tấm thiệp ghi “One Light Year,” nghĩa đen là một quang niên là đơn vị trong ngành thiên văn chỉ khoảng cách ánh sáng di chuyển trong một năm. Chàng không biết trước đây Mai Thanh là bạn học cùng lớp ở Gia Long với Quỳnh Châu vợ tôi, đôi bạn gái này hay gặp nhau rỉ rả tâm sự *lòng thông*, và dĩ nhiên hai cô giao cho tôi nhiệm vụ giải mã,

“Này nhé, ‘One’ trong tiếng Anh là số một, viết theo số La Mã là I, tức là chữ ‘I’ nghĩa là ‘tôi.’ Còn ‘Light Year’ thì dễ quá, chỉ cần viết tắt thành ‘L.Y.’ Mật mã bí hiểm dang trời của ông bạn anh là lời tỏ tình: I Love You!”

Minh và Mai Thanh hẹn hò và cùng nhau đi xem xi-nê, chàng mời nàng tham dự các buổi sinh hoạt sinh viên ở trường, bạn học trò tinh ý gọi nịnh nàng bằng “cô” nghe ngọt xót, và nàng e thẹn một cách thích thú. Sau một thời gian, bỗng hai người hết gần gũi nhau. Minh tâm sự chàng tự ý rút lui sau khi khám phá ra nàng đạo Công giáo mà mẹ Minh là người sùng đạo Phật, chàng không muốn làm mẹ buồn lòng. Nhưng chàng không biết gia đình nàng còn chống đối mối tình của hai người dữ dội hơn. Gần Tết Ất Mão (1975), Minh tình cờ gặp nàng ở chợ hoa đường Nguyễn Huệ, nàng rút rè đi bên người chồng trung úy phi công hào hoa, và Minh tay trong tay cô vợ mới cưới đi xem hoa.

* * *

Sau ngày 30 tháng Tư, miền Nam đổi chủ, và cán bộ Việt Cộng trong rừng ra tiếp nhận trường Đại học Kỹ thuật (“ĐHKT”) thuộc viện Đại học Bách khoa Thủ Đức mà trường Điện là một phần. Họ bắt giáo chức và nhân viên ĐHKH tập trung ở rạp Thống nhất trên đường Thống nhất để học tập chính trị 30 ngày. Trên sân khấu, anh cán bộ *i tờ rít* ba hoa chích chòe *ca bài* “Nhân dân ta anh hùng đánh Mỹ cút Ngụy nhào,” “Chủ nghĩa Mác-Lênin bách chiến bách thắng,” “Tư tưởng

Hồ Chí Minh đỉnh cao trí tuệ,” v.v. Bên dưới, các nhà khoa học và kỹ thuật của phe thua cuộc biết phận ngồi im thín thít. Dân chúng lúc này chí khổ vì bị đổi tiền ăn cướp và bắt đi học tập,
*Năm đồng đổi lấy một xu,
Thằng khôn đi học, thằng ngu làm thầy.*

Khi cán bộ nói huênh hoang “đảng và nhân dân ta nhân đạo và khoan hồng,” Minh giơ tay,
“Nếu vậy, xin hỏi tại sao Tết Mậu Thân 1968, các ông chôn sống mười ngàn người ở Huế?”

Tên cán bộ tái mặt, không dè có tên giáo sư “Ngụy” dám cả gan nêu lên câu hỏi phạm húy, và gượng gạo,
“Điều này quá phạm trù của tôi. Tôi sẽ xin ý kiến ‘trên’ và trả lời cho anh sau.”

Câu trả lời không bao giờ tới. Trong thời gian này, báo và “đài” đảng ngợi ca rùm trời lời tuyên bố *một cây xanh rờn* của Tổng Bí thư Lê Duẩn, người có quyền hành cao nhất nước, “Trong mười năm tới, mỗi gia đình sẽ có một chiếc ô-tô.” Được lệnh khai triển câu nói này, nhưng biết tổng đồng chí lãnh đạo đã khoác lác tận mạng, cán bộ bèn xuống cấp ô-tô thành tủ lạnh và *phija* ra con số cụ thể thật lớn, lớn ngoài sức tưởng tượng của anh ta,
“Mười năm nữa, mỗi gia đình sẽ có một chiếc tủ lạnh. Đảng đã lập ra nhà máy có khả năng mỗi năm sản xuất 100 ngàn chiếc tủ lạnh để phân phát cho nhân dân.”

Minh giơ tay xin phát biểu,

“Dân số nước ta cả hai miền Nam Bắc hiện có chừng 60 triệu dân, lấy trung bình mỗi gia đình năm người thì cả nước có 12 triệu gia đình. Nếu mỗi năm phân phát 100 ngàn chiếc tủ lạnh thì phải mất đến 120 năm, không kể dân số mỗi ngày một tăng. Tủ lạnh chỉ dùng tối đa khoảng 10 năm là hư. Trong thời gian 120 năm đó, những tủ lạnh phân phát trước đã tiêu đời từ *đời nào đời nào*, xin hỏi làm sao đảng đạt chỉ tiêu kế hoạch?”

Một lần nữa, cán bộ hứa sẽ xin ý kiến “trên,” và câu trả lời không bao giờ tới. Ngày cuối của khóa học, một cán bộ tự xưng là chuyên viên dầu khí đưa ra viễn ảnh anh ta tin chắc sẽ làm bọn giáo sư “Ngụy” *lé mắt*,

“Dưới biển Đông nước ta có dầu lửa nhiều vô tận. Để so sánh, dầu của ta là con voi thì tổng số dầu của các tất cả nước Ả Rập trên thế giới chỉ là con tem. Con tem dán trên đít con voi!”

Không ai vui mừng vỗ tay hoan hô, nhưng Minh – lại Minh – giơ tay,

“Xin hỏi dữ kiện vừa nói lấy từ nghiên cứu khoa học nào. Cán bộ cho biết đã được đào tạo ở đâu, tới học vị nào, và từng nghiên cứu dầu khí ở đâu.”

Cán bộ tiết lộ dữ kiện trọng yếu đó do “trên” đưa xuống và khi bị hỏi gặng, thú thực thời thanh niên học hết cấp 1 (tiểu học) thì đi bộ đội và nhờ công trạng chiến đấu, được đi học bổ túc (không phải học chính quy là đến trường học đảng hoàng) đến cấp 3 (trung học đệ nhị cấp) mà ở miền Bắc chỉ có đến lớp 10. Trong thời kỳ chống Mỹ, anh là sĩ quan trong đoàn chở xăng tiếp tế từ Bắc vào Nam trên đường mòn Hồ Chí Minh.

Phòng Học vụ của Minh được thay thế bằng phòng Tổ chức gồm cán bộ ngoài Bắc vào. Trưởng phòng là chị Dung, người cầm cân nảy mực và quyết định mọi hoạt động trong trường. Chị và chị phó phòng ở cùng tổ nhận thực phẩm và nhu yếu phẩm gồm sáu người với Minh và ba nhân viên người miền Nam khác. Chính quyền mới thực hiện chế độ bao cấp, độc quyền mua bán và phân phối mọi thứ hàng hóa, cấm tư nhân trao đổi mua bán, và do đó gây ra cảnh làm than chưa từng có ở miền Nam. Hàng hóa vô cùng khan hiếm và thỉnh thoảng được đặc biệt phân phối đến cơ quan làm việc. Một hôm, tổ được phân phối khẩu phần cá hàng tháng là một con cá dài chừng hai tấc. Mọi người nhìn nhau phân vân, không biết làm sao chia. Minh đề nghị cắt con cá thành sáu khúc rồi bốc thăm chọn, nhưng chị Dung phản đối,

“Xã hội chủ nghĩa không bốc thăm mà làm việc trên căn bản tự nguyện.”

“Vậy thì tốt quá, xin chị Dung và chị phó phòng tự nguyện lấy khúc đầu xương xẩu và khúc đuôi ít thịt giùm.”

“Tôi không tự nguyện,” cả hai chị lắc đầu quày quặt; gia đình họ cũng đói dài người như mọi người.

Đành theo cách phân xã hội chủ nghĩa của Minh. Rồi đến ngày phân phối vải may mặc. Tiêu chuẩn là mỗi năm mỗi gia đình được hai thước vải phẩm chất rất xấu,

Mỗi năm hai thước vải thô,

Lấy gì che kín cụ Hồ em ơi?

Tổ sáu người nhưng chỉ có 11 thước rưỡi vải về tới vì cán bộ trung gian đầu đó ăn chặn và xén bớt. Nếu chia ra, một phần vải hầu như không thể may thành thứ gì ra hồn. Mọi người đưa mắt nhìn Minh, chàng đưa ra cách giải quyết,

“Đem ra chợ trời bán lấy tiền chia đều nhau. Khỏi thắc mắc!”

“Không được, đó là đường lối phản cách mạng của bọn đế quốc tư bản,” chị Dung quát mắt lắc đầu.

“Hoặc là chị tự nguyện nhường lại cho tụi tôi, hoặc là chị cắt phần mang về nhà. Còn lại, tụi tôi bán lấy tiền chia nhau,” Minh không chịu thua.

Rốt cuộc, đế quốc tư bản thắng. Những cuộc đụng độ như thế xảy ra hàng tháng. Cho đến hơn ba năm sau, bí thư trường Đoàn là chóp bu của cơ quan trước đây là ĐHKT và chị Dung được tin Minh nộp đơn xin xuất ngoại đi Gia Nã Đại đoàn tụ gia đình. Họ gọi Minh lên và ra lệnh cho chàng “làm đơn xin nghỉ việc.” Lần đầu tiên, chàng ngoan ngoãn tuân theo và khi thôi việc, được trả trọn hai tháng lương.

Năm 1990, tôi gặp lại Minh ở Toronto, Gia Nã Đại. Chàng kể chuyện thời bao cấp khổ khó và cười khà,

Có áo mà chẳng có quần

Lấy gì hạnh phúc hỡi dân cụ Hồ?

Có đói mà chẳng có no

Lấy gì độc lập, tự do hỡi người?

Nguyễn Ngọc Hoa

Ngày 20 tháng Bảy, 2022

Dang Tay Nổi Lại Biển Xa

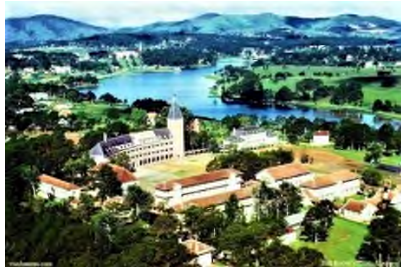
Truyện ngắn của Nguyễn Ngọc Hoa

Từ giã ngôi trường Cao đẳng Điện học thân yêu chiều 28 tháng Tư năm 1975, tôi mang theo nét mặt buồn bã tuyệt vọng của bạn đồng sự trong buổi họp giờ thứ 25 của hội đồng giáo sư chấm đậu, cho lên lớp, và cấp bằng cho sinh viên. Trong số bạn đó, ba người – Thành, Kim, và Đăng – học cùng khóa kỹ sư với tôi. Bốn thằng đã từng chia xẻ vui buồn của thời sinh viên sôi nổi rồi cùng tụ về trường góp phần truyền thụ kiến thức cho sinh viên đàn em. Chúng tôi là giảng viên, cấp giáo sư thấp nhất, nhưng lòng nhiệt thành, nỗ lực học hỏi, và khả năng dịch đúng đắn danh từ kỹ thuật Pháp và Anh ngữ sang Việt ngữ để giảng dạy đã đặt chúng tôi vào hàng nhân viên giảng huấn nòng cốt của trường.

Trong buổi họp, mặt đỏ gay, Thành dạy bạn Viễn thông nói cười ngả nghiêng và than buồn ngủ. Chắc hẳn chàng đã uống cả chai bia “33” trong bữa tiệc trưa khóc cuộc ly tán gần kề. Thời đi học, đến năm đệ tứ niên mà Thành còn nguyên xi, chưa nếm qua mùi tình ái, và anh em rủ rê thế nào đi nữa, vẫn một mực lắc đầu. Chàng cao lớn *bô trai*, học khá, giỏi nghề nhiếp ảnh, và giỏi nhu đạo – lên tới đai đen. Hiền lành như con gái, chàng nói chuyện với bạn không bao giờ mày tao mà xưng hô bằng tên: Thành thế này, Thành thế nọ, hay *Ba Hoa* làm giùm Thành cái kia. Mấy thằng xấu mồm cho rằng chàng chỉ thích con trai và khi nói tên thường thòng thêm tiếng “PD.” *Pê-đê* do tiếng Pháp “pedéraste” là kẻ kê gian, tức là người tình dục đồng giới phái nam làm tình theo kiểu gà trống đập mái. Thằng Hữu, *cây* nói tục của lớp, bèn sáng tác mẩu chuyện khôi hài,

Khi đi chơi với thằng Thành, nếu lỡ làm rơi cái ví thì chịu khó vừa đi vừa đá về nhà và đóng cửa rồi mới nhặt lên. Vì khom người cúi xuống nhặt thì đặt mình vào tư thế con gà mái, rất nguy hiểm!

Tôi hay gặp Thành bàn chuyện học hành vì chàng còn là bạn đồng môn ở Đại học Khoa học Sài Gòn, hai thằng làm luận án tiến sĩ kỹ sư với lãnh vực khảo cứu liên hệ với nhau. Đầu năm 1975, hai thằng theo Minh trưởng phòng Học vụ đưa sinh viên lớp đệ tứ niên sắp ra trường đi quan sát nhà máy thủy điện Đa Nhim và đập nước Đơn Dương. Công trình điện lực lớn nhất Việt nam này nằm trên Quốc lộ 11 từ Đà Lạt đi Phan Rang và ngay dưới chân đèo Ngoạn Mục (thường gọi bằng tên tiếng Pháp Bellevue). Cuộc du khảo hàng năm đó là truyền thống của sinh viên trường Điện mà hồi đó tôi góp phần tổ chức và hình thành đầu tiên.



Trong thời gian ở Đà Lạt, đoàn du khảo được đặc biệt cho tạm trú ở Lycée Yersin, ngôi trường trung học với tòa nhà màu gạch đỏ và tháp chuông hình cây viết đứng sừng sững trên ngọn đồi nhìn xuống hồ Xuân Hương. Sau khi đi Đa Nhim, chúng tôi thăm viếng viện Đại học Đà Lạt, lò Nguyên tử Đà Lạt, và ty Điện lực Đà Lạt. Nhưng biến cố mong đợi nhất là đêm sinh hoạt giao tình với sinh viên Đà Lạt mà phần lớn là *dân kẹt tóc* từ các cư xá nữ sinh viên viện Đại học Đà Lạt. Đối với *dân húi cua* Phú Thọ thuộc hạng một sách và *cù lần* nhất nước, đây là cơ hội ngàn năm một thuở để tiếp xúc với nguồn *điện tích khác dấu*. Giữa sân trường, từng cặp nam nữ sinh viên xen kẽ nắm tay nhau bước quanh ánh lửa trại bập bùng để *nối vòng tay lớn*; tiếng hát thiết tha và hùng tráng vang vang trên đồi cao vắng lặng,

*Rừng núi dang tay nối lại biển xa
Ta đi vòng tay lớn mãi để nối sơn hà
Mặt đất bao la, anh em ta về
Gặp nhau mừng như bão cát quay cuồng trời rộng
Bàn tay ta nắm nối tròn một vòng Việt nam.
(Trịnh Công Sơn – “Nối Vòng Tay Lớn”)*

Trong cảnh hùng vĩ gợi cảm, với tâm hồn xao xuyến vì tình hình chính trị sôi động, con tim nam thanh nữ tú hòa hợp một cách tuyệt diệu, và kết quả là sau này tám cặp sinh viên Điện - Đà Lạt nên duyên vợ chồng. Đêm hôm đó, trong phòng ngủ trên lầu dãy lớp học hình vòng cung, Thành xúc động kể lể nỗi niềm tâm sự với tôi. Thuở sinh viên, tôi hay được bạn bè vấn kế mỗi khi gặp trúc trắc về chuyện tình ái lãng nhãng. Cái nghệ thuật *làm Bà Hạnh Thuần* của tôi là chịu khó lắng nghe, hỏi cặn kẽ những điểm khúc mắc, và theo phương pháp *gậy ông đập lưng ông*, dùng ý muốn thăm kín của chính đương sự mà chỉ nẻo. Bà Hạnh Thuần là người phụ trách mục “Gỡ Rối Tư Lòng” của tuần báo *Văn nghệ Tiền phong*, nhưng ai cũng biết hầu hết những “bà” phụ trách các mục giải đáp tâm tình trên báo là đàn ông ký tên phụ nữ.

Người yêu trong mộng của Thành học luật. Chàng mất hơn hai năm để vượt qua con đường đi vào tình yêu *có trăm lần thương có vạn lần buồn*: Ban đầu tìm cách gặp nhau nói chuyện trời trăng mây nước theo lối *tình trong như đã, mặt ngoài còn e*. Rồi thì *cầm tay cầm tiếc* lai rai và thỉnh thoảng thư từ lấm cẩm theo kiểu Kim Trọng - Thúy Kiều. Nay cục diện mùi mẫn đã có phần tiến bộ hơn: lâu lâu chờ dịp vắng người, mắt la mà lét trông trước ngó sau, Thành có thể *a-la-xô* (tiếng Pháp “à l’assaut” là nhào tới) *mi* nàng một *phát* và sướng rên cả người.

Tối hôm trước ngày theo đoàn du khảo đi Đà Lạt, Thành đến nhà nàng từ giã. Nhân bố mẹ nàng đi vắng và các em nàng ngồi cả trên gác học bài, chàng thừa cơ ôm nàng *mi* một *quả* thật dài, dài bằng con đường từ Sài Gòn ra cầu Hiền Lương bắc qua sông Bến Hải, Thành tự nhủ. Hai kẻ tay mơ trong chuyện tình tự lỉnh quính mất thăng bằng ngã xuống chiếc ghế xa-lông dài. Mỗi thắc mắc nặng trĩu trong lòng Thành là,

“*Ba Hoa* à, lúc ấy thân hình Thành đè lên người *em*. Thành chưa kịp đứng dậy thì bỗng nhiên cảm thấy bàn tay *em* nắn nắn cái ấy của Thành.”

“Thật vậy không? Hay Thành bị ấn ức sinh lý rồi tưởng tượng ra?” tôi hỏi lại, không cười.

“Không thể nhầm lẫn vì *em* làm lại lần thứ hai, rồi lần thứ ba. Thành sợ quá nhổm dậy chạy nhanh ra cửa. *Ba Hoa* nghĩ trong trường hợp như thế thì Thành phải làm sao?”

“Đúng là Thành . . . Nguyên Xi! Cô ấy sờ chim Thành thì Thành cứ việc sờ lại chim cô ấy, có đi có lại mới toại lòng nhau. Có vậy mà cũng lo lắng cho khổ đời trai trẻ!” tôi rán nín cười.

* * *

Tháng Sáu năm 1975, Kim và Đăng là sĩ quan biệt phái phải đi “học tập cải tạo” trong trại Trảng Lớn ở Tây Ninh trước là căn cứ của Sư đoàn 25 Bộ binh. Thời Việt nam Cộng hòa, giáo chức đại học được động viên tại chỗ, nghĩa là nhập ngũ vào trường Bộ binh Thủ Đức huấn luyện quân sự và khi ra trường với cấp bậc chuẩn úy, được biệt phái về trường giảng dạy. Chuẩn úy biệt phái về dạy học nhưng vẫn được Bộ Quốc phòng lưu tâm, 18 tháng sau tự động cho lên thiếu úy. Đối với nhà cầm quyền mới, chuẩn úy chưa phải là sĩ quan nên không mắc mứu, nhưng thiếu úy trở lên phải đi cải tạo *mút mùa*. Kim và Đăng đi tù sơ sơ có ba năm.

Trường Điện biến thành “khoa Điện,” mọi hoạt động đều do phòng Tổ chức gồm cán bộ từ ngoài Bắc vào điều khiển. Trưởng phòng là một chị cán bộ tên Dung, và phó phòng là một chị trẻ hơn, khi nói chuyện không phân biệt được âm *en-lờ* (“l”) và *en-nờ* (“n”) – *chị lói nhiều mà nằm không bao nhiêu*. Chị Dung lớn hơn Thành chừng vài tuổi, chưa có gia đình, và luôn luôn phô trương bằng Phó Tiến sĩ tốt nghiệp ở Nga xô của chị cho thiên hạ biết. Chị đặc biệt ưu ái Thành, anh chàng độc thân dễ tính, thích hòa đồng với người chung quanh, và không thèm bon chen kèn cựa về mấy thứ vật chất vật vãnh, dù thời bao cấp ai cũng đói mờ người.

Ở miền Bắc, chương trình trung học chỉ đến lớp 10 là hết. Hệ thống giáo dục hoàn toàn đặt trên căn bản “hồng hơn chuyên,” và học sinh và sinh viên phải học tập chính trị và tham gia công tác lao động nhiều hơn học văn hóa. “Hồng” chỉ mức thấm nhuần chủ nghĩa Cộng sản cao, và “chuyên” chỉ mức thấu hiểu chuyên môn cao. Vì vậy, kiến thức văn hóa của sinh viên tốt nghiệp đại học miền Bắc còn kém xa học sinh đậu Tú tài II miền Nam. Du học sinh gửi đi các nước Cộng sản khác làm “nghiên cứu sinh” (học cao học) phần lớn là con cháu lãnh đạo hay đảng viên có công trạng nên thiếu khả năng học vấn và chỉ học hành chiếu lệ để có bằng mang về nước. Nếu so số năm học cần thiết, phó tiến sĩ miền Bắc tương đương với cử nhân miền Nam (đòi hỏi bốn năm đại học), nhưng trình độ học thức ngang hàng với sinh viên năm thứ ba bậc cử nhân là cùng.

Ngoài số giáo sư “Ngụy” đi tù cải tạo, những người còn lại tìm cách vượt biên khi có cơ hội – *nếu cái cột đèn biết đi, nó cũng ra đi*. Một số cán bộ giảng dạy có bằng Phó Tiến sĩ được gửi từ Hà nội vào để tăng cường ban giảng huấn, nhưng hầu hết chỉ vào lớp nhai đi nhai lại bài giảng chính trị theo lệnh của “trên.” Thành bị cắt đặt dạy thêm môn Giải tích Mạch Điện, giảng khóa tôi từng phụ trách. Tôi viết một bộ sách về ngành này và cho ấn hành vào đầu năm 1975. Gần một ngàn tập sách *Giải Tích Mạch Điện* còn thơm mùi mực xếp thành chồng ngay ngắn trong văn phòng tôi, một phần bị mang ra giữa sân trường, dồn thành đống vun cao, và châm lửa đốt, và còn lại bị lén bán ve chai làm giấy gói hàng rong. Để tiêu hủy “tàn tích đồi trụy của Mỹ Ngụy”!

Thiếu sách vở tham khảo, Thành phải dùng ghi chép từ thời sinh viên học môn này và dạy theo trí nhớ. Khoảng một năm sau, một ông anh họ làm giáo sư ở Đại học Tổng hợp Hà nội vào Sài

gòn thăm gia đình Thành. Chàng thật thà than thở về tình trạng đói tài liệu giảng dạy, ông anh rất thông cảm và khi về Hà nội gửi tặng cuốn sách *Mạch Điện* tân tiến nhất của miền Bắc: Cuốn sách dịch từ nguyên tác tiếng Nga phát hành năm 1946, tức là một năm trước khi Thành ra đời. Bộ sách *Giải tích Mạch Điện* của tôi đã được viết dựa trên tài liệu khảo cứu và sách giáo khoa ấn hành ở Hoa kỳ và Pháp đầu thập niên 1970.

Thành làm như vô tư không biết đến những mời mọc, quyến rũ, và hứa hẹn của chị Dung. Cho đến bảy năm sau, chàng và gia đình nộp đơn xin đi Gia Nã Đại đoàn tụ gia đình. Chàng bị gọi lên và ra lệnh “làm đơn xin nghỉ việc.”

* * *

Năm 1989, tôi và Quỳnh Châu sang thăm Toronto, Gia Nã Đại và gặp lại Thành; người bạn cũ vẫn còn độc thân. Ngẫu nhiên, Quỳnh Châu gặp lại cô bạn học cũ ở trường Gia Long là Lãm Thúy. Nàng sang Gia Nã Đại du học, tốt nghiệp chưa kịp về nước thì miền Nam thất thủ, và vẫn độc thân. Chúng tôi giới thiệu hai kẻ đơn chiếc với nhau, đi chơi chung, và ăn Halloween với họ trong buổi tối cuối cùng ở Toronto.

Halloween, ngày 31 cuối cùng của tháng Mười, là tết nhi đồng của Bắc Mỹ. Trẻ em hóa trang đi từng nhà xin kẹo với câu nói “Trick or treat!” ý nói hãy cho tôi kẹo, nếu không tôi sẽ nghịch phá. Người lớn cũng thừa dịp tổ chức dạ hội hóa trang vui chơi hay hóa trang đi nhông nhông ngoài đường cho thiên hạ chiêm ngưỡng. Chúng tôi không hóa trang nhưng đi xem người, khách bộ hành tấp nập trên đường Yonge (đọc giống như “young”) là phố chính của Toronto. Kiểu hóa trang thịnh hành của đêm Halloween ấy là mặt nạ và y phục đen bóng in hình con dơi của *batman*, vì phim *Batman* vừa trình chiếu ngoài rạp đầu mùa hè. Khúc đường phố khoảng hai cây số lúc nhúc cả trăm “thằng bất mãn” (“bat man” bỏ dấu đọc theo tiếng Việt)!

Mặc dù xem ra trong lòng đã ưng chịu, Thành và Lãm Thúy còn giữ kẽ, đi cạnh nhau mà vẫn giữ một khoảng cách vững dạ. Tôi ra hiệu cho Quỳnh Châu, hai đứa bước lại kéo hai bàn tay của Lãm Thúy và Thành đặt vào nhau. Tôi cười khà khà,

“Phải đan vào nhau, tay trong tay như thế mới chia đúng *véc-bờ*. *Dung dăng dung dẻ, dất trẻ đi chơi, đến cổng nhà trời thì lại mi nhau.*” “Véc-bờ” (tiếng Pháp “verbe”) là động từ.

Trong bầu không khí nhộn nhịp vui tươi của đêm Halloween, bắt giác bốn người chúng tôi hùng chí nối tay nhau, vừa đi vừa nhảy cẫng trên đường phố, và cất tiếng hát to,

*Rừng núi dang tay nối lại biển xa
Ta đi vòng tay lớn mãi để nối sơn hà . . .*

Nguyễn Ngọc Hoa
Ngày 3 tháng Tám, 2022

Sẽ Không Lớn Nổi Thành Người

Truyện ngắn của Nguyễn Ngọc Hoa

Trong ba năm sau cùng tôi ở Sài Gòn, người bạn gần gũi nhất là thằng Kim. Hai thằng biết nhau từ thời học đệ thất (lớp 6) trường Hàm Nghi Huế và về sau là bạn cùng lớp ở trường Cao đẳng Điện học. Bốn năm học kỹ sư, nó là con mọt sách, ngày đêm chỉ biết học và học, trong lúc tôi chuyên môn *cúp cua* đi dạy trường tư, nhưng vì tật ưa tán ma tán mánh mà bạn bè nghĩ là đi chơi với *đào* và phong cho danh hiệu “*dân chơi cầu Ba Cẳng*.” Thằng Kim tốt nghiệp thủ khoa (tôi đậu thứ nhì) và có thêm bằng Cử nhân Toán ở Đại học Khoa học Sài Gòn. Nó được giữ ở trường dạy lại, trong khi tôi *đi đánh thuê* lập phòng thí nghiệm và dạy ở hai phân khoa của Đại học Minh Đức, một viện đại học tư.

Khi thời hạn hoãn dịch vì lý do học vấn chấm dứt, thằng Kim nhập ngũ, vào trường Bộ binh Thủ Đức huấn luyện quân sự, và khi ra trường, được biệt phái về dạy lại. Trong chín tháng quân trường, dù thể xác và tinh thần bị thử thách cam go, nó vẫn dành thì giờ và trí óc làm luận án cao học. Đêm đi trực gác nằm dưới giao thông hào, nó trùm *poncho* bật đèn pin làm toán. Sáu tháng sau khi “đi lính” về, nó đậu bằng Cao học Toán.

Hai năm sau ngày ra trường, tôi về trường Điện dạy lại, làm giảng viên trong ban Điện như thằng Kim, và có dịp biết rõ về nó hơn. Cha mất sớm, nhà nghèo lại đông em, nó là con lớn phải giúp mẹ nuôi em ăn học. Tôi cố gắng giúp nó có chuyện làm thêm lợi tức: Là trưởng phòng Máy Điện của Đại học Khoa học Kỹ thuật Minh Đức, tôi giúp thiết lập chương trình giảng dạy của trường và mời thằng Kim dạy các giảng khóa sở trường của nó. Đồng thời, một viện đại học tư khác là Đại học Vạn Hạnh mở thêm phân khoa Khoa học Ứng dụng đào tạo kỹ sư và mời tôi dạy, tôi lấy cớ bận rộn giới thiệu nó thế chỗ. Ngoài ra, một người bạn tôi mở trường dạy luyện thi vào các trường chuyên khoa như kỹ sư, y khoa, và kiến trúc và đặt tôi viết sách toán luyện thi. Tôi thu góp các đề thi toán đã ra trước đó, giao cho thằng Kim viết phần bài giải, và chia đôi tác quyền.

Cuối tháng Tư năm 1975 tôi bỏ nước bỏ trường bỏ bạn ra đi. Tháng Sáu, thằng Kim đi “học tập cải tạo,” bị tù ba năm, và khi mãn hạn tù, được cho về trường Điện dạy lại. Vài năm sau khi cuộc sống ổn định ở North Dakota, tôi liên lạc với thằng Kim và thỉnh thoảng gửi biếu nó một ít tiền. Đều đặn như thế được ba bốn năm thì một hôm tôi nhận được thư nó mang lời lẽ khác lạ và xưng hô “tôi bạn” thay vì “mày tao” như mấy chục năm nay,

Bạn cần tăng gia nỗ lực gửi tiền về để cấp cho học bổng cho sinh viên, giúp trường mua dụng cụ, và giúp nhà nước kiến thiết quốc gia . . .

Đồng thời, hầu hết những người Việt tỵ nạn Cộng sản trên thế giới đều nhận được thư xin tiền của thân nhân và bạn bè bên nhà với giọng điệu như nhau. Ở Hoa Kỳ, tại những nơi có đông người Việt, văn phòng nhận chuyển tiền về Việt nam mọc lên, và tiệm bán hàng hóa trưng bày ba thùng đồ – thùng “A,” thùng “B,” và thùng “C” – nhận gửi về Việt nam. Mỗi loại thùng chứa một số thuốc men và hàng hóa nhất định với giá 100 đô la, cộng thêm cước phí 20 phần trăm.

Ở Sài Gòn, Việt Cộng (“VC”) cũng có những thùng đồ y hệt như thế, phát cho người nhận tại trạm nhận đồ Phạm Đăng Lưu (con đường trước là đại lộ Chi Lăng Phú Nhuận), và cho cán bộ đón ở cửa ra, mua lại thùng đồ, trả bằng tiền Hồ Chí Minh, và bưng lại vào bên trong chờ người nhận mới.

Trong báo cáo hàng năm với WHO, Cơ quan Y tế Thế giới của Liên hiệp quốc, Hà nội muối mặt phúc trình trẻ sơ sinh Việt nam nay chỉ dài 21 phân rưỡi, ngắn đi một phân từ 22 phân rưỡi, nhục nhã thú nhận chế độ kinh tế “bao cấp” kiểu Cộng sản thất bại cùng tận khiến các bà mẹ thiếu ăn lúc mang thai. Mặt khác, văn công Hà nội đẩy mạnh ra ngoại quốc khí cụ chính của kế hoạch moi tiền “Việt kiều” (nay mang nghĩa mới nghe khá chướng tai là người Việt sống ở hải ngoại): bài hát “Quê Hương” phổ nhạc từ bài thơ “Bài Học Đầu Cho Con” của Đỗ Trung Quân. Theo lời thi sĩ, bài thơ được sáng tác để tặng con gái một người bạn vừa lên một và không hề có câu cuối như trong bài hát,

*Quê hương là chùm khế ngọt
cho con trèo hái mỗi ngày
quê hương là đường đi học
con về rợp bướm vàng bay.*

...
*Quê hương mỗi người chỉ một
như là chỉ một Mẹ thôi
quê hương nếu ai không nhớ
sẽ không lớn nổi thành người.*

VC ước lượng có 2.7 triệu *Việt kiều*, trong đó 80 phần trăm sống sung túc ở các quốc gia tự do, và xem số người sau là những con bò sữa béo bở tha hồ vắt ra tiền. Với câu hát cuối, VC chỉ trở hăm he, “Nếu không nhớ gửi tiền về thì *sẽ không lớn nổi thành người.*”

* * *

Đầu năm 2005, tôi và Quỳnh Châu có việc về Việt nam và gặp lại thằng Kim trong buổi họp mặt bạn bè tại một nhà hàng ở bến tàu Sài Gòn. Nó vẫn dạy trường Điện và cho biết sáng hôm sau, Chủ Nhật, trường có buổi lễ phát học bổng cho sinh viên. Quỳnh Châu quyết định chúng tôi sẽ dậy sớm vào trường Điện dự lễ và tặng học bổng mới cho sinh viên.



Sau ba mươi năm xa cách, tôi bồi hồi trở lại ngôi trường thân yêu và đến địa điểm làm lễ là Giảng đường Lambert, giảng đường xưa kia tôi hay dùng dạy các *cua lý thuyết*. Trên bục giảng

dùng làm sân khấu, một cán bộ trạc ba mươi lăm, ba mươi sáu tuổi, có lẽ là “hiệu trưởng” trường, đứng điều khiển chương trình. Không có thầy Kim hay giáo sư nào khác tham dự. Quan khách chỉ có vợ chồng tôi và vợ chồng anh Lương, và vì vậy dù chúng tôi đến dự không báo trước, Quỳnh Châu cũng được sinh viên trao tặng một bó hoa tươi dành cho quan khách.

Tôi biết anh Lương từ đầu thập niên 1970. Lớn hơn tôi một con giáp, anh sinh ở miền Bắc và năm 1954 theo gia đình di cư vào Nam. Anh đậu thủ khoa kỳ thi tuyển vào trường Quốc gia Kỹ sư Công nghệ của Trung tâm Quốc gia Kỹ thuật mà trường Điện là một phần, nhưng không học hết năm đầu vì được học bổng của chính phủ Nhật Bản sang Nhật học điện tử tại Học viện Kỹ thuật Đông Kinh, viện đại học lớn nhất của Nhật. Tốt nghiệp tiến sĩ điện tử, anh làm chuyên viên nghiên cứu cho công ty Điện Kỹ nghệ Matsushita mà ở tây phương người ta biết đến qua thương hiệu “Panasonic” và được báo chí Nhật xếp vào 100 nhà bác học giỏi nhất nước Nhật.

Trong thời gian đi học, anh Lương quen và yêu thương cô bạn cùng trường Sachiko con một giáo sư dạy trong trường, cô cũng yêu anh thắm thiết, và hai người thề non hẹn biển sẽ nên duyên vợ chồng. Khổ thay, Nhật là một xã hội thủ cựu, và người Nhật khư khư theo truyền thống cổ xưa, tự hào mình là dân Nippon là xứ mặt trời mọc, và không chấp nhận hôn nhân dị chủng. Phương chi anh là dân xứ nhược tiểu đắm chìm trong chiến tranh mà trong thế chiến thứ hai Nhật có thời chiếm đóng. Dĩ nhiên, cha cô không chấp thuận cuộc hôn nhân của hai người.

Cùng kể anh Lương mới phải nhờ ân sư Yachi đến cầu hôn. Là người đỡ đầu luận án tiến sĩ của anh, Giáo sư Yachi mến tài và yêu thương anh như con. Với truyền thống kính trọng thể diện của người Nhật, cha Sachiko không thể từ chối lời thỉnh cầu của vị giáo sư đồng nghiệp và cũng là bạn thân của ông. Ông chấp thuận cho hai người thành hôn nhưng, “Sau đám cưới, tôi sẽ rời Sachiko và xem như không hề sinh ra đứa con gái ngỗ nghịch.” Thế là cô gạt lệ vĩnh biệt gia đình và đất nước theo chồng về Việt nam xây lâu đài hạnh phúc.

Về Sài Gòn, anh Lương được bổ nhiệm làm giáo sư dạy ban Điện tử của Đại học Khoa học Sài Gòn, nơi tôi làm luận án tiến sĩ kỹ sư nên dù anh không dạy tôi, theo tôn ty trật tự tôi gọi anh bằng “thầy.” Tháng Tư năm 1975 miền Nam đổi chủ, anh Lương vẫn giữ chân giáo sư như cũ, nhưng cuộc sống của anh chị và hai đứa con trai trở nên khổ sở cùng cực. Năm sau, nhờ chị Sachiko là công dân Nhật, gia đình anh về Nhật, và anh trở lại làm việc cho Matsushita trước khi được mời làm giáo sư tại Đại học Hosei ở Đông Kinh, một đại học tư nổi tiếng về hai ngành luật và chính trị học. Công việc giảng dạy và nghiên cứu của anh thành đạt, gia đình anh hạnh phúc, và chị Sachiko theo bốn phận của đàn bà Nhật rất mực thương yêu chiều chuộng chồng và chăm lo dạy dỗ con cái. Cho đến khi anh trở thành nạn nhân của chính sách bòn rúc *Việt kiều* của VC.

Anh Lương bị bọn du học sinh VC ở Nhật dụ dỗ đi quyên tiền của các trường đại học, quỹ tài chánh, và nhà hảo tâm để gửi về Việt nam với danh nghĩa giúp các trường đại học – tương tự như lời lẽ trong thư thầy Kim. Để chắc ăn, Hà nội chỉ định cô du học sinh Ánh Thu theo “làm việc” sát cánh với anh, và chẳng bao lâu nhà khoa học tầm tiếng bị tuổi trẻ và nhan sắc của cô mê hoặc và trở thành một thứ VC nằm vùng. Tiếp theo, anh lia bỏ người vợ hiền đã vì anh hy

sinh gia đình và tổ quốc, đưa anh thoát khỏi địa ngục đỏ, và nuôi dạy con anh nên người, để chung sống với cô gái không đáng tuổi con anh.

Mùa hè năm 2003, anh Lương về hưu trở về Việt nam sinh sống, mua một căn nhà ở Gò Vấp, nhà có khoảnh vườn phía trước khoảng 20 mét vuông, và được chính quyền VC mời ra “vinh danh” tới tấp. “Vinh danh” là chữ mới, đặt ra với sự kém hiểu biết về ngữ pháp, dùng chỉ việc tôn vinh “những người Việt nam ở nước ngoài có nhiều thành tích trong sự nghiệp và có nhiều đóng góp cho đất nước.” Anh được trao tặng bằng khen của ủy ban nhân dân thành phố, huy chương của hội khoa học kỹ thuật, giải thưởng “*Vinh danh* Nước Việt,” v.v. Mỗi lần *vinh danh* anh hay mấy chục con cừu non ngây thơ ở ngoại quốc được mời về Sài gòn, VC chỉ tốn một tờ giấy làm bằng khen, nhưng thổi phồng lên thành biển cố nức lòng trọng đại để dụ hoặc *Việt kiều* gửi tiền về, hay mang tiền về Việt nam du lịch.

Thời kỳ *vinh danh* đi qua, trái chanh đã vắt hết nước, và anh Lương va chạm với sự thực phũ phàng khi anh muốn sửa nhà để sân trước có hòn non bộ và chiếc cầu nhỏ bắc ngang theo kiểu nhà Nhật Bản. Trong một lần đi lãnh bằng khen, anh đã đề cập chuyện này với cán bộ chóp bu của thành phố và được ông ta ừ à qua loa. Tưởng thế là yên chuyện, anh đi mua một đồng vật liệu gỗ đá chở về nhà và gọi thợ đến xây. Không ngờ, công an phường đến hỏi giấy phép xây cất. Không có. Anh nói gì thì nói, công an sai người dỡ xuống và phạt tiền rất nặng. Như từ trên trời rớt xuống đất, anh đau như hoạn mà không biết than van với ai nên viết thư kể công và phàn nàn gửi tới các báo. Lời kêu ca của anh chẳng khác gì tiếng kêu trong sa mạc, không ai đoái hoài tới, ngoài một người bạn tôi; anh bạn *scan* bài báo và *post* lên mạng cho thiên hạ xem chơi.

* * *

Trong căn văn phòng nhỏ là một phần của phòng Học vụ ngày xưa, Quỳnh Châu làm thủ tục tặng mười học bổng, mỗi học bổng 100 đô la, cho sinh viên trường Điện. Chúng tôi định dùng khoản tiền đó đi xem Hà nội và vịnh Hạ Long, nhưng đêm qua quyết định không đi. Trong lúc chờ nàng, tôi miễn cưỡng nói chuyện với vợ chồng anh Lương. Vị cựu giáo sư 70 tuổi nhắc đi nhắc lại thành tích đầu đầu vào trường Công nghệ gần nửa thế kỷ trước – và chỉ có thế. Ánh Thu vợ anh chưa tới tứ tuần, dáng người hơi đầy đà, và ăn nói hỗn hào trịch thượng khiến tôi bực bội. Dù nhỏ hơn tôi gần 20 tuổi, chị ta nói gần như ra lệnh,

“Anh gọi anh Lương bằng ‘thầy’ thì theo đúng phép tắc phải gọi tôi bằng ‘cô.’”

“Dạ chị nói đúng, vợ thầy thì phải gọi bằng ‘cô.’ Nhưng tôi đã có cô Sachiko rồi, *sorry!*”

Tôi không mong muốn gặp lại anh Lương. Vì nghĩ tới anh, tôi muốn đổi “quê hương” trong câu áp chót của bài hát “Quê Hương” thành ra “ân tình kia,”

*ân tình kia nếu ai không nhớ
sẽ không lớn nổi thành người.*

Nguyễn Ngọc Hoa

Ngày 17 tháng Tám, 2022

Tôi Viết Báo

Truyện ngắn của Nguyễn Ngọc Hoa

Tháng Bảy, Bắc Mỹ vào giữa mùa hè, tôi được cử đi cuộc dự hội thảo về một chương trình điện toán tinh vi gọi là Mô hình Hệ thống Điện (viết tắt là PSS/E) dùng để khảo sát các hệ thống điện lớn. Công ty cố vấn tạo lập PSS/E cấp môn bài thương mại cho các công ty điện lực sử dụng và hàng năm tổ chức họp mặt để người sử dụng và chuyên viên viết PSS/E trao đổi ý kiến với nhau. Năm nay (1985), cuộc hội thảo diễn ra trong hai ngày tại khách sạn Holiday Inn gần phi trường Quốc tế Pearson ở ngoại ô Toronto, Gia Nã Đại.

Vài năm trước, có lần tôi tình cờ đi qua Gia Nã Đại khi đi thăm vườn Hòa bình Quốc tế nằm giữa biên giới Hoa kỳ - Gia Nã Đại, gặp một nhóm người Việt tỵ nạn định cư ở Brandon thuộc tỉnh Manitoba, và ham vui đi theo họ sang Brandon ăn nhậu và ngủ lại một đêm. Việc đi lại giữa hai nước rất dễ dàng. Đến biên giới, dù bằng đường bộ hay đường hàng không, du khách chỉ cần xuất trình bằng lái xe hay giấy khai sinh để chứng tỏ mình cư ngụ ở Hoa kỳ hay Gia Nã Đại. Nhưng du khách vào Gia Nã Đại thường bị hỏi là có mang theo rượu và thuốc lá trên mức cho phép hay không. Gia Nã Đại đánh thuế rất cao vào hai món này, gọi là “sin tax” tức là thuế đánh vào các món hàng “tội lỗi,” và sự chênh lệch giá cả đáng kể giữa hai nước khiến bọn con buôn mang lén từ Hoa kỳ sang bán lấy lời.

Toronto mùa hè đẹp yên bình, người ta trồng và trưng bài hoa khắp nơi, và dân chúng thì hiền hòa thân thiện. Vào phòng hội khách sạn dùng làm nơi hội thảo, tôi ngạc nhiên khi gặp anh Phương đại diện cho hãng Houston Lighting & Power cung cấp điện độc quyền cho vùng đô thị Houston thuộc tiểu bang Texas; đây là lần đầu tiên tôi gặp người đồng hương trong một hội nghị về điện. Trông lớn hơn tôi vài ba tuổi, đáng người nhỏ bé, anh rụt rè không bắt chuyện với ai, trong khi tôi ba hoa với mấy người bạn Mỹ quen biết. Cả ngày hôm đó, anh cầm cú ghi chép và không phát biểu lời nào, nhưng tôi bị lôi cuốn vào cuộc bàn cãi về phương pháp giải mạch điện của PSS/E. Đến cuối ngày, tôi mới có dịp hỏi thăm anh,

“Anh học kỹ sư ở đâu và có về Việt nam làm việc không?”

“Tôi du học Tân Tây Lan rồi về nước làm cho Điện lực Việt nam hơn ba năm. Năm 1975 mất nước, gia đình tôi di tản bằng xà lan và tàu Hải quân Mỹ và ban đầu định cư ở Tulsa thuộc tiểu bang Oklahoma. Tôi về Houston làm cho công ty điện lực hiện tại được ba năm nay,” anh có vẻ bằng lòng với công việc.

“Anh đã có cháu nào chưa?” tôi thấy tay trái anh đeo nhẫn.

“Tôi lập gia đình với cô bạn quen thân hồi Sài gòn, mất tin nhau khi hai gia đình thoát ra khỏi nước riêng rẽ, liên lạc lại được khi ở trong trại tỵ nạn, và cuối cùng tái ngộ ở Oklahoma. Chúng tôi có một cháu trai lên ba.”

Tôi và anh Phương ngồi ở *lobby* (căn phòng lớn dùng làm phòng khách của khách sạn), anh đợi bà con đến đón về nhà thăm viếng, và tôi chờ đến giờ hẹn ăn tối với mấy người bạn Mỹ. Một thanh niên có lẽ nhỏ hơn tôi một hay hai tuổi, thân hình vạm vỡ, dáng đi mạnh dạn, và vẻ mặt nhân hậu bước vào nháo nhác nhìn quanh. Anh Phương đứng dậy chào và giới thiệu,

“Anh *Ba Hoa* bên Mỹ sang đây họp như tôi, còn đây là anh Hiền anh chú bác của vợ tôi. Anh Hiền trước là Không quân và năm 1979 vượt biên tới Gia Nã Đại.”

“Cả nhà đang nóng lòng coi mặt dượng. Phải giỏi giắc lắ mới lọt vô được mắt xanh kén chọn của cô em nhà chú *tui!*” Hiền cười với anh Phương rồi quay sang tôi, “*Tui* nghe tiếng anh lâu rồi! Anh Bảo nói tới anh luôn; *ảnh* nói hồi đi học anh học giỏi không ai bằng, mà ba gai chỉ thua Tôn Ngô Không trong *Tây Du Ký*.”

Thuở học trường kỹ sư, tôi và Bảo chơi với nhau rất thân. Bảo học công chánh, tôi học điện, và năm đầu hai thằng học chung các lớp khoa học cơ bản. Tôi ở trọ nhà người bà con của Bảo, nhà ở trong một ngõ hẻm ngắn, và ngôi nhà đồ sộ của Bảo nằm ngay đầu hẻm ngoài đường. Buổi sáng, Bảo đứng trên sân thượng nhà chàng khum hai bàn tay làm loa gọi tôi dậy rồi lấy xe Lambretta chở tôi đi ăn sáng ở tiệm phở Tàu Bay trên đường Lý Thái Tổ trước khi hai thằng cùng nhau đến trường. Ông cụ Bảo là bác Vân, một nhà giáo đức độ và nhà soạn sách giáo khoa nổi tiếng, xem tôi như người trong nhà. Mỗi dịp giỗ tết, bác đều gọi tôi đến dự, ngay cả sau khi Bảo tốt nghiệp, đi du học Nhật Bản, và học cao học ở Học viện Kỹ thuật Đông Kinh là viện đại học lớn nhất của Nhật.

Trong thời gian đi du học, Bảo nghỉ hè về Việt nam thăm nhà và thành hôn với Hạnh Tuyết, đám cưới tôi làm phù rể, và sau đó nàng theo chồng sang Nhật. Sau tháng Tư năm 1975, vợ chồng Bảo xin nhập cư Gia Nã Đại và đến Toronto đoàn tụ với hai bác Vân và anh chị em trong gia đình. Từ đó, tôi hầu như viết thư hàng tuần cho Bảo và bác Vân.

Tôi hỏi Hiền,

“Hiền hay gặp Bảo lắm hay sao?”

“Đúng vậy. Nhóm bạn trẻ chống Cộng ở Toronto tụi *tui* ấn hành nguyệt san *Xxxx Việt*, một tạp chí đấu tranh văn học nghệ thuật, và dùng tờ báo làm phương tiện hoạt động cộng đồng. Anh Bảo làm chủ nhiệm lo giao dịch bên ngoài; *tui* lo phần trị sự, bao thầu mọi chuyện lớn nhỏ trong tòa soạn,” Hiền hãnh diện.

“Bảo hăng say hoạt động từ thời sinh viên ở Việt nam, sang Nhật cũng vậy, và giờ tiếp tục chí hướng ở Gia Nã Đại,” tôi ca ngợi bạn mình.

“Tối nay anh Bảo bận công chuyện cho tờ báo nên chưa gặp anh được. *Tứ hải giai huynh đệ*, tiện đây mời anh tới nhà *tui* dùng cơm cho *tui* được tiếp đãi khách phương xa.”

Sự niềm nở của người bạn mới gặp khiến tôi cảm động, nhưng nén lòng tham ăn từ chối,

“Cám ơn Hiền, tối nay tôi có việc quan trọng phải làm. Hẹn một dịp khác.”

“Không sao đâu anh *Ba Hoa*. Có duyên sẽ gặp lại, không nên miễn cưỡng,” Hiền cười hiền khô.

Tôi không nhận lời ăn cơm khách nhà Hiền vì sau khi ăn cơm tối với bạn Mỹ, tôi cần về phòng khách sạn gọi điện thoại cho Quỳnh Châu. Không những mỗi đêm đi công tác xa tôi đều gọi cho nàng và bé Mạc, Mạc đợi nói chuyện với tôi rồi mới đi ngủ, mà hôm nay là kỷ niệm 20 năm ngày tôi gặp nàng lần đầu, thuở nàng là cô bé ngây thơ 13 tuổi như trong thơ Nguyên Sa,

Trời hôm ấy mười lăm hay mười tám?

Tuổi của nàng tôi nhớ chỉ mười ba.

Tôi đã đặt hàng hoa giao đến tận nhà tặng nàng bó hồng nhung, loại hoa nàng ưa thích. Nhưng lời cảm kích từ miệng tôi thì không thể thiếu.

* * *

Sáng ngày họp thứ hai, hầu hết mọi người đều trả phòng khách sạn và mang hành lý vào phòng hội để khi cuộc hội thảo gần kết thúc hay kết thúc, sẽ lật đật chạy ra phi trường bay về nhà. Tôi ở lại thêm một đêm, vì nếu rời Toronto chiều hôm ấy, dừng lại hai nơi, và qua ba chặng đường bay, sẽ không thể về đến nhà cùng ngày mà phải ngủ đêm dọc đường. Buổi chiều đi làm về, Bảo lái xe đến đón tôi tới nhà Bảo thăm hai bác Vân rồi cùng với Hạnh Tuyết đưa tôi đi ăn tối ở tiệm Tam Ngư trên đường Spadina ở phố Tàu Toronto. Chúng tôi nói chuyện vui như pháo tét, lâu lắm tôi mới thấy lòng mình thanh thản như thế. Đợi ăn tráng miệng xong, Bảo nghiêm nghị cho tôi biết,

“Thằng Kiệt bị ung thư gan vừa mất ở Montréal, để lại chị Hà và hai cô con gái nhỏ. Tôi gửi vòng hoa điếu tang và ghi thêm tên ông.”

“‘Kiệt Cổ’ học cùng lớp công chánh với Bảo ấy à? Từ ngày tôi quen với Bảo, lúc nào cũng thấy nó kè kè sau lưng Bảo như cái đuôi. Bảo làm gì nó cũng làm y hệt như thế, và ngay cả việc đi du học Nhật Bản và sang Gia Nã Đại định cư nó cũng *copy nguyên con*. Sao mấy năm gần đây tôi ít nghe Bảo nói đến nó?”

“Một thời gian sau khi đến Nhật, tôi và nó dần dần xa nhau,” Bảo xúc động nhớ lại người bạn vừa qua đời.

Như gia đình Bảo, năm 1954 gia đình Kiệt từ ngoài Bắc di cư vào Nam. Bác Vân theo đuổi nghiệp nhà giáo, và ông cụ Kiệt làm công chức lên đến chánh sự vụ một sở của bộ Thông tin thời Đệ nhất Cộng hòa. Năm 1960, vừa nghe tin Đại tá Nguyễn Chánh Thi đứng lên đảo chánh lật đổ Tổng thống Diệm, ông vui mừng gỡ tấm hình ông Diệm treo trên tường xuống. Cuộc đảo chánh thất bại, ông bị thất sủng và chỉ được giao các công tác vặt vãnh như đi treo cờ và giảng biểu ngữ ca ngợi chính sách của Việt nam Cộng hòa (“VNCH”) ngoài đường phố.

Kiệt có người anh lớn tên Triệu. Triệu học giỏi và đậu vào trường Đại học Sư phạm, nhưng lại thân Cộng, chuyên đi biểu tình chống chính phủ, và ban đêm cùng đồng bọn đi gỡ biểu ngữ xuống để phá rối. “Ban ngày cha giảng lên, ban đêm con gỡ xuống. *Cha làm thầy, con đốt sách*,” tôi hay cười mỉa Kiệt. Tết Mậu Thân (1968), Triệu theo Việt Cộng *ra bung* rồi bị quân VNCH đi tảo thanh bắn chết. Gia đình Kiệt oán hận VNCH từ đó.

Bảo và Kiệt cùng sang Nhật du học. Đông Kinh đầy dẫy bọn sinh viên *ăn cơm Quốc gia thờ ma Cộng sản*, chúng *múa gậy vườn hoang* tuyên truyền nịnh bợ cho Việt Cộng mà chính phủ Nhật cố tình làm ngơ. Bảo tổ chức nhóm sinh viên chống Cộng, đi biểu tình, ra bản tin liên lạc, và hợp tác với Tòa Đại sứ VNCH để phản công lũ Việt Cộng nằm vùng. Kiệt đâm ra xốn xang bất mãn, bắt đầu rời xa Bảo, và không còn nấp bóng dưới nách bạn như trước. Chờ vợ lạc lõng, Kiệt rơi vào vòng tay êm ái của chị Hà. Chị là con một của một gia đình giàu có ở Sài Gòn, sang Nhật học cắm hoa đã gần 10 năm, và đang nóng lòng chờ duyên. Chị lớn hơn Kiệt ít nhất là một con giáp,

Nghe kể đến đây, tôi cười xều xào nói với Hạnh Tuyết vợ Bảo,

“Nghe tin cuộc tao ngộ đôi đũa lệch đó, tôi *tức cảnh sinh tình* đặt cho nó cái tên *Kiệt Cổ*, tức là Kiệt chuộng đờ cổ. Nó *xa quê hương nhớ mẹ hiền*, níu áo chị Hà cho đỡ *nhớ mẹ già như chuối bà hương!*”

“Ông *Ba Hoa* này thật khéo ví von!” Bảo cười khà rồi quay sang nói với vợ, “Phần còn lại thì em biết rồi, mình đã dự đám cưới thằng Kiệt ở Đông Kinh. Theo ca dao thì nó là kẻ may mắn,

*Có phúc lấy được vợ già,
Sạch cửa, sạch nhà lại ngọt cơm canh.”*

Tối hôm đó, trước khi chia tay, Bảo hẹn hôm sau đến ăn sáng với tôi ở khách sạn rồi đưa tôi ra phi trường; tôi sẽ rời Toronto bằng chuyến bay 11 giờ sáng. Cuối bữa ăn sáng, Bảo lấy ra mấy số báo *Xxxx Việt* đã phát hành đưa cho tôi,

“Ông có tài viết hơn tôi. Ngày đi học, ông từng làm báo sinh viên; lúc đi dạy, ông viết *cua* (bài giảng) viết sách; và lúc đi làm, ông viết bài khảo cứu. Chúng tôi đơn độc và cần thêm những bàn tay góp lửa đấu tranh. Ông là bạn tôi, ông phải viết cho tờ báo.”

Trên đường về, trong thời gian chờ đợi ở phi trường và ngồi trên máy bay, tôi viết một bài ngắn gồm một số câu đố vui khoa học kèm theo lời phi lộ,

Nhân dịp ghé thăm Toronto vì công việc, tôi gặp lại bạn thân là Yyyy Bảo, chủ nhiệm báo Xxxx Việt. Hơn mười năm nay mới gặp lại nhau, vui mừng kể sao cho xiết. Sau những giờ phút hàn huyên tâm sự, Bảo đề nghị tôi viết bài cho Xxxx Việt. Trong lúc vui mừng tràn ngập, một phần vì nể bạn, tôi hứng chí nhận lời. . . .

Thôi thì một liều ba bảy cũng liều, đành đem mớ kiến thức học hỏi được trong mấy mươi năm qua để đọc giả Xxxx Việt mua vui chốc lát. . . .

Về đến nhà, tôi gửi ngay bài viết cho Bảo. Chàng vẽ hình cho câu đố vui, chạy vào số *Xxxx Việt* sớm nhất, và đặt tên và khai trương một mục mới: “Đố Vui Để Chọc” do *Ba Hoa* phụ trách. Có lẽ Bảo lấy ý từ chương trình truyền hình “Đố Vui Để Học” do trung tâm Học liệu bộ Quốc gia Giáo dục thực hiện và phát hành hàng tuần cuối thập niên 1960.

Thế là tôi bước vào nghiệp viết báo. Hãnh diện đóng góp vào tiếng nói người Việt chống Cộng ở hải ngoại. Cho đến mười năm sau, khi *Xxxx Việt* đình bản.

Nguyễn Ngọc Hoa

Ngày 24 tháng Tám, 2022

Người Đàn Bà Đáng Kính

Truyện ngắn của Nguyễn Ngọc Hoa

Trong những lần đi họp xa hàng tháng, tôi dùng thì giờ ngồi đợi ở phi trường và ngồi trên máy bay để viết bài cho mục “Đố Vui Để Chọc” của tạp chí *Xxxx Việt* ở Toronto, Gia Nã Đại, thay vì đọc sách hay làm việc sở như trước. Chỉ cần tập giấy ghi chép màu vàng, cây bút chì bấm, và cây bút tẩy (để xóa bút chì) là ngồi ở đâu tôi cũng có thể múa bút chuyện trò với độc giả. Mở đầu bài viết bằng một truyện ngắn với lời đối thoại vui nhộn để đưa tới đầu đề bài toán đố chính, tôi trình bày lời giải bài toán, các bài toán tương tự, và lịch sử vấn đề toán học liên hệ. Cuối bài, tôi viết thêm đôi ba câu “đố vui để cười” mà giải đáp sẽ đưa ra vào kỳ sau.

Tôi trở lại Toronto vào một buổi chiều mùa đông. Mùa này ngày ngắn, trời đã tối mịt mặc dù chỉ mới sáu giờ chiều khi tôi ra khỏi khu kiểm soát quan thuế và di trú ở phi trường. Bảo bạn tôi, người chủ trương tờ *Xxxx Việt*, đứng đón với nụ cười nghiêm trang cố hữu,

“Kỳ này ông sang nhằm tối thứ Sáu cuối tháng, anh em tổ chức họp mặt ăn uống và thảo luận công tác cần làm cho cộng đồng tỵ nạn. Nhờ đó ông sẽ gặp hầu hết mọi người.”

Lúc tôi và Bảo đến nhà Hiền, người phụ trách phần trị sự của tòa soạn, khoảng tám chín người đã tụ tập ngồi quanh chiếc bàn lớn trong phòng khách. Tôi đã gặp Hiền trước đây; chàng niềm nở kéo tay tôi tới giới thiệu,

“Nhà toán học *Ba Hoa* phụ trách mục ‘Đố Vui Để Chọc’ được độc giả mến chuộng nhờ tài diễn tả các bài toán khó điếc lỗ tai thành chuyện khôi hài ai cũng khoái.”

“Anh *Ba Hoa* ở đây, còn chị *Chích Chèo* ở đâu?” một người lên tiếng hỏi đùa.

“Ngoại trừ mục ‘Thư Đi Tin Lại’ của Phương Trâm, *Ba Hoa* là người nhận được nhiều thư ái mộ của nữ độc giả nhất. Bộ ngu hay sao mà vác cái *ro-móc* theo làm kỳ đà cản mũi?” Hiền trả lời, nhưng cốt để ghẹo tôi.

Người vừa hỏi là Luật đáng người nhỏ thó và trông nhỏ hơn tôi vài tuổi; Luật tiếp tục hỏi tới,

“Nghe danh không bằng mắt thấy tai nghe. Anh *Ba Hoa* cho tui nghe liền một câu đố vui được không?”

“Luật muốn nghe thật à?” tôi tủm tỉm cười, “VẬY các bạn có biết một chàng trẻ tuổi đẹp trai, hào hoa phong nhã, và ăn nói lịch sự ở Toronto gọi là gì không?”

“Gọi là gì?” Hiền cũng nóng lòng muốn biết.

“Là . . . du khách – như tôi đây, chứ gì nữa!” tôi trả lời, cố nín không cười.

Tôi nhìn quanh rồi hỏi Bảo,

“Sao không thấy Phương Trâm? Tôi thấy hình trên báo và mong gặp người thật.”

“Cô ấy tên thực là Hồng Thu, hôm nay bận việc không đến được. Hình trên báo là hình cô em của Hiền còn ở Việt nam để mà mắt mấy thằng Việt Cộng nằm vùng; chúng nó sẽ không biết Phương Trâm là ai mà theo quấy rầy phá thối,” Bảo nghiêm nghị giải thích.

“Đương sự không có mặt thì tôi xăm mình kể cái giai thoại học tiếng Pháp thời trung học: Tôi hay khuyên đùa các cô tên Phương Thanh, Phương Thảo, hay Phương Trâm không nên viết tắt tên mình.”

“Ông *Ba Hoa* thật nhiều sự, sao thế?” Bảo có vẻ bực mình, nhưng tò mò.

“Vì viết tắt thành ‘PT,’ đọc là ‘pê tê,’ là chữ ‘péter’ tiếng Pháp nghĩa là đánh rắm. Dùng chữ này để tự xưng thì còn đâu cái duyên dáng mỹ miều của phái nữ?”

Bảo cho biết Luật viết truyện ngắn rất dí dỏm, làm thơ tếu có hạng, có khiếu tiểu xảo, và giúp Bảo đắc lực trong các hoạt động chống Cộng của cộng đồng. Luật ở chung nhà với nữ văn sĩ Thảo Quỳnh mới nổi tiếng nhờ có bài đăng thường xuyên trên *Xxxx Việt*. Tên thực là Quỳnh, chị làm nghề trang điểm cho cô dâu, phụ nữ đi dạ hội, v.v. rất phát đạt. Cuối buổi họp mặt, Luật nói với tôi và Bảo,

“Chẳng mấy khi anh sang đây, chị Quỳnh mời anh và anh Bảo đến nhà ăn cơm cho chị được đãi khách quý từ bên Mỹ qua.”

* * *

Hôm sau tôi đi theo Bảo khi chàng chạy quanh lo ấn hành số báo tới. *Ăn cơm nhà vác ngà voi* làm báo chống Cộng, tiền bạc không có, và trăm bề thiếu thốn, nhóm *Xxxx Việt* phải khắc phục khó khăn và chia nhau làm hàng chục công tác lớn nhỏ để biến những bản thảo viết tay như bài viết của tôi thành cuốn báo 128 trang trang nhã. Bảo ghé lại nhà Hồng Thu để đưa thư đọc giả cho “cô Phương Trâm” viết trả lời. Người thiếu phụ trạc ba mươi tuổi có mái tóc dài ngang vai, vẻ đẹp hiền hậu, và đôi mắt buồn sống với bà mẹ và hai đứa con trai, đứa lớn mười tuổi và đứa nhỏ lên tám. Nàng người Nha Trang, thành phố dừa xanh cát trắng hiền hòa tôi từng xem là quê nhà thứ hai,

“Từ bé đến trưởng thành, em sống với gia đình ở Nha Trang. Tiểu học và trung học đều học trường đạo, và năm 1972 bắt đầu học Đại học Duyên hải. Đến tháng Ba năm 1975 mới dọn vào Sài Gòn ở khu Ngã Bảy đường Lý Thái Tổ.”

“Hà hà, học khóa đầu tiên của Đại học Duyên hải thì Thu cũng là . . . *giáo gian* như anh. Lúc đó, trường chỉ có các lớp sư phạm: lý hóa-vạn vật, Anh văn, và Pháp văn. Em học ngành nào?” tôi reo lên.

“Em học ban Anh văn, tốt nghiệp mùa hè năm 1974 trong số 139 người, và đậu cao nên được về dạy đệ nhất cấp ở trường Huyền Trân là trường Nữ trung học Nha Trang mới đổi tên. Nhà em ở góc đường Phước Hải và Lạc Long Quân gần nhà thờ Núi, tức là nhà thờ chính tòa; anh là dân Nha Trang chắc chẳng lạ lòng *chi*,” với giọng Nha Trang nhỏ nhẹ êm tai, nàng đã xem tôi là người đồng hương.

“Hồi đó nhà anh ở ngoài cầu Xóm Bống và nằm giữa tháp Bà và hòn Chồng ở Đồng Đế,” tôi nhớ về Nha Trang và quay sang Bảo giải thích về Đại học Duyên hải; ngày trưởng thành lập thì chàng đã đi Nhật du học.

Đầu thập niên 1970, trong khi cuộc hòa đàm diễn ra ở Paris, Việt Cộng xăm xăm xua lính ngoài Bắc vào Nam đánh giết và thí mạng thì chính phủ Việt nam Cộng hòa (“VNCH”) ráo riết thực hiện kế hoạch kinh tế hậu chiến để tái thiết quốc gia khi hòa bình được tái lập. Trong kế hoạch đó, một nhu cầu thiết yếu là huấn nghệ cho quân nhân thành những chuyên viên trung cấp mọi

ngành khi họ giải ngũ trở về đời sống dân sự. Do đó, chính phủ VNCH thành lập các trường đại học cộng đồng với sự tham gia đóng góp, xây dựng, và quản trị của địa phương: Đại học Tiền giang ở Mỹ Tho đặt trọng tâm vào nông nghiệp (1971), Đại học Duyên hải ở Nha Trang hướng về nông ngư nghiệp (1972), Đại học Quảng Đà ở Đà Nẵng (1974), và Đại học Long Hồ ở Vĩnh Long (1975, chưa hoạt động).

Công việc Bảo vừa tạm xong thì vừa đến giờ hẹn với chị Quỳnh. Chị cao lớn, hơi đầy đà, và cao hơn “chú Luật” nửa cái đầu. Tôi không thể đoán chừng chị bao nhiêu tuổi vì từ mái tóc đến bộ mặt, chị dùng quá nhiều mỹ phẩm để trang điểm. Hai cô con gái khoảng mười tám, mười chín tuổi của chị ra chào tôi và Bảo rồi rút lên gác. Chúng tôi ăn tối trong phòng khách, và các món ăn Bắc sửa soạn công phu, nhưng tôi không thấy ngon miệng. Dáng điệu và ngôn ngữ của chị Quỳnh quá kiêu cách, Luật mất tự nhiên và không còn đùa tếu như hôm qua, Bảo trở nên dè dặt ít nói, và tôi chỉ mong ăn xong rồi về nhà Bảo. Trên đường về, tôi cười nhẹ với Bảo,

“Tôi thấy chị Quỳnh đánh phấn mặt dày hơn cả *geisha* Nhật Bản, chắc phải dùng bay thợ hồ trét lên?”

“Người ngoài chưa ai thấy mặt thật của chị ấy. Nếu ai đến nhà sáng sớm, chị chưa kịp trang điểm thì không bao giờ mở cửa. Có lần một người bạn thân vào nhà bất thành linh, chị trở tay không kịp bèn chui cửa sổ ra trốn bên hông nhà,” Bảo không biết tôi hỏi đùa.

Về lại North Dakota, theo nghi thức xã giao thông thường của người Mỹ, tôi viết gửi chị Quỳnh tấm thiệp *Thank You* nhỏ để “cám ơn chị đã đãi một bữa ăn ngon và cho một buổi tối tuyệt vời.” Một tuần sau, vào hai giờ sáng (ba giờ sáng ở Toronto), chuông điện thoại đánh thức tôi dậy. Tưởng là cú gọi khẩn cấp, tôi nhồm dậy nhắc ống nói. Nghe tiếng xôn xao ở đầu dây bên kia, tôi nhận ra tiếng của Luật,

“Luật hả, có chuyện gì quan trọng không mà gọi vào giờ này?”

“Xin lỗi anh, gọi nhầm số,” Luật bối rối trả lời rồi gác máy.

Không thể nào gọi nhầm số. Khi gọi tôi, trước hết Luật quay số “1” (để gọi viễn liên) rồi *area code* “701” của North Dakota (*area code* của Toronto là “416”) và sau đó mới đến số “123-4567” của tôi. Nếu gọi nội trong vùng đô thị Toronto, chỉ cần quay bảy con số chính. Sau đó ít lâu, tôi không còn thấy bài của Luật và truyện ngắn của Thảo Quỳnh xuất hiện trên báo.

Hai năm sau, trong một chuyến viếng thăm Toronto khác, tôi tháp tùng Hiền lên phố Tàu Toronto *xem dân cho biết sự tình*. Mỗi ngày ngoài giờ làm việc, Hiền mang bên vai chiếc túi vải lớn mà anh em gọi là “bị Cái bang” đựng vài chục số báo vừa phát hành để phân phát cho các tiệm đăng quảng cáo và đồng thời thu tiền quảng cáo và lấy quảng cáo mới. Tôi vui miệng kể cho chàng nghe vụ Luật gọi nhầm số giữa đêm khuya. Hiền nói ngay,

“Thằng Luật *nhỏ hột tiêu* cái gì cũng biết, không kêu lộn đâu. *Chả* ghen với anh đó.”

“Tôi có làm gì đâu mà nó ghen?” tôi giật mình ngạc nhiên.

“*Chả* nhỏ người mà sung sức, đêm đêm cong lưng phục vụ cho bà Quỳnh *đô con* phốp pháp. Được *cơm no bò cưỡi* sướng quá nên *chả* nơm nớp sợ người khác rình mắt cái mỏ chì. Anh biết không, bao nhiêu truyện ngắn Thảo Quỳnh từ trước đến giờ đều do *chả* tặng công viết và ký tên *bả* gửi đăng báo. *Bả* giỏi tài dùng bút chì kẻ lông mày chớ có biết viết lách gì đâu.”

Điều Hiền nói khiến tôi tò mò thêm,

“Thằng Luật không có vợ con gì cả hay sao?”

“Vợ con *chả* sờ sờ ra đó; vợ thì đẹp gái, và hai đứa con trai khôn ngoan lễ phép. Cô Thu nhà mình *chớ* ai!”

“Sao mà đến nỗi đó?” tôi la lên, nhớ lại đôi mắt buồn của Hồng Thu.

“Năm 1974, *chả* là quân nhân Hải quân, *cổ* là cô giáo vừa tốt nghiệp Đại học Duyên hải, và họ gặp nhau yêu nhau rồi lấy nhau. Năm 1979, hai người đã có hai đứa con khi *chả* đi vượt biên một mình qua Gia Nã Đại. Sau khi thành ngoại kiều thường trú, *chả* làm giấy tờ bảo lãnh vợ con và bà má vợ. Rồi không biết ma đưa đường quỷ đưa lối làm sao mà rớt vô tay mục *Võ Tắc Thiên* dâm dăng!”

Tôi lại có thêm câu hỏi khác,

“Vậy chồng bà Quỳnh đâu?”

“Ông chồng là sĩ quan Việt nam Cộng hòa, năm 1975 đưa vợ con di tản sang Gia Nã Đại. *Bả* rêu rao *ổng* bỏ bê gia đình theo vợ nhỏ, nhưng người biết chuyện nói ngày trước *ổng* đi đánh giặc bị thương thành ra yếu sinh lý, không đủ sức cung phụng cho bà vợ đến tuổi hồi xuân, và bị *bả* kiếm cớ đuổi ra khỏi nhà.”

“Không trách *chi* thằng Luật sa vào bẫy,” tôi thở dài.

“Ngày cô Thu đưa hai đứa con và bà má đến Toronto, cơ quan xã hội chưa kịp tìm nhà ở nên thằng Luật đành bấm bụng đưa *cổ* về nhà *chả* và cũng là nhà bà Quỳnh ở tạm. Bốn người ngủ trong phòng của một cô con gái *bả*, và – anh tin được không – *chả* ngang nhiên ôm *bả* nằm ngủ phây phây trong căn phòng ngủ chính. Bà má và mẹ con *cổ* cắn răng chịu đựng đến khi có nhà chính phủ để dọn đi. Từ đó *chả* từ luôn vợ con, không thèm đoái hoài đoái quở.”

Tôi lắc đầu chưa thể tin lời Hiền,

“Bây giờ đôi uyên ương đũa lệch đó ra sao?”

“Để hội đủ điều kiện nhận trợ cấp của chính phủ, cô Thu phải kiện thằng Luật ra tòa, nêu địa chỉ cư ngụ, và đòi hỏi *chả* cấp dưỡng cho con. Vợ *tui* thương mẹ con *cổ* nên hăng hái ra tòa làm chứng. *Chả* bị động ổ liền tức tốc dọn ra khỏi nhà bà Quỳnh. Bị mất *Lao Ái* đồ nghề bự *tổ nái*, *bả* nổi tam bành gọi điện thoại vợ *tui* một trận *tơi bời hoa lá* rồi bỏ Toronto qua Mỹ ở. Riêng *chả* thì trốn chui trốn nhủi đâu đó trong vùng Toronto này,” Hiền cười không ra tiếng.

Tôi rời Toronto mà trong lòng ghi thêm một *người đàn bà đáng kính* – Hồng Thu. Sống chật vật về vật chất, gặp tình đời đen bạc, nàng vẫn ngẩng đầu lên cao, giữ vững tinh thần đấu tranh, và phản ảnh ý chí chống Cộng của *Xxxx Việt* qua lời lẽ dịu dàng mà quả quyết khi trả lời thư độc giả. Cám ơn “cô Phương Trâm.”

Nguyễn Ngọc Hoa

Ngày 7 tháng Chín, 2022

Người Đàn Bà Sau Cửa Sổ

Truyện ngắn của Nguyễn Ngọc Hoa

Trong màn đêm, chiếc xe chở bốn người lướt nhanh ra khỏi trung tâm thành phố Toronto và theo xa lộ Queen Elizabeth Way (QEW) chạy về hướng nam. QEW là con xa lộ dài khoảng 140 cây số nối Toronto với bán đảo Niagara giáp giới Hoa Kỳ và mang tên Hoàng hậu Elizabeth vợ Vua George đệ Lục; bà là mẹ của Nữ hoàng Elizabeth đệ Nhị (1926 – 2022). Trên bầu trời tối đen lác đác mấy vì sao lấp lánh, và mặt trăng tròn e thẹn ẩn mình sau đám mây mỏng. Các tia đèn pha thừa thớt của dăm ba chiếc xe chạy ngược chiều ở phía xa lộ bên kia và ánh đèn thấp thoáng từ những thị trấn xa xa không đủ soi sáng cảnh vật hai bên đường.

Ở băng trước, Ngôn vừa lái xe vừa chuyện trò ríu rít với cô bạn gái Bách Thu ngồi bên cạnh. Đôi bạn sinh viên trẻ người Huế nhiệt thành ủng hộ tạp chí *Xxxx Việt* chống Cộng, hăm mộ người chủ trương tờ báo là Bảo bạn tôi, và tình nguyện thay Bảo đưa tôi đi đó đây trong thời gian tôi sang thăm Toronto vì Bảo bận rộn lo việc in số *Xxxx Việt* tới cho kịp ngày phát hành. Tôi ngồi băng sau với anh Tấn anh họ của Bách Thu, anh là giáo sư vật lý ở Đại học Alabama tại Tuscaloosa thuộc tiểu bang Alabama, Hoa Kỳ. Nhân sang Toronto dự hội nghị khoa học quốc tế tổ chức tại Đại học Toronto, anh được Bách Thu rủ tới dự buổi họp mặt hàng tháng của nhóm *Xxxx Việt*. Hóa ra anh Tấn là người quen của tôi; vừa được giới thiệu, anh chỉ mặt tôi cười khà, “*Tau* nghe tiếng nhà toán học *Ba Hoa* phụ trách mục ‘Đố Vui Để Chọc’ mấy bữa *ni* mà không ngờ *hắn* là *thằng Bé hoang như giặc Bá Vương* thời xưa thời xưa. Mới đó mà đã một phần tư thế kỷ!” “Thằng Bé” là tên ở nhà của tôi hồi đó.

“Ngày tôi học lớp nhất (lớp 5), anh hay đến nhà tôi chơi với anh Quang. Anh nổi tiếng khắp xứ Huế về tài *học gạo* và *học băng*, ai cũng phục lẫn,” tôi mừng rỡ bắt tay anh; “*học gạo*” là học chăm chỉ hết mức, và “*học băng*” là học nhảy lớp.

“Năm 1970, trước khi đi Mỹ du học, *tau* nghe tin *thằng Quang* hy sinh đền nợ nước, nhưng không thể lên Ban Mê Thuật đưa đám nên chỉ nhớ *hắn* trong lòng. Bữa *ni* may gặp *mi* ở xứ Gia Nã Đại đất lạnh tình nồng.”

Anh Tấn người làng Vân Cù, tục gọi là làng Bún vì dân làng chuyên nghề làm bún, thuộc quận Hương Trà và cách Huế khoảng 10 cây số về phía tây bắc. Làng không có trường học, gia đình anh thuê một ông thầy thi rớt Tiểu học, nuôi ăn ở, và dùng nhà thờ họ làm lớp học dạy trẻ con trong họ. Nhờ đó anh học nhì nhằng, làm được toán đố dễ, và viết được các bài chính tả ngắn. Khoảng năm 1957, anh lên Huế theo học thầy Trình. Thầy dạy học trò tiểu học tại gia, các lớp lớn nhỏ đều ngồi lúc nhúc trong một gian nhà rộng. Anh Tấn xin học để thi Tiểu học, và sau khi hỏi sức học của anh, thầy quyết định,

“Thôi chằng cần học lớp ba (lớp 3) và lớp nhì (lớp 4) làm *chi*. Cho vô lớp *nhứt* (lớp 5) với đám ‘Chợ Xếp’ ngồi dãy bàn cuối, cuối năm đi thi *Primaire* (bằng Tiểu học) luôn.”

Học lớp nhất thì oai lắm, nhưng anh Tấn phải học *chết bỏ* mới đủ sức theo kịp bài vở. Cuối năm, anh đậu Tiểu học rồi sửa soạn thi vào đệ thất (lớp 6) trường Hàm Nghi. Không may, anh

chưa đủ sức tranh đua với học sinh giỏi nên không đậu và sẽ phải đi học trường tư. Hết lớp cho anh học, nhưng thầy khuyên,

“Đừng học đệ thất, *bằng* lên đệ lục (lớp 7) luôn.”

Vậy là anh Tấn vào trường Bình Minh ở chân cầu Thanh Long gần nhà tôi học đệ lục, học cùng lớp với anh Quang (cũng thi vào trường công rớt và *bằng* đệ thất), và thường đến nhà chơi với anh em tôi. Anh Tấn học hết năm đệ lục, thầy Trình lại cố vấn,

“Con sáng dạ và học được. Năm tới *bằng* đệ ngũ (lớp 8) học đệ tứ (lớp 9) để thi *Diplôme* (bằng Trung học Đệ nhất cấp) luôn.”

Anh Tấn nghe lời chuyển sang học đệ tứ trường Nguyễn Du gần cầu Đông Ba và thi đậu Trung học Đệ nhất cấp. Thừa thắng xông lên, anh chuyển sang trường Bán Công gần ty Bưu điện Huế *bằng* đệ tam (lớp 10) học đệ nhị (lớp 11) và thi đậu Tú tài I. Cuối cùng, anh được nhận vào trường công là trường Quốc Học học đệ nhất (lớp 12) và cuối năm thi đậu Tú tài II. Nếu không kể thời gian học không tính lớp ngoài làng Bún, anh rút ngắn 12 năm tiểu và trung học còn vồn vẹn có năm năm. Anh vào Sài Gòn học Đại học Khoa học, tốt nghiệp cao học vật lý, được học bổng đi Hoa Kỳ lấy bằng Tiến sĩ, và ở lại dạy Đại học Alabama từ trước năm 1975.

Chúng tôi đang ngồi trên xe đi xuống thác Niagara, một chuyến đi chơi thác ban đêm hoàn toàn ngẫu hứng. Hồi tối, khi buổi họp mặt của nhóm *Xxxx Việt* gần tàn, tôi tình cờ đề cập tới bản tin khí tượng nghe thấy trên *ti-vi* hồi sáng: Đêm nay trăng tròn, và nửa đêm từ vùng thác Niagara, sẽ thấy mặt trăng tròn vo – tròn 100 phần trăm. Ngôn hùng chí đưa tay nhìn đồng hồ rồi rủ tôi,

“Đêm rằm trăng sáng, sao mình không xuống thác Niagara ngắm trăng một phen?”

“Đi thì đi, sợ gì? Nhưng chú nhớ sáng mai anh phải về Mỹ và sẽ nhờ chú làm tài xế đưa ra phi trường, máy bay cất cánh khoảng 11 giờ,” tôi hớn hở reo lên.

“Từ đây xuống thác Niagara đi không tới hai tiếng đồng hồ. Lúc về, anh còn dư thì giờ để *chi* cho tụi em ăn sáng trước khi từ giã *Tổ Lũn Tổ*,” Ngôn cười ngòn ngoئن; “*Tổ Lũn Tổ*” là tiếng Quảng Đông gọi Toronto, đọc theo theo âm Hán Việt là Đa Luân Đa.

“*Tau* đi chơi thác với *mi* cho vui và cũng có chuyện để xuống chỗ *nó*,” anh Tấn vỗ vai tôi.



* * *

Chỉ mới hơn bốn giờ mà trời đã tờ mờ sáng. Mặt trời bắt đầu lộ dạng ở phương đông. Ráng hồng ửng đỏ phía chân trời hứa hẹn một ngày nắng đẹp. Một ngày mới xuất hiện, mang lại sinh khí cho hoa lá cỏ cây. Đi thăm thác Niagara đêm trăng rằm, bốn người chúng tôi bừng tỉnh lại sau gần một đêm không ngủ. Ngôn tỉnh như sáo sậu, hướng dẫn cả bọn ra xe,

“Chúng mình lên đường về Toronto. Quý vị nào thấy buồn ngủ thì tự nhiên *inh* xuống làm một giấc cho khỏe người.”

“*inh*” là tiếng Huế nói với con nít có nghĩa là nằm. Nhưng không ai muốn *inh*, chúng tôi còn tiếc nuối trầm trồ nhắc lại cảnh trăng rằm trên đầu thác đẹp như mơ. Xe chạy qua thành phố Niagara Falls, mặt đường ướt ươn ướt vì sương đêm. Tôi thấy bảng hiệu của một quán ăn bên đường và cười khan,

“Lãng mạn chưa: quán ‘Love Boat’ – *thuyền tình cặp bến nơi nao!* Thác Niagara là địa điểm lý tưởng để những đôi vợ chồng mới cưới hưởng tuần trăng mật có khác.”

“Và cũng là nơi để mấy tay to gan lớn mật trở tài liều mạng cho thiên hạ lé mắt chơi. Có nhiều người đi trên dây căng ngang qua thác hay ngồi trong thùng tô-nô thả rớt hơn 50 thước từ ngọn thác xuống hạ lưu. Thật là khủng!” Ngôn nói thêm.

“Chú Ngôn nói ai khủng, những cặp vợ chồng mới cưới hay những tay đi dây và ngồi thùng tô-nô?” anh Tấn cười nụ xen vào, “À, trên đường về ta ghé lại St. Catherines có tiện không?”

St. Catherines là thành phố lớn nhất vùng Niagara, nằm dọc theo sông Niagara, và cách Toronto khoảng 50 cây số về phía nam. Tôi cười khi trêu anh Tấn,

“Tôi là dân *điên nặng* (điện) ưa *mát dây* ầu, nhưng bây giờ biết thêm dân vật lý như anh còn *bốc đồng* hơn. Thời buổi này làm *chi* có chuyện người yêu trong mộng chong đèn khuya, thức đến năm giờ sáng, và đợi chàng tới thăm mà không báo trước?”

“*Tau* nói muốn ghé lại St. Catharines chớ có định thăm ai *mô*. Ba mặt sáu tai, ai nấy đều nghe rõ, phải không *hè?*” anh Tấn cười xòa nói với lên đằng trước, “Mình đang đi trên xa lộ QEW, chú Ngôn xem ra *exit 44*, theo đường Niagara, và rẽ sang đường Queenston giùm anh.”

Xe dừng lại xéo bên kia đường với một căn nhà màu trắng có thảm cỏ rộng phía trước; đèn trong nhà bật sáng từ lúc nào. Anh Tấn mở cửa bước xuống, cố trấn tĩnh, và ngoái lại,

“Chú Ngôn cho anh mười phút. Chạy một vòng rồi quay lại đón, hay chờ ở đây cũng được.”

Ngôn lặng im không đáp, vẫn để máy xe nổ, và bật sang đèn mắt mèo. Anh Tấn chậm rãi đi về phía căn nhà màu trắng. Lạ thay, khi tới trước nhà, anh chỉ ngừng lại một phút, nhìn vào trong, và tiếp tục rảo bước trên vỉa hè. Trong nhà, một bóng đàn bà xuất hiện sau lớp màn cửa sổ, dáng người đứng bất động. Anh Tấn trở lại, khuôn mặt nhợt nhạt nhưng tươi tỉnh,

“Thôi mình đi! Cám ơn cô Bách Thu và hai chú đã chờ ông anh già bất kham *ni*. Để bù lại, trên đường về anh sẽ kể ngọn ngành cho nghe.”

Đối với lớp người tuổi trẻ hai mươi năm trước thì đây là một chuyện tình cổ điển. Lãng mạn và mộng mơ như “*nắng Sài Gòn anh đi mà chợt mát*” trong thơ Nguyên Sa. Nhưng cũng đơn sơ và đằm thắm như mấm cà rau muống. Tấn và Huyền Nga cùng học Đại học Khoa học Sài Gòn. Đôi bạn quen thân từ thuở bé, từ làng Bún lên Huế rồi vào Sài Gòn, và mối tình trưởng thành trong sự thương yêu gắn bó của hai gia đình. Ngoài giờ học họ đi đâu cũng có nhau và lựa ý chiều chuộng nhau trong mỗi cử chỉ, từng câu nói. Bạn bè đã quen mắt với cảnh chàng và nàng ngồi học bài với nhau dưới gốc cây trong sân trường đại học. Chỉ cần nhìn hai người, ta có thể tưởng

tượng ra cuộc sống lứa đôi đầm ấm và hạnh phúc của họ trong tương lai. Chàng có tiếng chăm học ở ban Vật lý, và nàng là sinh viên xuất sắc bên ban Toán. Các giáo sư nức nở ngợi khen nàng là một nhà toán học có nhiều triển vọng. Nhưng nàng không xem đó là điều quan trọng và nói với người yêu,

“Em đi học để sau này dạy con, cho anh rảnh tay lo việc lớn.”

Vài năm trước gia đình nàng đã di chuyển về Vĩnh Long, nàng vẫn trọ học ở Sài Gòn và thỉnh thoảng về thăm nhà. Tình hình chiến sự mỗi ngày một sôi động, và Quốc lộ 4 nối Sài Gòn với các tỉnh miền Tây, nhất là chặng Mỹ Tho - Vĩnh Long, hàng ngày bị đặt mìn và đắp mô. Cuối kỳ nghỉ hè năm đó, chiếc xe đò đưa nàng trở lại Sài Gòn cán phải mìn và nổ tung. Nàng may mắn thoát khỏi tay tử thần nhưng trọn cánh tay phải bị nát ngườu, phải cưa bỏ gần đến vai. Những ngày nằm trong bệnh viện Đồn Đất là quãng đời đau thương nhất của người con gái tài hoa. Chàng vẫn say sưa bàn chuyện hôn nhân,

“Ba mẹ muốn mình làm đám cưới sau khi sức khỏe em phục hồi. Có sớm hơn chương trình mình dự tính, nhưng không những để ba mẹ vui lòng mà anh còn muốn sống bên em sớm ngày mô hay ngày nớ.”

Nàng không đáp và gắng gượng làm mặt vui. Ngày rời bệnh viện, nàng thông báo một quyết định bất ngờ: Nàng sẽ sang Tây Đức giải phẫu chỉnh hình rồi tiếp tục việc học bên đó. Nàng nghẹn ngào trong nước mắt,

“Quên em đi anh. Tấm thân tật nguyền này không xứng đáng để anh hy sinh cả một tương lai xán lạn.”

Ngày nàng rời bệnh viện là lần cuối cùng hai người gặp nhau. Chàng đến nhà nàng xin gặp, nhưng người nhà cương quyết chối từ. Ngay cả ngày giờ nàng lên đường xuất ngoại, chàng cũng không được cho biết. Nàng biến mất hẳn khỏi cuộc đời chàng. Cho đến hai mươi năm sau, đôi bạn xưa vui mừng gặp lại nhau trong hội nghị khoa học vừa qua. Nàng và chồng, một khoa học gia người Đức, đều là giáo sư viện Đại học Toronto và đồng tác giả một công trình khảo cứu trình bày tại hội nghị. Nàng vẫn tha thiết và dịu hiền như ngày nào,

“Suốt hai mươi năm qua, lúc nào em cũng nghĩ đến anh và hằng mong Trời Phật phù hộ cho anh được hạnh phúc bên chị và các cháu.”

Chàng lặng người rưng rưng nước mắt nói thầm, “Cám ơn em đã vì anh mà hy sinh. Nhưng anh vẫn sống một mình, đợi chờ người yêu muôn thuở. Anh hằng tin, tình đôi ta chân thành, Trời Phật sẽ đưa em trở về với anh.” Nghĩ thế nhưng không nói ra, chàng nuốt nước bọt và cố nhoẻn miệng cười,

“Các cháu sẽ hãnh diện khi biết anh từng là bạn thân của một nhà khoa học tầm tiếng.”

Tôi đoán ra *người đàn bà sau cửa sổ* là chị Huyền Nga và hiểu thấm thía câu nói của nhà triết học, toán học, khoa học, và ngoại giao người Đức Gottfried Wilhelm Leibniz (1646 – 1716),

Yêu chính là tìm hạnh phúc của mình trong hạnh phúc của kẻ khác.

Nguyễn Ngọc Hoa

Ngày 28 tháng Chín, 2022

Ai Dè Xe Nghiêng

Truyện ngắn của Nguyễn Ngọc Hoa

Sau khi ăn tối với mấy người bạn Mỹ cùng tham dự hội nghị kỹ thuật điện, tôi trở về phòng khách sạn. Vừa mở cửa bước vào, tôi giật mình đứng khựng lại. Quái lạ, sao có tiếng đàn ông trong phòng? Tôi đánh liều bật đèn lên: Giọng nói của người giới thiệu chương trình cùng với tiếng nhạc êm dịu phát ra từ chiếc *ti-vi có ra-đi-ô FM* ở cuối phòng. Tôi cười thầm về cái tính hay quên bất chợt của mình khi thấy tấm khăn trải giường phẳng phiu đã được lật lên một bên, để lộ hai chiếc gối trắng phau mờ mịt. Hai mẫu kẹo *sô-cô-la* bạc hà màu xanh nằm ngay ngắn trên mặt gối. Đó là thói tục chúc khách ngủ ngon của khách sạn: Buổi tối, nhân viên đi từng phòng, lật sẵn khăn trải giường, đưa kẹo bạc hà (ngậm trước khi đi ngủ), và mở nhạc lên cho khách.

Tôi chợt thấy bóng đèn nhỏ màu đỏ gắn vào chiếc điện thoại đặt trên bàn ngủ cạnh đầu giường chớp liên tục, báo hiệu có người gọi tới mà không ai trả lời nên để lại lời nhắn tin. Tôi nhấc điện thoại, quay số “không” (*zero*) gọi quầy tiếp khách khách sạn,

“Đây là *Ba Hoa* ở phòng số 1234. Cô có tin nhắn cho tôi?”

“Vâng, bà nhà gọi ông cách đây khoảng nửa tiếng đồng hồ và nhắn ông gọi về nhà.”

Không biết ở nhà có chuyện gì mà Quỳnh Châu lại gọi sớm cho tôi, thay vì đợi tôi gọi về trước khi đi ngủ như thường lệ của mỗi đêm đi công tác xa. Nàng cười hớn hở ở đầu dây bên kia, “Số ông *dông* có sao Thiên mã, Thiên di chiếu mạng nên cặp chân đi như chim bay chuột chạy. Vậy mà em đâu có biết!”

“Cô vợ dễ thương không chi tiền điện thoại viễn liên để bàn về tử vi lý số *chớ*? Em đào đâu ra cái màn sao hạn lằng nhằng đó vậy?” tôi không còn lo lắng.

“Anh Bảo bên Toronto nói cho em biết chứ ai,” tôi nghe nàng cười giòn trong điện thoại, “*Ảnh* gọi để nhờ anh một chuyện.”

Bảo bạn tôi chủ trương tờ *Xxxx Việt*, một tạp chí đấu tranh tại Toronto. Tôi nóng lòng hỏi,

“Bảo *ăn cơm nhà vác ngà voi*, ngày đi làm kiếm sống, đêm và cuối tuần làm báo chống Cộng. Có chuyện gì quan trọng mà phải tốn tiền điện thoại viễn liên quốc tế gọi anh?”

“*Ảnh* vừa được tin báo *Nhân dân* ở Hà nội và bọn Người Việt Đoàn kết tay sai Việt Cộng ở Gia Nã Đại khoe rùm beng việc Hà nội đề nghị UNESCO tôn vinh Hồ Chí Minh là vĩ nhân thế giới.” UNESCO là Tổ chức Giáo dục, Khoa học, và Văn hóa Liên hiệp quốc có trụ sở chính đặt tại Paris và văn phòng hay trung tâm trực thuộc ở nhiều quốc gia trên thế giới.

“Ông Hồ là kẻ đại gian đại ác tội nặng nhất trong lịch sử Việt nam, mà bây giờ phong lên làm vĩ nhân của hoàn cầu sao?” tôi hốt hoảng la lên.

“Anh Bảo biết chỒNG đi họp ở Palo Alto ở bắc California. Ngày mốt, sau khi chỒNG họp xong, một số nhân sĩ và học giả họp lại để bàn thảo cách chống lại đề nghị đó ở San Jose, chỉ cách chỒNG có 20 dặm Anh. *Ảnh* muốn cử chỒNG đại diện *Xxxx Việt* đến tham dự,” trước khi tôi kịp nói, nàng chặn đầu, “Em nhận lời *ảnh* giùm chỒNG rồi. *Mụ* vợ này cấp giấy phép cho chỒNG ở

thêm vài ngày để dự buổi họp và chơi với bạn, miễn là không được khen cô nào dễ thương bằng vợ là được.

Chỉ có trên dưới mười người hiện diện trong buổi họp San Jose. Một học giả lão thành giải thích cho tôi biết UNESCO có thông lệ tưởng niệm ngày sinh thứ 100, hay số chia chẵn cho 100, của nhân vật kiệt xuất của các nước hội viên, khi có lời đề nghị của các nước ấy. Ngày sinh chính thức của ông Hồ là 19 tháng Năm năm 1890. Vài ngày trước sinh nhật của ông năm nay (1987), Hà nội gửi văn thư tới Amadou Mahtar M'Bow tổng giám đốc UNESCO xin ghi vào chương trình nghị sự của Đại hội đồng (gồm đại diện tất cả các nước hội viên) khóa 24 nhóm họp vào tháng Mười Một đề nghị ghi tên ông Hồ vào danh sách danh nhân thế giới tưởng niệm ngày sinh nhật năm 1990.

Ông M'Bow người Senegal, một cựu thuộc địa Pháp ở Tây Phi mới độc lập năm 1958, được bầu làm tổng giám đốc UNESCO nhờ hậu thuẫn của các quốc gia mới thành lập ở Phi châu, và là người Phi châu da đen đầu tiên giữ chức vụ này. Dưới sự lãnh đạo của ông, UNESCO theo đuổi đường lối thân Cộng và đối kháng với Hoa kỳ và các nước tây phương, khiến Hoa kỳ và Anh lần lượt rút chân khỏi UNESCO năm 1984 và 1985.

Tâm trạng mọi người trong buổi họp San Jose vừa bi quan vừa bi thương. Chống lại đề nghị của Hà nội chẳng khác gì *châu chấu đá xe*. “Châu chấu” là tập thể kiêu bào người Việt rời rạc mà ai nấy đều phải vật lộn với cuộc sống cơm áo hàng ngày, tâm huyết có thừa, nhưng thấp cổ bé miệng và không có phương tiện hữu hiệu để truyền đạt nguyện vọng đến UNESCO. “Xe” là cả bộ máy chính quyền quốc gia của Hà nội với sự hỗ trợ của thế giới Cộng sản. Nhưng chúng tôi chỉ có độc nhất một lối đi: đoàn kết chặt chẽ, nhất định tiến tới, và cố gắng hết sức mình.

Đại hội đồng UNESCO thông qua quyết nghị tôn vinh ông Hồ là “anh hùng giải phóng dân tộc và danh nhân văn hóa Việt nam,” theo đó UNESCO sẽ trợ cấp ngân khoản để ấn hành tranh ảnh và sách báo nói về sự nghiệp giải phóng và văn hóa của ông và tổ chức lễ sinh nhật 100 năm tại trụ sở UNESCO Hà nội. UNESCO cũng sẽ tổ chức lễ kỷ niệm tại trụ sở Paris với sự tham dự của ban giám đốc UNESCO và đại diện chính phủ Pháp và thị xã Paris.

Ngay sau khi quyết nghị được phổ biến, cộng đồng người Việt tại Paris họp lại và thành lập Ủy ban Tố cáo Tội Ác Hồ Chí Minh (“UBTCTAHCN”) để yêu cầu hủy bỏ, hay ít nhất là vô hiệu hóa, quyết nghị ấy. Báo chí chống Cộng, như tờ *Xxxx Việt*, trên thế giới tích cực kêu gọi kiêu bào viết thư cho UNESCO phản đối danh nghĩa “nhà giải phóng dân tộc” của Hồ Chí Minh. Kết quả là hơn hai chục ngàn bức thư gửi đến vạch trần tội ác ông Hồ từ khi nắm chánh quyền ở miền Bắc: phong trào cải cách ruộng đất, vụ Nhân văn Giai phẩm, cuộc chiến tương tàn Bắc - Nam, vụ thảm sát Mậu Thân (1968) ở Huế, v.v., và tội ác của chế độ Cộng sản sau năm 1975 ở miền Nam: tập trung cải tạo, đánh tư sản mại bản, đổi tiền để ăn cướp, đày dân đi kinh tế mới, gây ra thảm nạn vượt biển, v.v.

UBTCTAHCN truy tìm tài liệu chứng minh mọi giai thoại thần thánh hóa ông Hồ do Hà nội đưa ra là hoàn toàn bịa đặt. Thí dụ, ông theo Cộng sản không phải vì lý tưởng cách mạng mà vì miếng cơm manh áo. Ngày còn nhỏ, ông theo học trường Quốc Học Huế đến lớp ba thì bị đuổi

học. Thử làm nghề dạy học tư một thời gian mà không đi tới đâu, ông làm đơn gửi vị toàn quyền người Pháp kể lể công lao của cha ông đối với triều đình Huế và cầu xin đặc ân cho vào học trường Hậu bổ Hà nội là trường đào tạo công chức người Việt cho bộ máy hành chính thuộc địa. Đơn không được cứu xét vì ông thiếu điều kiện học vấn. Ông Hồ tìm đường sang Pháp tha phương cầu thực bằng cách xin làm việc vặt trên một chiếc thương thuyền để được ăn uống và đi tàu miễn phí, và bị Cộng sản Pháp dụ dỗ và gửi sang Nga sơ huấn luyện.

Ngoài ra, UBCTAHCN tìm thấy trong những văn kiện do chính ông Hồ viết và khai báo có cả thấy năm ngày sinh khác nhau. Điều này cho thấy sự trí trá của Hà nội và giúp ủy ban thuyết phục UNESCO không chấp nhận ngày 19 tháng Năm là sinh nhật ông Hồ.

Để chứng minh thành tích văn hóa của ông Hồ, Hà nội đưa ra tác phẩm *Ngục Trung Nhật Ký* (Nhật ký trong tù) gồm 134 bài thơ Đường luật bằng chữ Hán và nói do ông sáng tác. Học giả Lê Hữu Mục, nguyên giáo sư Đại học Văn khoa và Đại học Sư phạm Sài gòn, liền viết cuốn *Hồ Chí Minh không phải là tác giả Ngục Trung Nhật Ký* chứng minh các bài thơ ấy không thể do ông Hồ viết. Ông là kẻ đạo văn.

Để thành tích ông Hồ *xôm tụ* hơn, Hà nội công bố Trần Dân Tiên, tác giả cuốn *Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch*, chính là ông Hồ. Đó là cuốn sách ca tụng và tôn sùng ông được Việt Cộng in tới in lui cho toàn dân học tập từ năm 1954. Ngoài hành vi quái gở của ông là giả danh người khác để viết sách tự tăng bốc mình lên tận chín tầng mây, mỗi trang *Những mẩu chuyện* đều chứa chuyện kể khoác lác và có khi rất vô lý. Thí dụ, ông vận dụng trí sáng tạo *phịa* ra một kiểu chống lạnh ly kỳ lúc sống ở Paris:

Về mùa đông lạnh, mỗi buổi sáng trước khi đi làm, ông để một viên gạch vào lò bếp của khách sạn. Chiều đến, ông lấy viên gạch ra, bọc nó vào trong những tờ báo cũ, để xuống nệm cho đỡ rét.

Viên gạch để vào bếp cả ngày có thể lên đến 400°C; giấy báo nào bọc nó mà không cháy, và khi để xuống nệm, làm sao nệm không cháy khét và thân hình không bị phỏng?

Trong *Những mẩu chuyện*, ông Hồ thuật lại chuyện đổi tên thành Nguyễn Ái Quốc để lén vào cảnh giới Hương Cảng thuộc địa Anh rồi bị cảnh sát bắt giam. Ông xuýt xoa, ở trong tù mà “*cả đời chưa bao giờ Nguyễn được ăn uống sung sướng như thế này.*” Ra tòa, ông được luật sư cãi thí Francis Henry Loseby bào chữa trắng án, nhưng bị yêu cầu rời khỏi Hương Cảng. Ông Loseby không chịu, kháng án lên tòa án của hoàng đế Anh ở Luân Đôn, và ông Hồ không bị trục xuất, *Ông Nguyễn may được có sự giúp đỡ của một luật sư Anh rất tốt, ông Lu-dơ-bai.*

Với vốn liếng tiếng Anh ba chóp ba nháng, ông Hồ phiên âm “Loseby” thành *Lu-dơ-bai*; lỗi lầm ấu trĩ này anh dũng đi vào sử sách miền Bắc. Năm 1990, Hà nội khánh thành viện Bảo tàng Hồ Chí Minh trong đó có khu triển lãm về quãng đời ông được ân nhân Loseby cứu giúp. Ông Loseby mất năm 1967 nên người con duy nhất của ông là cô Patricia Loseby đang làm luật sư cãi thí như cha ở Hương Cảng được mời sang tham dự. Người tây phương tối kỳ chuyện đọc sai tên họ người khác nên khi nhân viên viện bảo tàng xướng danh ông sai bét – *Lu-dơ-bai*, Patricia giận dữ phản đối,

“Tên (họ) cha tôi không phải đọc như thế. Phải nói cho đúng là *Lô-dờ-bi*.”

Lãnh đạo Việt Cộng không thể để lộ cho dân chúng biết *Bác Hồ* là kẻ dốt nát nên dờ trò bịp bợm sai một anh thợ sãi Anh văn lên “đài” giải thích với công chúng. Anh này *muối mặt* lý luận một cách ngu xuẩn,

“‘Loseby’ gồm hai chữ ‘lose’ (*lu-dơ*) là động từ nghĩa là mất hay không còn, và ‘by’ (*bai*) là giới từ nghĩa là gần hay cạnh. Ghép với nhau phải đọc là *Lu-dơ-bai*. Cô Patricia đọc *Lô-dờ-bi* là sai.”

* * *

Gió đổi chiều trước khi thập niên 1980 chấm dứt: Tổng giám đốc UNESCO mới là Federico Mayor Zaragoza người Tây Ba Nha đã thay đổi chính sách thân Cộng của vị tiền nhiệm. Thêm vào đó, quan điểm về Cộng sản của thế giới thay đổi hoàn toàn khi thấy số người Việt liêu chết vượt biên lên đến cả triệu người, chưa kể vô số thuyền nhân bỏ mình trên biển cả, và nhất là sự sụp đổ của chế độ Cộng sản ở Nga và các nước Đông Âu. UNESCO chấp nhận bằng chứng về tội ác và về sự bịp bợm của ông Hồ do kiều bào và UBTCTAHCN đệ trình. Trước ngày 19 tháng Năm năm 1990, UNESCO mời ủy ban đến và cho biết đã quyết định không thi hành quyết nghị và sẽ không thực hiện thủ tục tôn vinh, nhưng không hủy bỏ quyết nghị. Vì như thế sẽ phải đợi ba năm nữa, khi Đại hội đồng (năm năm họp một lần) tái nhóm, và thủ tục sẽ rất phiền toái.

Tiếp theo, UNESCO thông báo cho Hà nội biết là UNESCO sẽ không tài trợ việc tưởng niệm ngày sinh nhật thứ 100 của ông Hồ và sẽ không tổ chức hay tham dự lễ kỷ niệm đó tại trụ sở UNESCO ở Paris hay nơi nào khác. Nếu phía Hà nội muốn tự tổ chức thì phải thuê một cái phòng nhỏ của trụ sở UNESCO, nhưng không được xưng danh UNESCO, và thiệp mời phải ghi “mời tham dự văn nghệ” và không được in hình ông Hồ hay ghi “lễ sinh nhật Hồ Chí Minh và nhà văn hóa.”

Hà nội bị vỡ mặt. Ông Hồ đã không được UNESCO tôn vinh mà còn bị “bọn phản động” ở nước ngoài vạch mặt cho toàn thế giới biết là kẻ vô học gian dối và tên đồ tể khát máu hàng đầu trong lịch sử. Ấy gọi là,

*Nực cười châu chấu đá xe,
Tưởng rằng chấu ngã ai dè xe nghiêng.*

Nguyễn Ngọc Hoa

Ngày 12 tháng Mười, 2022

Người Đàn Ông Hai Mặt

Truyện ngắn của Nguyễn Ngọc Hoa

Một buổi chiều thứ Sáu gần cuối năm, cuối chuyến đi họp xa, tôi ngồi ở phi trường Denver thuộc tiểu bang Colorado bên ngoài tuyết phủ trắng xóa đợi chuyến bay về nhà. Nghe loa phóng thanh thông báo máy bay sẽ khởi hành trễ vì thời tiết xấu, tôi buồn bực đứng dậy kéo lê chiếc va-li nhỏ đi kiểm chỗ ăn tối cho qua thì giờ; va-li có bánh xe công chiếc cặp da đựng giấy tờ trên lưng. Tôi khựng lại khi thấy một thanh niên Á châu trông rất quen đi ngược chiều với tôi; chàng ta mở lời trước,

“Ê Ba Hoa phải không?”

“À thằng Thiện Đại học xá Minh Mạng! Có một thời học *Mách-giê-nê* với tao ở Đại học Khoa học Sài Gòn,” tôi nhận ra người bạn cũ; “*Mách-giê-nê*” là lối nói tắt “*Mathématiques générales*” tiếng Pháp là tên “chứng chỉ” (tức là lớp) Toán Đại cương, tức là năm thứ nhất ban Toán.

“Bạn ta trông còn sạch nước rửa, phong độ vững vàng không kém gì những ngày hoang dại xưa kia,” Thiện cười cười bắt tay tôi.

“Tiếc rằng tao không còn trẻ nít để thiên hạ cho ăn bánh phính, gửi đi tàu bay giấy tùy thích,” tôi cười khi đáp lại.

“Bạn ta sao khó *dzậy*? Thấy bộ mặt nửa người nửa ngợm lơ láo bơ phờ của nhà người, ta thương tình bơn cho tí thuốc nịnh cho đời bớt thảm. Vậy mà cứ chối đây đây là sao?”

Thiện đang làm việc cho một hãng thầu quốc phòng ở San Antonio thuộc tiểu bang Texas, đi công tác ở Denver, và cũng bị máy bay trễ. Hai thằng đưa nhau tới một tiệm ăn khá đông khách vừa ăn uống vừa nói chuyện năm xưa. Ngày đó, Thiện là sinh viên ban Toán Đại học Khoa học chính hiệu; tôi học trường kỹ sư và ghi danh học thêm *Mách-giê-nê*, tính học hai bên để lấy thêm bằng Cử nhân Toán. Nhưng dự định ấy yếu mệnh; tôi kể lại lần vào lớp *Mách-giê-nê* cuối cùng,

“Hôm ấy tao vào lớp toán của giáo sư Ngạc. Đến cho biết mặt thầy chứ bài vở thì đã học trước rồi. Tìm mãi mới có chỗ để xe đạp, tao vào lớp trễ vài phút, trong lúc mọi người vào giảng đường trước cả tiếng đồng hồ để giành chỗ tốt. Thầy nhìn tao với đôi mắt quạ quọ như muốn tao khúm núm tạ lỗi. Nhưng tao mắc nhìn quanh tìm chỗ, nhào tới chỗ trống duy nhất ở bàn đầu chỉ có một đứa con gái ngồi, và tình queo ngồi khoanh tay nhìn thầy.”

“Ông Ngạc ở bên Tây mới về, mới trên ba mươi tuổi mà bằng biếu đầy mình. Sau khi đậu cử nhân toán ở Việt nam, ông sang Paris du học, đậu ba bằng kỹ sư khác nhau – khí tượng, viễn thông, và đóng tàu, trình luận án tiến sĩ đệ tam cấp về địa vật lý, và trình luận án tiến sĩ quốc gia về toán. Cách giảng bài của ông cũng rất đặc biệt khiến anh em phục lẩn: tay trái bỏ túi quần, tay phải cầm phấn viết lia lịa trên bảng, và nói thao thao bất tuyệt mà không nhìn ghi chép hay sách vở gì cả.”

“Tao nghĩ thầy có ý *trộ* thiên hạ, đêm trước học thuộc lòng bài giảng rồi hôm sau vào lớp đi một màn trình diễn cho oai. Thế thôi, chú trí nhớ dù tốt đến đâu cũng có giới hạn. *Đi đêm có ngày gặp ma*, và ‘con ma’ lại là thằng tao. Khoảng nửa giờ sau, thầy đang vừa viết vừa giảng

ngon trớn thì tao giơ tay lên. Ngắt ngang bài giảng của giáo sư là điều tối kỵ, nhưng thầy cũng dừng lại và hất hàm nhìn tao. Tao tìm thấy chỗ sai trên bảng và vạch ra cho thầy thấy.”

Thiện cười hề hề,

“Tao nhớ ra rồi! Bạn ta vừa đi học trở lại vừa dở trò *phá rối trị an*. Nhưng làm sao mà chứng minh được ông ấy giảng sai?”

“Tao trình thầy chương sách trong cuốn *Mathématiques Générales* dày gần bảy trăm trang của Marc Zamanski viết chung với Charles Pisot và chỉ chỗ thầy giảng lộn. Zamanski là khoa trưởng Đại học Khoa học Paris-Sorbonne, và đó là cuốn sách gối đầu giường của dân *Mách-giê-nê* trong thế giới nói tiếng Pháp, thầy không thể không dùng nó. Thầy hỏi tên tao, ghi xuống đằng hoàng, và đuổi tao ra khỏi lớp.”

“Hô hô tấm bằng Cử nhân Toán của bạn ta đã sớm *tiêu tán đường!*” bạn tôi cười to hơn rồi kể thêm về vị giáo sư này.

Ngạc sinh năm 1932 tại Hà Nội và là con đầu lòng trong một gia đình có bốn anh em. Năm ông 15 tuổi, cha ông là bác sĩ bị Pháp bắt và bắn chết. Ông học trường trung học Chu văn An ở Hà nội và có tiếng học giỏi: Năm 18 tuổi thi đậu Tú tài II, năm 19 tuổi đậu *Mách-giê-nê*, và năm 20 tuổi đậu cả hai *chứng chỉ* Vật lý Đại cương và Cơ học Thuần lý một lúc.

Năm 1954 di cư vào Nam, Ngạc tiếp tục học tại Đại học Khoa học Sài gòn, đậu *chứng chỉ* Vi phân học, và hoàn tất chương trình cử nhân toán. Ông dạy kèm tư gia ở nhà bác sĩ Xxxx Quyết, người từng làm tổng trưởng trong các chính phủ Quốc gia Việt nam và về sau từng làm tổng trưởng và thủ tướng trong các nội các Việt nam Cộng hòa (“VNCH”). Ông Ngạc yêu và lấy cháu vợ ông Quyết là Nguyệt Tản; nàng ở trong nhà ông này. Là sinh viên xuất sắc, Ngạc được chính phủ VNCH cấp học bổng sang Pháp du học về khí tượng học. Rồi cô vợ trẻ sang Pháp với ông và khoảng một năm sau sinh con trai.

Học xong, Ngạc làm giáo sư thỉnh giảng tại Đại học Poitiers cách Paris 350 cây số về phía tây nam rồi tại Đại học Brest cách Paris 600 cây số về phía tây, nhưng nhà và vợ con vẫn ở Antony là vùng ngoại ô nam Paris. Thuở ấy, phần lớn sinh hoạt khoa học đều tập trung ở Paris, và giáo sư đại học chỉ phải dạy ba giờ một tuần và hướng dẫn đôi ba sinh viên cao học nên chỉ cần có mặt tại trường đại học hai, ba ngày là đủ. Người Pháp gọi giáo sư không cư ngụ tại chỗ như thế là “turbo-prof,” tức là *giáo sư vù* – đến dạy rồi lại *vù* đi.

Rồi đột nhiên ông *giáo sư vù* để vợ con ở Paris và bay về Sài gòn một mình. Ngạc được bổ nhiệm làm giáo sư tại Đại học Khoa học mà trách nhiệm bao gồm việc dạy một môn toán lớp *Mách-giê-nê*; tôi xui xẻo vào lớp nhằm lúc ông bị tổ trác giảng bài lộn. Sinh viên hay bàn tán xôn xao về lối sống lập dị của ông. Ông ở một mình trong căn *apartment* trên lầu năm cư xá Công lý mà ngoài sách vở không có thứ gì đáng giá và cửa ngoài khóa đến bảy cái khóa. Mỗi sáng sớm đi bộ sáu cây số đến trường và đến chiều tối mới về, ông luôn luôn đi ngược với chiều lưu thông trên các cặp đường một chiều chạy song song với nhau là Công lý - Pasteur và Phan Đình Phùng - Phan Thanh Giản và xách theo chiếc cặp da to tương tương phản với vóc dáng nhỏ nhắn của ông; cặp đựng sách vở giấy tờ và hai ổ bánh mì. Ông ăn mặc xuềnh xoàng, không

uống bia hay rượu, không hút thuốc lá, và mỗi ngày chỉ ăn một bữa, theo thói quen ngồi trong thư viện suốt ngày hồi học bên Pháp.

Ông giáo sư lập dị vào lớp dạy đều đặn và tận tâm hướng dẫn sinh viên cao học ở hai *chứng chỉ* Toán học Thâm cứu I và II. Cao học toán thời ấy tổng cộng chỉ có hơn mười sinh viên, trong số đó có Thiện và cô nữ sinh viên duy nhất là Mỹ Duyên. Sau ngày 30 tháng Tư năm 1975, mọi người ngỡ ngàng thấy Ngạc xuất hiện trên đường phố trong bộ quân phục màu xanh của sĩ quan công an miền Bắc với cấp bậc trung tá. Từ *Sài gòn Giải phóng* của chính quyền mới huênh hoang tường thuật trước khi di cư vào Nam năm 1954, ông đã được huấn luyện thành nhân viên tình báo Cộng sản và trong chín năm qua, hoạt động nằm vùng nhận chỉ thị trực tiếp của một nhân vật tên là Hai Tân. Nhưng “cách mạng” dù cố gắng cách mấy cũng không thể kể ra một cách đáng tin thành tích do thám đáng kể nào của Ngạc.

Vai trò nằm vùng giải thích một phần nào hành vi khác thường của Ngạc. Thí dụ, khóa cửa phòng với bảy cái khóa để tránh bị dòm giở rình mò. Đi làm buổi sáng hay về nhà buổi chiều, đi ngược đường một chiều để tránh bị theo dõi vì ông cho rằng cảnh sát chìm “Ngụy” lười biếng, chỉ di chuyển bằng xe gắn máy hay xe hơi khi bí mật theo dõi kẻ địch, và do đó có thể yên tâm tới địa điểm tiếp xúc với Hai Tân.

Trong hai năm tiếp theo, trường đại học ở miền Nam đóng cửa để sinh viên học tập chính trị, và ông trung tá công an được giao phó nhiệm vụ tối quan trọng là ban đêm canh giữ trường sở của Đại học Khoa học để sách thư viện, bàn ghế, và dụng cụ khỏi bị đánh cắp. Rồi ông được thăng chức thiếu tướng và ra Hà nội phục vụ trong bộ Công an. Chính thức kết thúc đời khoa học của một nhà toán học thông thái và đời điệp báo của một điệp viên đã trảng, *chẳng nên công cán gì*.

* * *

Tôi và Thiện thay nhau nhắc tới những đứa bạn ở đại học xá ngày trước. Đứa còn, đứa mất, đứa lao đao với cuộc sống bên nhà. Sau cùng, tôi hỏi dò đời tư của Thiện,

“Hôm nay mày về San Antonio trễ, không sợ bà xã mong hay sao mà không thấy gọi điện thoại về báo tin?”

“*Con là nợ, vợ là oan gia*. Hồi đó đến giờ tao ở một mình cho khỏe tấm thân,” nụ cười châm biếm vẫn nở trên môi bạn tôi.

“Sao lạ vậy? Tao nghe nói mày *kết* con Mỹ Duyên trong lớp cao học toán lắm mà.”

“Tao cũng nghĩ mình sẽ được Mỹ Duyên yêu thương. Sau sáu năm chung trường chung lớp, thấy tình yêu đã chín muồi, tao mạnh dạn tỏ tình thì mới ngả ngựa ra: Nàng đã yêu người khác. Tao đau như hoạn, cật cục kiếm được cái học bổng đi Mỹ học tiến sĩ, và ở lại đây cho đến nay.”

Tôi ái ngại nhìn Thiện, nhưng gượng đùa,

“Buồn năm phút! Tao ngỡ ngoài mày ra, đất Sài gòn sẽ không thể nảy thêm anh hùng nào khác dám *xăm mình* chơi trò, leo lên cái cây toán học khô khan như sa mạc Sahara đó.”

“Có đấy chứ! Ông Ngạc *mát dây* đó.”

“Sao bảo thầy đã có vợ con?”

“Ông ấy để cả bên Paris, về Sài Gòn cốt để lánh xa bà vợ. Vì cuộc sống lứa đôi của hai người có thêm một kẻ thứ ba là Alexander Grossmann,” Thiện chép miệng kể lại lý do Ngạc rời Paris.

Alexander là một nhà toán học tài ba hàng đầu thế giới vào thập niên 1960. Ông lớn hơn Ngạc chừng bốn, năm tuổi và vừa là thần tượng vừa là bạn thân của Ngạc; hai gia đình ở gần nhau và hay cùng nhau đi chơi xa. Alexander cực tả và thân Cộng, bất chấp ước lệ xã hội, và tính đến ngày đó, đã *ghi bàn* hơn một trăm người đàn bà trong vòng tay tình ái. Ông công khai ca tụng Nguyệt Tản và biểu lộ tình cảm sâu đậm đối với nàng. Một hôm, Ngạc đi dạy xa về không thấy vợ con mà tìm thấy một lá thư ngắn với chữ viết rất tháu của Alexander kẹp trong cuốn sổ của Nguyệt Tản. Trong thư, Alexander tỏ tình với Nguyệt Tản và rủ mẹ con nàng đi du lịch ở Nîmes ở miền Nam nước Pháp và cách Paris 700 cây số về phía đông nam; không có vợ Alexander đi cùng.

Vài ngày sau, Nguyệt Tản và con trở về, bình thản như sau các cuộc đi chơi chung của hai nhà trước đây, dù lần này không có Ngạc và vợ Alexander. Sau đó, Ngạc thường bắt gặp Nguyệt Tản ngồi bên cửa sổ nhìn ra xa với ánh mắt buồn tênh. Tâm hồn ông bị hai ý kiến mâu thuẫn nhau giày xéo: nói ra thì mình là người nhỏ nhen hay ghen bóng ghen gió và chắc chắn sẽ mất cả bạn lẫn vợ, mà không nói ra thì nỗi ghen tuông nung nấu tâm can. Cuối cùng, sau nhiều đêm không ngủ, ông đi tới quyết định: “gửi gắm” vợ con cho Alexander và về Sài Gòn một mình. Lúc đó là tháng Hai năm 1966.

Từ ngày chia tay ở Paris, cho đến cuối đời Ngạc, Nguyệt Tản khóc cạn nước mắt xin đoàn tụ với chồng, và bạn bè nhiều lần cố gắng tạo điều kiện để hai người chấp nối nhưng không thành. Sau ngày đổi lốt thành công an Việt Cộng, Ngạc thành hôn với cô sinh viên Mỹ Duyên tại Sài Gòn. Khi ông ra Hà Nội làm việc ở bộ Công an, nàng được cử ra Hà Nội “du học” ở viện Toán học Việt Nam và sau đó trình luận án tiến sĩ toán. Năm 2006 ông mất tại Hà Nội sau gần một năm chống chọi với bệnh ung thư, mang theo nỗi ân hận triền miên của một kẻ vô ơn ăn ở hai lòng – với vợ con và với VNCH.

Chia tay với Thiện, tôi đùa bạn bằng mấy câu thơ nhại theo bài “Hai Sắc Hoa Ti-gôn” của T.T.Kh.,
*Nếu biết rằng em sẽ lấy chồng,
Anh nguyện ở vậy thế là xong.
Sáu năm chung lớp, bao kỷ niệm,
Yêu em, anh giữ mãi trong lòng.*

Nguyễn Ngọc Hoa

Ngày 26 tháng Mười, 2022

Con Tim Chân Chính

Truyện ngắn của Nguyễn Ngọc Hoa

Sau hơn 12 năm sống xa quê hương ở tiểu bang North Dakota mạn bắc Hoa kỳ, tôi hết hy vọng dò la thêm được tin tức của lũ bạn thời niên thiếu thì đột nhiên nhận được thư của thằng bạn thân từ thời ở Huế là Trang qua tòa soạn báo *Xxxx Việt* ở Toronto, Gia Nã Đại. Nó tìm ra tôi nhờ mục “Đố Vui Để Chọc” của *Xxxx Việt*. Trong mục này, tôi viết về những bài toán đố cổ điển và lịch sử vấn đề toán học liên hệ và để bài viết bớt khô khan và lồi cuốn người đọc, mở đầu bằng một truyện ngắn gồm những mẩu chuyện vui và kết thúc bằng một, hai câu “đố vui để cười” như

Anh thợ hớt tóc Vitelli gốc Ý trên đường Dufferin ở Toronto thường nói, “Tôi thà hớt tóc cho hai người Mỹ còn hơn hớt cho một người Gia Nã Đại.” Tại sao?

Giải đáp: Hớt tóc cho hai khách hàng thu được hai lần tiền hớt cho một khách hàng. Khách người nước nào không thành vấn đề.

Xxxx Việt là tờ báo chống Cộng và không có mục đích thương mại. Mỗi kỳ phát hành, tòa soạn gửi báo miễn phí đến các trại tỵ nạn Cộng sản ở Nam Dương, Mã Lai Á, Phi Luật Tân, và Thái Lan. Mỗi trại vài chục cuốn để *thuyền nhân* theo dõi thời sự thế giới và giữ vững tinh thần trong lúc chờ đợi đi định cư ở nước thứ ba. Mùa thu năm ngoái, Trang vượt biên đến trại Palawan ở Phi Luật Tân và tình cờ đọc bài viết của tôi rồi viết thư về tòa soạn,

Tôi tin tác giả Ba Hoa phụ trách mục “Đố Vui Để Chọc” của quý báo là bạn tôi. Tên người có thể trùng nhau, nhưng những mẩu chuyện vui và câu “đố vui để cười” thì chỉ có bạn tôi mới biết; tôi đã nghe Ba Hoa kể lại và đố bạn bè. Kính nhờ quý báo chuyển thư này đến bạn tôi để chúng tôi có thể liên lạc với nhau.

Ngày ở Huế, tôi và Trang ở xóm Mang Cá. Nó học trung học đệ nhất cấp ở trường Nguyễn Tri Phương, tôi học trường Hàm Nghi, nhưng lên đệ nhị cấp hai thằng học cùng lớp đệ tam (lớp 10) trường Quốc Học. Mặt trắng môi hồng và đẹp trai hùng dũng, nhưng khi nói chuyện nó có cái tật hay dùng chữ tục rất . . . đáng nể. Những buổi tối mùa hè, tôi và nó và Miên, một thằng bạn Mang Cá khác học cùng lớp ngồi cùng bàn với tôi ở Hàm Nghi, đi xe đạp hàng ba trên đường Huỳnh Thúc Kháng dọc theo bờ sông Đào và “chưởi” nhau. “Chưởi” là vạch ra, phóng đại, và có khi bịa đặt khuyết điểm của bạn hay người thân của bạn để “hạ,” tức là chọc ghẹo chế giễu, bạn. Đùa bỡn với nhau rồi cười vang là quên hết.

Vào Sài gòn, Trang học kỹ sư ở trường Cao đẳng Nông Lâm Súc, Miên học lớp Lý Hóa Nhiên (hay SPCN) ở Đại học Khoa học, và hai đứa ở trong Đại học xá Minh Mạng. Trang mồ cô mẹ, nhà nghèo phải tự lực cánh sinh, đi dạy kèm liên miên, và chỉ có mặt tại đại học xá vào một buổi tối cuối tuần. Hôm ấy ba thằng kéo nhau ra Ngã Sáu Chợ Lớn ăn phở uống cà-phê và tiếp tục “chưởi” nhau. Trang thường bị tấn công nhiều nhất vì học trò nó toàn là con gái, một mục tiêu dễ ăn.

Một cô học trò của Trang là Bích Diệp 17 tuổi học đệ nhị (lớp 11) Gia Long, con một gia đình giàu có ở trên đường Phan Thanh Giản. Trước khi nhận nó dạy kèm, cha mẹ nàng đã phỏng vấn tường tận, tra hỏi gốc gác, gia thế, thành tích học vấn, v.v. của nó như thể kén rể tương lai. Nghe nó khoe họ tốt bụng và trả thù lao hậu hỉ, Miên không thể để Bích Diệp yên,

“Con *nớ* đáng lẽ phải kêu là Bách Diệp – một trăm cái lá, thay cho cái tên cha sinh mẹ đẻ Bích Diệp – con bướm màu xanh biếc.”

“*Bộ hấn tra* (già) lắm hả?” tôi cười to; “trăm lá” nói lái theo kiểu miền Trung là “tra lắm.”

“*Hấn* tới đại học xá tìm thằng Trang để *tù ti tút tit* mà *tau* tưởng là con *mụ mô* đi truy nã thằng Sở Khanh hại đời hoa con gái *mụ* rồi *quất ngựa truy phong*,” Miên cười ha hả.

Lạ thay, Trang không phản công như mọi lần mà tẽn tò thú thực nó và Bích Diệp phải lòng nhau và mối tình ấy được cha mẹ nàng chấp nhận, nhưng hai đứa vẫn giữ liên hệ “thầy trò” cho đến ngày nó ra trường. Miên trề môi,

“*Mi* là thằng tổ sư nham nhờ chuyên môn mó máy chân tay mò ấu. *Sức mẩy* để yên cho con *nớ*! *Chừ* đến ngày cưới, không chùng lòi ra đôi ba thằng Trang con.”

“Nói như con *c... tau*! Đi dạy học, ai mà *mần* chuyện tầm bậy tầm bạ *nớ*; ngu *chi* mà đập bể nồi cơm của mình?” Trang tức tối cãi.

“Thiệt không?” tôi và Miên cùng lên tiếng.

“Sao không thiệt? *Con tim chân chính đ... bao giờ biết đến nói dối!*” nhại câu hát trong bài “Đêm Nguyện Cầu” của Lê Minh Bằng, Trang nói không cười.

Tối thứ Bảy trước Tết Tân Hợi (1971), tiệc cưới của Trang và Bích Diệp tổ chức linh đình ở nhà hàng Đồng Khánh trong Chợ Lớn, tôi và Miên đóng bộ xúng xính làm phù rể. Chú rể là kỹ sư lâm khoa phục vụ tại bộ Canh Nông, và cô dâu là sinh viên năm thứ ba ban Việt-Hán tại Đại học Văn khoa. Rồi Trang theo học chương trình cao học kinh doanh của trường Chánh trị Kinh doanh Đà Lạt đặt trên lầu thượng xá Tax nằm ở góc đại lộ Nguyễn Huệ và Lê Lợi. Hai năm sau, nó tốt nghiệp rồi đổi lên Đà Lạt làm trưởng ty Kiểm lâm Tuyên Đức và được viện Đại học Đà Lạt mời làm giáo sư thỉnh giảng. Bích Diệp sinh năm một, tất cả ba đứa con: hai cô gái đầu và cậu con trai út. Bạn tôi công thành danh toại, đạt tới mọi ước mơ của thời đi học, và sống hạnh phúc với gia đình. Cho đến chiều tối ngày mùng 1 tháng Tư năm 1975, Đà Lạt di tản vì Cộng quân tiến đến gần thành phố.

Về Sài Gòn, gia đình Trang tạm trú ở nhà cha mẹ Bích Diệp, và Trang trình diện làm việc tại bộ Canh nông. Ông chú nàng là nhân viên một cơ quan dân sự Hoa Kỳ, ông sẵn lòng dàn xếp cho bà con thân thích di tản ra khỏi nước bằng máy bay. Cha mẹ nàng không muốn ra đi, bỏ lại nhà cửa tài sản tích lũy cả đời người. Nàng hết lời năn nỉ Trang đưa nàng và các con rời khỏi Sài Gòn, nhưng nó khẳng khẳng không chịu vì cha kẹt lại ngoài Huế và công chức đào nhiệm lúc này là “phản quốc.” Cô em kế Bích Diệp là Bích Đào bèn chọn ở lại để phụ chị và anh rể lo cho cháu. Bích Đào kém chị hai tuổi, còn độc thân, tốt nghiệp cử nhân luật, và đang làm luật sư tập sự.

Những đêm trần trọc trong trại tù “cải tạo” A-30 Xuân Phước gần Tuy Hòa thuộc tỉnh Phú Yên, Trang ân hận ray rứt về quyết định ngu xuẩn đó. Khi được phép viết thư về cho gia đình, nó nói bóng nói gió bảo Bích Diệp đưa con đi vượt biên. Nàng vờ như không hiểu và khi được phép thăm nuôi, thay phiên với Bích Đào lặn lội ra Phú Yên thăm nó. Những buổi thăm nuôi bị những

cặp mắt cú vọ của bộ đội Việt Cộng canh chừng triệt để nên nó không thể nói rõ hơn. Cuối cùng, cuối buổi thăm nuôi vào cuối năm tù thứ tư, nó đưa cho Bích Diệp tờ giấy viết sẵn và cương quyết,

“Tôi xin ly dị cô. Từ nay cô có quyền đi lấy chồng khác!”

“Lâu nay em đã hiểu ý anh,” nàng nghẹn ngào trong nước mắt, “Dù đời mình ra sao đi nữa, em cũng sẽ mãi mãi yêu anh.”

Bích Diệp nhờ người bạn học cũ ở Văn khoa là Vĩnh *mua chổ* trên thuyền vượt biên cho mẹ con nàng và Bích Đào; Vĩnh và vợ là Thanh cũng ra đi. Chiếc thuyền nhỏ chở gần 70 người khởi hành từ Rạch giá yên ổn, nhưng ra đến vịnh Thái Lan thì tai ương xảy đến dồn dập. Thuyền bị hải tặc Thái Lan chặn lại cướp và bắt phụ nữ sang thuyền chúng hãm hiếp ba, bốn ngày liền. Gặp hải tặc cả thầy ba lần. Lần thứ ba, thuyền không còn gì cho chúng cướp, và đàn bà vừa đói vừa bệnh không còn sức để chịu hãm hiếp nên bọn quý quán xà-rông giận điên cuồng gỡ cái máy thuyền mang đi cho đã nư. Mặc cho con thuyền trôi lênh đênh trên biển cả, và đám người đói khát bệnh hoạn nằm rũ liệt chờ lưỡi hái tử thần. Thanh và nhiều người khác không cầm cự nổi mà qua đời.

Số người trên thuyền còn không tới một nửa khi được cứu vớt và đưa tới trại tỵ nạn Pulau Bidong ở Mã Lai Á. Mẹ con Bích Diệp và Bích Đào may mắn sống sót, phần lớn nhờ Vĩnh che chở và giúp đỡ tận tình. Đối diện với tương lai mờ mịt, Vĩnh đề nghị chàng và Bích Diệp kết hợp thành một gia đình để xin đi định cư và nương tựa vào nhau trong quãng đời còn lại. Lời cầu hôn đường đột ấy là giải pháp thực tiễn nhất để sống còn trong hoàn cảnh bấp bênh của họ. Bích Đào tán thành và khuyến khích chị,

“Chị ly dị chồng và anh Vĩnh góa vợ, hai người ráp lại với nhau không những hợp pháp mà còn hợp lý. Chị phải nghĩ tới tương lai của ba đứa con, tụi nó cần một người cha; *con không cha như nhà không nóc*. Không phải đó là điều anh Trang đã ủy thác cho chị hay sao?”

Chín tháng sau, gia đình sáu người của Vĩnh được nhập cư Hoa kỳ và định cư ở Bridgeport, thành phố đông dân nhất của tiểu bang Connecticut ở đông bắc Hoa kỳ. Sau một năm đi làm hãng xưởng, vợ chồng Vĩnh xoay sở mở nhà hàng Việt nam lấy tên “Emerald Butterfly” (Bích Diệp) phần lớn thực khách là người Mỹ, và dần dần khuếch trương thành một nhà hàng sang trọng có tiếng của thành phố. Ba đứa bé (lên chín, tám, và bảy) đã quen gọi Vĩnh là “Daddy.” Bích Đào kiếm được một chân phụ tá pháp lý trong hãng luật, học lớp đêm tại chi nhánh Bridgeport của trường Luật Đại học Connecticut (trường sở chính đặt ở thủ phủ Hartford của tiểu bang), và bốn năm sau thi lấy bằng hành nghề luật sư. Ba đứa cháu được Bích Đào chăm sóc từ ngày còn trứng nước gọi dì là “Mommy Đào.”

* * *

Sau tám năm tù đày đặng, Trang được thả về. Nó tìm cha mẹ vợ và được cho biết tin tức của Bích Diệp và các con. Nó mừng rỡ viết thư cảm ơn Vĩnh đã thay nó nuôi dạy ba đứa bé, cảm ơn Bích Diệp đã vì tương lai con mà đặt mối tình đầu thắm thiết qua một bên, cảm ơn Bích Đào đã hết lòng giúp hai người kia hoàn thành ý nguyện của nó,

Nếu phải nhắm mắt lia đời lúc này, tôi thực sự mãn nguyện.

Ba năm sau, Trang vượt biên tới trại Palawan ở Phi Luật Tân. Đó là lúc nó liên lạc với tôi qua tòa soạn *Xxxx Việt*. Vợ chồng Vĩnh bảo trợ nó sang định cư ở Bridgeport. Nó ghi danh học tiến sĩ quản trị xí nghiệp tại Đại học Bridgeport, một đại học tư, và được thuê làm trợ giáo (giúp giáo sư soạn bài và chấm bài và thỉnh thoảng dạy thay khi giáo sư bận việc) và được trả *stipend* (thù lao trợ giáo) khá hậu hỉ. Cuộc sống của nó chỉ xoay quanh hai việc: học và gần gũi con. Ba đứa trẻ có thêm một người cha và cuối tuần thì luân phiên: một tuần tại nhà của mẹ và “Daddy,” và một tuần tại nhà “Daddy Trang.” “Mommy Đào” khi nào cũng có mặt khi bọn trẻ hay Trang cần tới.

Mùa hè năm 1991, cả gia đình và một số bạn bè dự lễ tốt nghiệp của Trang, hãnh diện chụp hình chung với chàng tân khoa mặc áo mũ tốt nghiệp, và sau đó về nhà hàng Emerald Butterfly ăn mừng. Cuối bữa tiệc, cô con đầu là Bích Minh (tên Mỹ Mindy) 19 tuổi vừa học xong năm đầu đại học đứng lên xin phép nói vài lời. Ra hiệu cho hai em cùng đứng lên, Mindy nhìn Trang và Bích Đào và trịnh trọng đọc đoạn văn tiếng Anh viết sẵn,

Con và hai em xin nói lên lòng biết ơn vô bờ đối với Daddy Trang và Mommy Đào. Trong những năm qua, ba má đã hy sinh quên thân mình để chúng con có được ngày hôm nay. Ba má xứng đáng là vợ chồng, sống bên nhau và hưởng hạnh phúc trọn đời còn lại.

Đêm tân hôn, cô dâu Bích Đào 40 tuổi thủ thỉ với chồng,

“Em thương anh từ hồi 15 tuổi, ngày mới gặp anh, chứ đâu phải đến bây giờ mới thương.”

“Anh cũng biết *rứa*. Cám ơn em *lắm lắm*.”

“Biết mà bốn năm qua chỉ lo học và học, không thềm ngó ngang tới em,” nàng nũng nịu.

“Làm thân thẳng tù ‘cải tạo’ *trên rặng dưới d...*, anh không lo học thì có *chi* cho xứng đáng với cô luật sư tài giỏi đẹp đẽ *ni*?” Trang cười láu lỉnh đặt tay vợ lên ngực mình, “Bộ em tưởng Mindy tự dựng nghĩ ra cách bắt hai đứa mình *đắp chung mền* mà không có *con tim chân chính ni* nhúng tay vô hay *răng*?”

Nguyễn Ngọc Hoa

Ngày 16 tháng Mười Một, 2022

Kẻ Sĩ Thiếu Liêm Sĩ

Truyện ngắn của Nguyễn Ngọc Hoa

Lặng lẽ rời buổi họp vào lúc bốn giờ chiều, tôi hối hả gọi tắc-xi ra phi trường Quốc tế Seattle - Tacoma. Chuyến bay chiều thứ Sáu đi Los Angeles đông nghịt, không một ghế trống. Tôi vừa uể oải đọc sách vừa góp chuyện lấy lệ với bà bạn đồng hành đứng tuổi ngồi cạnh, thầm nghĩ hôm nay mình gặp một “bà Mỹ buồn.” Kinh nghiệm của những chuyến đi xa cho thấy đàn bà Mỹ, nhất là những người có tuổi, thường ưa kể chuyện riêng tư với người lạ chỉ gặp một lần trong đời. Sau vài câu trao đổi chuyện nắng mưa và thăm hỏi công việc làm ăn, bà dần dần kể chuyện nhà mình. Bà góa chồng từ mùa hè năm kia, chồng bà qua đời trong một tai nạn xe hơi, và cô con gái duy nhất hiện ở Los Angeles,

“Betty ngày trước là hoa khôi trường trung học Roosevelt ở Seattle. Từ nhỏ đến lớn chăm lo học hành, chưa bao giờ làm bố mẹ phiền lòng. Nó tốt nghiệp UCLA và đang làm việc cho hãng kế toán lớn bậc nhất Hoa kỳ. À, ông gốc người nước nào nhỉ?” UCLA là University of California Los Angeles, một đại học có tiếng ở nam California.

“Thưa, tôi quê ở Việt nam,” tôi lễ phép trả lời.

“Thật tuyệt vời! Con bé nhà tôi vừa theo đạo Phật để kết hôn với một người Việt như ông. Chuyến này tôi xuống LA để dự đám cưới của nó. Sao người Việt các ông thông minh thế?” bà Mỹ reo lên; “LA” là Los Angeles nói gọn.

“Sao ạ?” tôi chưa hiểu ý bà.

“Giáng sinh vừa rồi, Betty đưa vị hôn phu về nhà tôi. Anh ấy là kỹ sư mà bàn chuyện âm nhạc và văn chương thì chính tôi cũng say mê.”

Tôi chợt vui với một ý nghĩ thoáng qua, biết đâu thằng Hương tài hoa bạn tôi chẳng phải là chàng rể tương lai của “bà Mỹ buồn.” Sau chuyến công tác Seattle này, tôi ghé lại Los Angeles để hôm sau, thứ Bảy, dự đám cưới của nó. Ngày trước ở Huế, nó học cùng trường, ở cùng xóm, và mê truyện mê sách chẳng khác gì tôi. Hai thằng mê đọc truyện Tàu, truyện kiếm hiệp, và truyện trinh thám đến nỗi đi học mà dám ôm theo cuốn truyện – một điều cấm kỵ – để đọc vào giờ nghỉ. Lên đại học, nó vào Sài gòn học kỹ sư canh nông ở trường Cao đẳng Nông Lâm Súc, học rất giỏi, và được một ông bạn ba nó đang làm lớn trong bộ Canh nông ngắm ghé gả con gái. Tôi không gặp mặt cô ấy cho đến sau khi bạn tôi tốt nghiệp và làm đám cưới. Tiệc cưới linh đình ở nhà hàng Bát Đạt trên đường Đồng Khánh trong Chợ Lớn, và dĩ nhiên tôi bị làm phù rể.

Thằng Hương được giữ lại trường Nông Lâm Súc làm giảng viên, được cử đi Hoa kỳ học cao học canh nông, và cuối cùng trở về trường dạy lại. Sau tháng Tư năm 1975, là sĩ quan biệt phái “Ngụy” nó bị đi tù “cải tạo.” Trong ba năm nó nằm trong tù, vợ nó đi thăm nuôi đúng một lần. Đó là lần cô đưa cho nó ký giấy ly dị để đi lấy chồng khác. Được thả về, nó bán chợ trời và dạy Anh văn đắp đổi qua ngày. Bốn năm sau, nó vượt biên sang Los Angeles và làm việc vặt vĩnh viễn rồi xoay xở xin được chân *extension agent* (hay *county agent* là cố vấn canh nông quận) thuộc quận Los Angeles, cố vấn cho dân chúng về mọi vấn đề liên quan đến ngành canh nông và kinh tế gia đình. Bạn tôi tứ cố vô thân, không có họ hàng thân thích ở Hoa kỳ, nên đám cưới chỉ trông nhờ vào bạn bè.

* * *

Trước khi rời phi cơ để vào phi trạm, “bà Mỹ buồn” chào từ giã,

“Hân hạnh được tiếp chuyện với ông. Chúc ông vui vẻ trong chuyến lưu lại LA.”

“Tôi cũng vậy. Chúc bà và cô Betty may mắn, thưa bà . . .?”

“Bà Johnson. Cám ơn ông nhiều.”

Tôi giật mình nhận ra bà Johnson chính là mẹ vợ thằng Hương: Trong thiệp báo hỉ, tên cô dâu là Betty Carolina Johnson. Quả nhiên, ra khỏi *jetway* (hành lang dẫn từ phi cơ vào phòng đợi phi trạm) tôi thấy thằng Hương và vị hôn thê đứng đón bà. Bên cạnh hai người là cái vóc dáng loắt choắt của thằng Tiễn bạn học cùng lớp đệ nhất niên trường kỹ sư với tôi; nó ra đón tôi về nhà ngủ đêm nay. Chưa thấy rõ mặt đã nghe tiếng nói oang oang của nó,

“Trong lúc đợi mà và bà *Mẽo* kia, tao tốn bao nhiêu nước bọt mới dụ được thằng Hương tối nay đãi mình đi ăn cơm Việt nam, ăn một bữa cho đáng đồng tiền bát gạo. *Đớp* xong *một quả* rồi hẳn chia tay, ai về nhà nấy nghỉ lấy sức ngày mai đánh trận sau là đám cưới ở chùa Phổ Hiền.”

Ở tiệm ăn, trong lúc mẹ con bà Johnson rĩ rả tâm sự với nhau, thằng Hương nói chuyện đám cưới với tôi và thằng Tiễn,

“Khách khứa phía bên *tau*, ngoài đám bạn bè ở quanh đây, chỉ có thằng *Ba Hoa* từ xa lại. Phía Betty thì ngoài bà mẹ, có mấy con bạn thân trong vùng nam California. Bạn bè chỉ một nhóm, *rứa* mà xuýt chút nữa *tau* gây họa.”

“Chuyện gì mà ghê vậy?” tôi trợn mắt nhìn nó, thằng Tiễn tùm tùm cười.

“Khoảng một năm trước, *tau* nghiên cứu một số dự án canh nông trên thế giới và tình cờ liên lạc được với anh Tâm đang làm chuyên viên cao cấp của FAO, tức là Tổ chức Lương Nông của Liên hiệp quốc. Ngày Sài gòn, anh là kỹ sư đàn anh và cũng là đồng sự dạy Nông Lâm Súc của *tau*. Betty đề nghị mời anh làm khách danh dự. Xuýt chút nữa *tau* lỡ dại nghe lời, nếu không có thằng quý Tiễn *ni* chưởi *tau* một *mách*.”

“Không phải à? Trước năm 1975, thằng Tâm là đưa *ăn cơm Quốc gia thờ ma Cộng sản* số một; nó công khai tuyên bố, ‘Chế độ Sài gòn như chiếc áo rách nát đến nỗi không thể vá, cách duy nhất là xé bỏ và may chiếc áo mới.’ Nó mà dự đám cưới mà thì ‘ông’ là đưa từ mà y trước tiên, không *oong-đơ* gì cả,” thằng Tiễn nghiêm mặt, vẻ cười cợt thường ngày biến mất.

Tâm tốt nghiệp thủ khoa khóa 1 kỹ sư trường Cao đẳng Nông Lâm Súc, được giữ lại trường dạy, và được gửi đi Hoa kỳ học cao học canh nông. Sau đó, chính phủ Việt nam Cộng hòa (“VNCH”) một lần nữa gửi ông đi du học, học tiến sĩ kinh tế canh nông tại Đại học Illinois Springfield ở Springfield thuộc tiểu bang Illinois. Nơi đây ông gặp Ngọc Sương, cũng là sinh viên được học bổng đi du học; hai người yêu nhau và lấy nhau. Khi tốt nghiệp, thay vì theo bốn phận phải về nước phục vụ, hai vợ chồng dắt díu nhau sang Thụy Điển “tá túc” chính trị. Nhưng sau một thời gian ngắn, họ ngã ngựa ra rằng xứ Bắc Âu này không phải là đất dung thân nên đành cuốn gói bỏ về Sài gòn.

VNCH mở rộng vòng tay đón hai đứa con ưu tú học thành tài trở về, Ngọc Sương làm việc ở Kỹ Thương Ngân hàng, và Tâm là giáo sư Đại học Nông nghiệp (là trường Nông Lâm Súc nay là một

phân khoa của viện Đại học Bách khoa Thủ Đức) và được mời dạy ban Kinh tế của Đại học Luật khoa Sài Gòn. Ông dạy sinh viên rằng kinh tế xã hội chủ nghĩa là nền kinh tế tối ưu, nhưng chính phủ VNCH vẫn để ông yên vì tôn trọng quyền tự do tư tưởng của công dân cũng như không can thiệp vào nền tự trị đại học. Đầu năm 1975, ông bị bắt giữ vì công khai kêu gọi sinh viên theo Cộng sản. Cuối tháng Tư, chính phủ lâm thời của Xxxx Man phóng thích và cử ông vào phái đoàn đi vào trại Davis trong phi trường Tân Sơn Nhất để “điều đình” với phe Cộng sản trong ban Liên hiệp Quân sự Hai Bên; phái đoàn bị giữ lại đó đến trưa ngày 30 tháng Tư.

Chủ nghĩa Cộng sản vốn không có đất sống cho tầng lớp trí thức – như vợ chồng Tâm. Sau khi chiếm miền Nam, Việt Cộng (“VC”) chỉ “lưu dung” những giáo sư đại học VNCH chúng cần về một mặt nào đó chứ không tin tưởng hay kính trọng họ. Thí dụ, Giáo sư Ngọc ở Đại học Khoa học Sài Gòn là người rất dễ bảo, tận tình hợp tác với phe thắng cuộc, và sốt sắng nhận cung cấp những nghiên cứu “khoa học” đại loại như “một kí rau muống có giá trị dinh dưỡng hơn một kí thịt bò” để chúng dùng lừa bịp dân chúng. Thế mà, “Nhìn lý lịch thấy trước đây năm nào tôi cũng đi Mỹ nghiên cứu hoặc dạy học, người ta thắc mắc tại sao đi Mỹ quá trời. Tôi nộp đơn xin vô hội Trí thức Yêu Nước, mấy lần đều bị từ chối,” ông kể.

Giáo sư Hoàng, một nhà thực vật học nổi tiếng khắp thế giới và viện trưởng sáng lập Đại học Cần Thơ, được cất đặt làm “hiệu phó” (phó khoa trưởng) Đại học Khoa học Sài Gòn, một chức vụ bù nhìn. Ông không phải đảng viên, nên khi có vấn đề gì thì người trong đảng họp riêng. Quyết định xong, có việc chúng nói với ông, có việc ông không bao giờ được cho biết. Một thời gian sau, ông trả lại chức “hiệu phó,” trường sợ mang tiếng không nhận, và ông khóa cửa phòng, giao chìa khóa, và chấm dứt vai trò làm cảnh của mình. Hàng năm, ông được chính phủ Pháp mời sang Pháp giảng dạy, và sau vài năm, ông ở Pháp lại luôn.

Năm 1977, có lần hệ thống nước máy của thành phố bị vẫn đục, nhà thực sĩ y khoa tầm tiếng từng làm khoa trưởng Đại học Y khoa Sài Gòn nhiều năm là Giáo sư Biểu và một số nhà khoa học khác được vời tới vấn kế. Nhiều người hăng hái phát biểu, riêng ông ngồi im. Khi bị gọi đích danh hỏi, ông trả lời, “Từ ngày mấy anh về, cái đầu trí thức khỏe, vì cái gì cũng đã có mấy anh nghĩ hết. Nước là chuyện mấy anh, đâu phải chuyện tui.”

Để tưởng thưởng thành tích đả phá VNCH của Tâm, VC cử ông làm đại biểu khóa 1 Hội đồng Nhân dân thành phố và ủy viên Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc. Mang hai danh hiệu đao to búa lớn này, ông chính thức thành “chuyên viên gơ tay” biểu quyết thông qua những chương trình mà “các chuyên viên [ở đâu không biết] đã để ra rất nhiều thời giờ soạn thảo” chứ không được quyền bàn cãi hay thảo luận. Tại Đại học Nông nghiệp, Tâm bị cấm dạy vì bằng tiến sĩ kinh tế canh nông đậu ở Hoa kỳ, một xứ tư bản chủ trương kinh tế tự do, trái ngược với chế độ “bao cấp” của VC, nhưng còn được rộng lượng cho ngồi trong hội đồng khoa là ủy ban đầu não của trường. Không bao lâu, đảng ủy trường kiểm thảo và phê bình ông muốn “tranh giành lãnh đạo với đảng” vì luôn luôn bất đồng ý kiến với những con ếch ngồi đáy giếng từ ngoài Bắc vào. Ông thấy rõ kẻ thống trị mới không thể và không bao giờ tin dùng mình.

Sau bốn năm công cốc, lấm phen tức ói máu, Tâm xoay xở đưa vợ và ba đứa con vượt biên sang trại tỵ nạn Songkhla nằm ven biển phía nam Thái Lan. Nơi đây, ông bị một số người tỵ nạn khác

nhận ra và đánh cho một trận như tử. Nhưng khi được hỏi, “Liệu vượt biên là một quyết định sai lầm?” ông cả quyết, “Không, dù phải trả giá đắt, mình vẫn thấy ra đi là đúng.” Một hôm có người báo tin đêm đó ông sẽ bị thanh toán, vợ chồng ông hoảng hốt lên cầu cứu với phái đoàn Cao ủy Tỵ nạn Liên hiệp quốc đang vào trại phỏng vấn người tỵ nạn xin đi định cư. Trưởng phái đoàn là một thiếu phụ người Pháp quen với ông ở Đại học Illinois Springfield; bà bí mật dàn xếp đưa gia đình ông ra khỏi trại, tìm nơi tạm trú, và sau đó cho đi định cư ở Thụy sĩ.

Với bằng tiến sĩ ở một đại học lớn của Hoa kỳ, Tâm được tuyển làm chuyên viên kinh tế cho FAO của Liên hiệp quốc và cử làm cố vấn kinh tế và canh nông cho các nước chậm tiến ở Phi châu. Thăng Hương liên lạc đều đặn với ông trong thời gian ông làm việc cho FAO. Sau năm 2000, ông *áo gấm xanh xang* về Sài gòn nhiều lần, huênh hoang thăm viếng viên chóp bu VC cũ, và mua căn *condo* (tức là “condominium” là căn nhà phải trả tiền trông nom và bảo trì chung) ở Phú Mỹ Hưng làm nơi đi đi về về.

Năm 2015 có dịp về Sài gòn, thăng Hương đến thăm vợ chồng Tâm. Bạn tôi biết Ngọc Sương là một người đàn bà gương mẫu, luôn luôn hy sinh vì chồng con, và đối xử rất hòa nhã với mọi người nên bạn bè ai cũng quý mến. Cùng Tâm đi dạo quanh bờ hồ trong vùng Phú Mỹ Hưng, bạn tôi hỏi,

“Gần như suốt đời, anh bôn ba từ chuyện này sang chuyện khác. Chị luôn luôn sát cánh bên anh qua bao nhiêu lần lên voi xuống chó, có khi nào chị phàn nàn không?”

“*Bả* chỉ nói *tui* muốn đội đá vá trời,” ông cười vênh vang.

Tâm muốn làm chuyện “đội đá vá trời” của một kẻ sĩ. Mơ “may chiếc áo mới” mà quên mất liêm sỉ!

Nguyễn Ngọc Hoa

Ngày 30 tháng Mười Một, 2022

Tình Chị Duyên Em

Truyện ngắn của Nguyễn Ngọc Hoa

Quán Kim Lan nằm khiêm tốn trong khu phố nhỏ trên đường Westminster của Santa Ana. Giữa dòng xe cộ chạy như mắc cửi và những bảng hiệu quảng cáo lòe loẹt, vẻ lạc lõng của ngôi quán nhỏ bé hiền hòa như thách đố cái xô bồ náo nhiệt của nơi thị tứ. Trong căn phòng bề ngang không quá bốn thước, mười chiếc bàn nhỏ đặt sát nhau thành hai hàng với lối đi chính giữa. Chiếc bàn dài ở cuối phòng, ngay trước quầy tính tiền, và cạnh lối thông ra bếp đủ chỗ cho bảy, tám khách ngồi. Trưa Chủ Nhật, quán còn thưa khách, bọn sáu người chúng tôi theo chân cô chủ quán Kim Lan lục tục bước vào. Nàng là em một cô bạn tôi thời Sài Gòn; trong chuyến ghé thăm nam California ngắn ngủi cuối tuần này, tôi tình cờ gặp lại nàng và hẹn mời bạn đến quán ăn trưa.

Nhóm bạn tôi gồm Tiễn bạn học cùng lớp đệ nhất niên trường kỹ sư, Canh cựu đồng nghiệp dạy ở Đại học Khoa học Kỹ thuật Minh Đức và vợ là Long Huệ, và Túc bạn Đại học xá Minh Mạng và vợ là Vân Hương. Ai nấy đều biết mối liên hệ nửa nạc nửa mỡ giữa Tiễn và Kim Lan. Tiễn đã tứ tuần mà vẫn độc thân, trong khi nàng chỉ nhỏ hơn nó bốn, năm tuổi và cũng phòng không chiếc bóng. Đợi mọi người ngồi vào chiếc bàn cuối phòng và thức uống được mang ra, Kim Lan xin phép vào bên trong để trông coi bếp núc. Lúc nàng trở ra, Tiễn tinh ý thấy lớp son mỏng trên môi nàng đã được tô lại rất khéo. Nó nhìn quanh rồi là đà đi một đường tỏ tình khá lộ liễu, “Anh thấy nơi này thật đáng mến, đáng yêu. Cái gì cũng xinh xắn, cũng dễ thương.” “Thưa anh, ví dụ như cái gì cơ ạ?” miệng cười thật tươi, nàng hóm hỉnh hỏi lại.

Thấy Kim Lan hỏi khó Tiễn, Canh vờ mắng Tiễn để cứu bồ và phụ họa thêm cho bạn, “Tao ngỡ mày ngày xưa học trường kỹ sư, nào ngờ mày theo gánh cái lương làm kép phụ. Nào là ‘đáng mến, đáng yêu,’ nào là ‘xinh xắn, dễ thương,’ sao không ca thêm câu ‘Em Lan ơi, tôi tình chi mà em phải . . . đọa đày!’ cho đủ bộ?” “Thằng Canh này chỉ giỏi tài sủa bậy. Thằng Tiễn nó đang yêu, có làm gì thiệt hại đến mày đâu,” Túc cười khà rồi vỗ vai Tiễn, “Đời khổ nắm em ơi, yêu nà chết trong lòng một ít đấy!”

Đám bạn của một thời hoa niên sôi nổi vừa ăn vừa vờ mắng nhau để khuyến khích Kim Lan đáp lại mối tình của Tiễn. Tôi ngồi quay lưng ra ngoài nên không thấy người khách trạc tứ tuần gầy ốm, nhưng dáng điệu hiền ngang ngồi ở chiếc bàn gần cửa. Chàng ta chăm chú nghe chuyện một hồi lâu rồi bước vào trong đặt tay lên vai tôi và đọc lớn,

*Học xá có Ba Hoa,
Lấn thấn lại ngoắt ngoa,
Quanh năm thường ăn tục,
Nói phét khó ai lường.*

Tôi giật mình đứng dậy la lên, “Thằng Thằng! Thằng què!” Chỉ có nó mới biết lời thơ nhái theo bài “Tự Vịnh” của Trần Tế Xương để chọc ghẹo tôi ngày tôi ở Đại học xá Minh Mạng. Hai thằng

sung sướng ôm nhau cười chảy nước mắt. Ngày đó, Thắng là đại úy Nhảy Dù đánh giặc bị thương ở chân, đi cà nhắc và được thuyền chuyển về chỉ huy đại đội Dù bảo vệ tư thất Tướng Văn cầm đầu quân lực Việt nam Cộng hòa (“VNCH”). Tư thất nằm trên đường Ngô Quyền xéo bên kia đại lộ Minh Mạng với đại học xá. Thắng túc trực ở doanh trại “24 trên 24,” buổi tối tôi sang chơi khi nào cũng gặp nó. Khi thì chỉ tán gẫu, khi thì ra Ngã Sáu Chợ Lớn uống cà-phê, và khi thì đi uống bia ăn nhậu hấp lễ đường Nguyễn Tri Phương.

Ở chỗ Thắng, tôi gặp bạn nó là Trọng học trên tôi hai lớp ở trường Hàm Nghi Huế. Trọng là sĩ quan báo chí phục vụ tại bộ Tư lệnh Hải quân và là chổng kịch sĩ Bửu Ngọc nổi tiếng, nàng có biệt danh là “Kỳ nữ.” Bửu Ngọc xuất hiện hàng đêm trên đài Truyền hình Việt nam, đóng vai đào thương trong các vở kịch tình cảm xã hội do chính nàng biên soạn và sản xuất. Nàng lớn hơn Trọng bảy, tám tuổi, và hai người có một cậu con trai sinh năm 1974. Trọng ăn nói nhỏ nhẹ, mặt lúc nào cũng buồn buồn, và hay kể chuyện hậu trường sân khấu đài truyền hình, nhưng không bao giờ đề cập tới vợ.

Thắng thì tôi không hề nghe nói có dính dáng tới đàn bà con gái bao giờ. Nó mồ côi cha mẹ từ thuở bé, được ông bà ngoại nuôi ăn học cho đến khi nhập ngũ vào trường Bộ binh Thủ Đức; ra trường, nó tình nguyện đi Nhảy Dù cho thỏa chí nam nhi. Nó thường khoe ông ngoại là điền chủ rất giàu có ở miền Tây,

“Tao mong cho thiên hạ chết đói như năm Ất Dậu (1945) ngoài Bắc. Khi đó, tao sẽ đem gạo đi phát cho bạn bè để tụi mày biết ai là kẻ có lòng.”

* * *

Chia tay với Kim Lan và bọn Canh và Túc, tôi cùng Thắng và Tiễn sang quán cà-phê Quá khứ gần đó tiếp tục hàn huyên; Tiễn đi với tôi vì đã tình nguyện làm tài xế đưa tôi đi đây đó. Với nụ cười nửa miệng cố hữu và nét mặt trầm buồn, Thắng kể chuyện sau ngày Việt Cộng (“VC”) chiếm miền Nam năm 1975,

“Có lẽ nhờ Bửu Ngọc can thiệp, thằng Trọng chỉ bị đi tù ‘cải tạo’ một thời gian ngắn, đâu chừng sáu tháng, và khi được thả ra, được cho trở lại nghề báo chí. Nó tiếp tục làm ‘người chổng độc thân’ và cái bóng mờ nhạt sau lưng vợ. Cổ tiếp tục bận rộn điều hành đoàn kịch, bận rộn làm vui khán giả hàng đêm, và bận rộn tiếp khách ái mộ, có người say mê cổ điên cuồng.”

“Báo chí hải ngoại đăng tin trong chuyến đi trình diễn ở Paris bên Pháp thời Việt nam Cộng hòa, Bửu Ngọc bị Việt Cộng chiêu dụ rồi hoạt động nằm vùng cho tụi nó, mang tới cấp bậc trung tá. Điều này có đúng không?” Tiễn thắc mắc.

“Chắc là *dzậy*. Ngày 30 tháng Tư, cổ đứng ra triệu tập nghệ sĩ Sài gòn đến tập họp và khai báo lý lịch tại trụ sở hội Nghệ sĩ, ra lệnh cho một nhạc sĩ cỡ lớn có lò đào tạo ca sĩ lập những tiểu tổ để thành lập Biệt đội Văn nghệ, và đồng dặc tuyên bố, ‘Ngày xưa bọn Thiệu - Kỳ bán nước hiện diện trên quê hương, tui phải núp dưới danh nghĩa làng Cô nhi Long Thành. Hôm nay chúng ta đã đánh cho Mỹ cút Ngụy nhào.’”

Danh vọng của Bửu Ngọc càng ngày càng lên cao như điều gặp gió. Về mặt kịch nghệ, chính quyền VC trao tặng nàng danh hiệu “Nghệ sĩ Ưu tú” rồi “Nghệ sĩ Nhân dân” theo kiểu Nga xô và các nước Cộng sản Đông Âu. Về mặt chính trị, VC cử nàng vào một số “ủy ban nhân dân” và

chức vụ có tên dài lòng thòng khó lòng đọc liền một hơi. Năm 1977, một bọn lưu manh bắt cóc cậu bé Sumo con một cửa vợ chồng Trọng tại nhà giữ trẻ Vườn Hồng. Chúng gọi điện thoại đòi tiền chuộc 100 cây vàng, dọa sẽ giết bé nếu báo cho công an biết, và sau khi thương lượng, chịu lấy 20 cây vàng. Sau khi nhận tiền chuộc, bọn gian trả bé lại trên bãi cỏ trước nhà thờ Đức Bà.

Đó là vụ đầu tiên trong ba vụ bắt cóc nổi tiếng Sài Gòn sau năm 1975. Tiếp theo, năm 1978 thành phố lại chấn động vì bọn lưu manh toan bắt cóc bé trai con ông Đồng Lân (trước làm đồng lý văn phòng bộ Thông tin VNCH) và cô đào cải lương Thanh Nga tăm tiếng. Hai người cố giành lại con thì bị bắn chết, kẻ gian tẩu thoát tay không. Tiếp theo là vụ bắt cóc con trai một bác sĩ tên Hỷ. Nhờ vụ thứ ba này, công an truy ra và bắt được bọn gian và xuống Sóc Trăng cứu cậu bé đem về. Cả ba vụ bắt cóc đều do cùng một bọn chủ mưu.

Cảnh vợ chồng mạnh ai nấy sống rồi cũng phải chấm dứt, Trọng và Bửu Ngọc ly dị. Nàng biết Trọng đã có nhiều mối liên hệ tình ái bên lề, nhưng không dẫn được giận dữ khi nghe tin Trọng lập gia đình lại với em họ nàng là Kim Tuyến. Cô là người thân trong gia đình nên tư tình với Trọng lâu nay mà không ai ngờ vực. Bửu Ngọc than thở với một cô bạn đồng nghiệp,

“Em coi đó! *Ảnh* lấy ai không lấy, lại nhè con Tuyến mà lấy. Đồ loạn luân! Rồi thằng Sumo kêu con của nó bằng gì?”

“Con của *cổ* là em cùng cha khác mẹ với bé Sumo, có sao đâu? Chị không thấy *ảnh* khi nào cũng một lòng thương chị hay sao?” cô bạn an ủi.

“Em nói *dzậy* mà nghe được à?” Bửu Ngọc trề môi háy bạn.

“*Cổ* nói in hệt như chị, chỉ trẻ hơn thôi. Không phải sao?”

* * *

Trước khi chúng tôi gọi thêm châu cà-phê thứ hai, tôi đánh bạo hỏi dò Thắng,

“Sáng mai tao bay về North Dakota, chiều và tối nay mày đi chơi với tao được không, hay phải xin phép bà xã ở nhà?”

“Đi thì đi, chẳng cần xin phép xin tắc ai cả,” Thắng chột hiểu ra ý tôi và cười lớn, “Không như nhiều người làm tưởng, tao *hổng* có giọt *pê-dê* [tình dục đồng giới] nào trong máu hết. Hồi đó, vì đụng nhằm chuyện tình ngang trái mà tao hết ham, không thèm ngó ngàng tới bọn *liền bà*.”

Tết Mậu Thân (1968), đơn vị Thắng tham dự cuộc hành quân tái chiếm Thành Nội Huế, và trong cơn binh lửa, nó gặp Diệu Vân, cô gái Huế con nhà trâm anh nết na và xinh đẹp. Rồi những cánh thư viết cho nhau đều đặn và những lần Thắng đi phép trở lại cố đô thăm nàng đã thắt chặt tình yêu của họ. Hai người thề non hẹn biển nguyện sống bên nhau suốt đời. Vì vấn đề an ninh quốc phòng, sĩ quan quân đội VNCH phải báo cáo và xin phép trước khi chính thức lập gia đình. Thắng đau đớn ngả quy khi cục An ninh Quân đội báo tin Diệu Vân là VC nằm vùng; nàng *nhảy núi* trước khi bị phát giác. Sau đó là thời gian tôi hay sang chơi với Thắng ở đường Ngô Quyền.

Năm 1975, chàng đại úy Nhảy Dù đi tù “cải tạo” và hết năm tù thứ hai mới được phép nhận thăm nuôi. Thắng vô cùng ngạc nhiên khi thấy Diệu Vân đều đặn lặn lội vào trại tù thăm Thắng

thay cho bà ngoại Thắng tuổi già sức yếu không kham nổi đường xá xa xôi trắc trở. Hết năm tù thứ tư, khi Thắng hết hy vọng được phóng thích thì bất ngờ được cho “ra trại” vì thuộc “gia đình liệt sĩ,” tức là có thân nhân bị VNCH giết chết. Cho là VC nhằm mình với người khác, nhưng Thắng không thể từ chối, không ra khỏi tù.

Về quê nhà Thắng mới hay ông bà ngoại đã bị “đánh tư sản mại bản,” tịch thu tài sản, và đuổi ra khỏi nhà. Ông bà sống lây lất trong căn chòi ở góc vườn nhà mình, ông uất ức lâm bệnh qua đời, và bà sống được đến nay là nhờ Diệu Vân đến ở và săn sóc bà như thể là cháu dâu. Nàng giải thích, hồi sau Tết Mậu Thân, nàng bị ép buộc phải cộng tác với VC, nếu không chúng sẽ sát hại cả gia đình nàng. Nay cố gắng chuộc lỗi lầm để thực hiện lời thề kết duyên vợ chồng. Tình duyên đến muộn, nhưng người tù “cải tạo” thân tàn ma dại không mong ước gì hơn.

Sau khi bà ngoại Thắng mất, vợ chồng Thắng vượt biên. Diệu Vân ôm bụng bầu bốn tháng lên thuyền. Con thuyền nhỏ rời khỏi Cà Mau tương đối yên ổn, nhưng ra đến vịnh Thái Lan thì gặp hải tặc Thái. Vợ vét mọi thứ có thể cướp được trên thuyền, lũ quỷ quần xà-rông mừng rỡ reo lên khi trông thấy Diệu Vân, người đàn bà xinh đẹp quá mức tưởng tượng của chúng. Chúng bắt nàng sang thuyền chúng và thay nhau hãm hiếp ba ngày liền. Thắng uất nhục định thí mạng với hải tặc, nhưng bạn đồng thuyền hết lòng can ngăn. Khi được trả về thuyền mình, Diệu Vân chỉ còn là cái xác bất động; máu tươi rỉ ra thấm ướt nhuộm chiếc quần dài thành màu đỏ thẫm.

Vài ngày trước khi con thuyền được tàu Liên hiệp quốc cứu vớt, Diệu Vân nằm hấp hối chờ chết. Nàng nắm tay Thắng thều thào,

Anh tha tội cho em. Mấy năm qua, em đã gạt gẫm anh và bà ngoại. Em không phải là Diệu Vân. Em là Diệu Thủy, em song sinh giống chị như đúc, ngay cả người trong gia đình đôi khi cũng lầm. Em yêu anh từ những ngày anh đi phép về Huế thăm chị Diệu Vân, chị đi hoạt động cho phe bên kia và nhờ em thay chị đi chơi với anh. Chị bị phi cơ Việt nam Cộng hòa oanh kích giết chết nên em thuộc “gia đình liệt sĩ” mà nhờ đó anh được tha về sớm hơn bạn đồng đội. Anh phải giữ vững tinh thần “Nhảy Dù Cố gắng” để mà sống, em và con sẽ luôn luôn ở bên cạnh phò hộ cho anh.

Thắng ôm mặt khóc rưng rức. Mắt tôi và Tiễn cũng nhòa lệ.

Nguyễn Ngọc Hoa

Ngày 7 tháng Mười Hai, 2022

Nuôi Ong Tay Áo

Truyện ngắn của Nguyễn Ngọc Hoa

Buổi tối cuối cùng của chuyến ghé thăm nam California ngắn ngủi, tôi cười đùa rộn rã với bạn quanh chiếc bàn lớn trong phòng khách nhà Canh; hôm nay người bạn cựu đồng nghiệp ở Đại học Khoa học Kỹ thuật Minh Đức của tôi khoản đãi. Tiễn mân mê cúc áo sơ-mi trên cùng chờ dịp phát ngôn bừa bãi. Theo thói quen từ thời đi học, Túc lấy cặp kính dày cộm ra, để lộ đôi mắt cận thị “mơ huyền,” và hà hơi vào mặt kính rồi lấy khăn tay chùi chùi. Canh chủ nhà làm ông cụ non thỉnh thoảng choang ra câu triết lý vụn, “Đời khổ *nắm* em ơi!” Ngoài ra có Thắng là bạn cũ của tôi, vừa tình cờ gặp lại hồi trưa. Ngày đó, Thắng chỉ huy đại đội Nhảy Dù bảo vệ tư thất Tướng Văn cầm đầu quân lực Việt nam Cộng hòa (“VNCH”). Tư thất ông tướng và doanh trại của Thắng ẩn mình sau hàng rào sắt sơn đen và dưới những cây me cao lá xanh um trên đường Ngô Quyền gần Đại học xá Minh Mạng.

Canh nhớ lại ngày di tản năm 1975 gặp tôi ở trại tỵ nạn Trại Pendleton và mơ màng như nói một mình,

“Trại Pendleton chia làm tám trại, đánh số từ 1 đến 8. Qua khỏi cổng gác là Trại 8, kế tiếp là Trại 5 nằm bên trái và Trại 6 và 4 nằm bên phải. Rồi đến trung tâm Trại Pendleton là tòa nhà dùng làm Trung tâm Thủ tục (Processing Center) làm giấy tờ cho dân tỵ nạn. Tao ở Trại 8, cùng trại với ông Phó Kiền tướng *không quân* và lũ phi công loai choi chuyên khoe tài lấy trực thăng lái về nhà đón gia đình đi di tản.”

“Trước ngày mất nước, anh Phó Kiền *lanh mưu* hung hãn tuyên bố sẽ ‘tử thủ Sài Gòn cho đến giọt máu cuối cùng.’ Ngày 29 tháng Tư, anh ta cũng hung hãn leo lên phi cơ trực thăng (do người khác lái) bay ra hàng không mẫu hạm USS Midway ngoài biển Đông,” Túc xen vào rồi hỏi, “Làm sao mà gặp lại thằng *Ba Hoa*?”

“Từ Guam tao sang Pendleton sớm hơn nó nhiều. Buồn nẫu ruột, hàng ngày tao ra đứng chầu rìa ở Trung tâm Thủ tục xem có người quen nào mới đến hay không. Đến giữa tháng Sáu mới thấy bản mặt xất bất xang bang của nó. Nó bước xuống xe buýt như người mất hồn, may mà còn nhận ra tao,” Canh trả lời, không cười.

Canh tiếp tục kể,

“Thủ tục giấy tờ gồm ba chặng: khai quan thuế, làm giấy tờ di trú, và nhận thẻ an sinh xã hội (social security). Trong chặng khai quan thuế đầu tiên, nhân viên phụ trách phỏng vấn công khai trước mặt những người người tỵ nạn khác đang đợi đến lượt mình. Nhờ đó, người ta biết hết mấy đấng tai to mặt lớn mang vào Mỹ bao nhiêu đô la.”

“Ở Sài Gòn, anh Phó Kiền hung hăng tham dự biểu tình tố cáo ông Thiện tham nhũng, ra vẻ ta đây *tiết sạch giá trong*,” Túc cười khi khi, “Anh tướng lừng tiếng lấy phi cơ trực thăng lái đi *làm le* với gái mang theo bao nhiêu triệu đô la?”

“Sơ sơ hơn bốn triệu một tí!” Canh cười như mếu.

Tiền nhân cơ hội *đá giò lái* chọc quê Thắng; nó cười hề hề,

“Thế ông Văn của anh thì sao? Báo chí Mỹ từng tung tin ông là một ông tướng giàu có nhất khi rời Việt nam năm 1975. Ông ta ‘sạch’ hay ‘bẩn’?”

“Bạn hỏi lộn người rồi,” Thăng trừng mắt nhìn Tiễn, “*Tui* là đại úy Nhảy Dù chỉ huy phòng thủ một cứ điểm quân sự quan trọng là nơi cư ngụ của vị tướng lãnh cầm đầu quân lực, chớ không phải là người nhà hay *tà lọt* của *ổng*. *Tui* không biết gì hơn bạn về đời tư của *ổng*, nhưng *tui* chưa hề nghe ai nói *ổng* dùng chức vụ của mình để làm tiền hay tham nhũng.”

“Thằng Tiễn ma giáo hỏi móc họng anh cho vui đó thôi,” Canh vỗ vai Thăng, “Hồi đó tờ *Los Angeles Times* (Thời báo) cũng nói về ông Văn y như anh. Gia sản to lớn nếu có thực thì có lẽ thuộc về bà vợ. Bà là một thương gia khôn ngoan rành rõi.”

Thực vậy, ở Sài Gòn bà Văn làm chủ một số *ba* (bar) và khách sạn phục vụ cho nhân viên quân sự và ngoại giao Hoa Kỳ. Vào thời điểm khác nhau, bà làm chủ các cơ sở thương mại khác như đại lý độc quyền đóng chai nước ngọt Pepsi-Cola, đại lý phân phối bia San Miguel, và công ty xây cất nhà cửa mỗi năm xây khoảng 20 đến 30 căn nhà để bán hay cho thuê. Bà là con gái lớn của một điền chủ giàu có nhất ở miền Tây thời trước bị Việt Minh hành hình và cướp đoạt phần lớn tài sản. Tuy nhiên, một người em trai bà là ông Quang còn làm chủ khá nhiều ruộng đất. “Cậu Năm” làm ruộng ở Ba Xuyên và thường đưa bốn đứa con lên thăm gia đình ông bà Văn.

Năm ngày một tuần bà Văn đi thăm và săn sóc thương bệnh binh VNCH tại Tổng Y viện Cộng hòa ở Gò Vấp, và đôi khi bà đi thăm thương bệnh binh Đồng minh tại bệnh viện Dã chiến Số 3 của Lục quân Hoa Kỳ trong phi trường Tân Sơn Nhất. Tỉnh thoảng bà dắt theo cô con út Liên Phương (hai đứa con lớn là con trai). Năm lên bảy, trong một buổi thăm viếng bệnh viện Dã chiến Số 3, Liên Phương tình cờ làm quen với một bệnh nhân là Đại tá John Frazer. Ông chỉ huy đội thám báo đặc biệt của Hoa Kỳ và bị thương trong Chiến dịch Fairfax là cuộc hành quân bình định và phản gián ở Gia Định do quân đội VNCH và lực lượng Hoa Kỳ tại Việt nam phối hợp. Sau đó, Frazer trở thành bạn thân của gia đình ông bà Văn.

Frazer gặp Năm Quang một cách bất ngờ khi hoạt động gần vùng Năm Quang ở. Hôm ấy, Frazer chỉ huy toán thám báo gồm sáu lính Mỹ nhảy trực thăng lạc vào khu rừng đầy mìn bẫy của Việt Cộng. Khi cố gắng tìm lối ra, hai người lính đạp phải mìn bị thương nặng và cần được tải thương khẩn cấp. Trời gần tối, nếu không thoát ra khỏi khu vực đó, đêm đến cả toán sẽ bị du kích Việt Cộng xơi tái dễ như lấy đồ trong túi. Đột nhiên, như từ trên trời rơi xuống, Năm Quang xuất hiện và dẫn họ ra khỏi khu rừng an toàn, như thể đã thuộc nằm lòng vị trí của mìn bẫy. Nhờ công trạng này, Năm Quang được chính phủ Hoa Kỳ trao tặng huy chương danh dự khiến gia đình ông bà Văn rất hãnh diện.

* * *

Ngày học trung học, con trai lớn của ông bà Văn là Hào si mê ca sĩ Hương Mai, cô được báo chí mệnh danh là “thần đồng” vì khởi nghiệp ca hát trên sân khấu cải lương khi mới năm tuổi. Hào nhất định đòi cưới Hương Mai, nhưng bà Văn cương quyết không chịu. Năm 1973, đậu Tú tài rồi được gửi sang Pháp du học, cậu công tử con nhà quyền thế giàu sang thất tình, oán mẹ, bất mãn, tiêu tiền như nước, và học thì ít mà ăn chơi thì nhiều. Khi dẫn mấy cô đầm Pháp đi du hí, cậu bắt chước Công tử Bạc Liêu khi xưa lấy giấy bạc châm lửa mời thuốc lá.

Trước khi cậu con thứ hai là Hùng tới 17 tuổi, tức là vào lứa tuổi động viên 17 - 43 mà theo luật định, nam công dân không được phép xuất ngoại, ông bà Văn gửi cậu sang Hoa Thịnh Đốn “du học.” Theo lệnh của bà, cậu được cho vào học lớp 10 trường trung học Archbishop Carroll là trường Công giáo thuộc tòa Tổng Giám mục địa phận Hoa Thịnh Đốn vì bà tin trường đạo có kỷ luật chặt chẽ hơn các trường khác. Bà là tín đồ Công giáo và từ nhỏ đến lớn được cha cho theo học và ở nội trú trường dòng. Ông Văn theo Phật giáo, thường nghiên cứu kinh Phật, buổi tối ngồi thiền, và hàng năm vào lễ Phật đản mua chim phóng sanh để tạo nghiệp lành. Hùng vốn học kém, lại gặp khó khăn về ngôn ngữ, và nhất là ý thức cha không thèm nghe lời người giám hộ mà cha mẹ gửi gắm nên chẳng bao lâu lêu lổng theo lũ bạn xấu.

Cuối năm 1974, ông bà Văn lại gửi cô út Liên Phương 13 tuổi “di tản” sang Hoa kỳ. Lần này, ông bà nhờ đến John Frazer, người bạn gia đình và cũng là ông bạn già thân thiết của cô, nay là trung tướng chỉ huy Lực lượng Dân quân tiểu bang Connecticut. Ông này bay sang Sài Gòn, làm giấy tờ nhận Liên Phương làm con nuôi, và đưa cô về Connecticut. Cô sống với “uncle John” và “aunt Mary” (vợ ông Frazer) đến hơn chín tháng sau mới gặp lại cha mẹ.

Ngày 28 tháng Tư năm 1975, hai ngày trước khi Sài Gòn thất thủ, ngay sau khi nhận được sắc lệnh cho nghỉ giả hạn không lương, ông Văn mặc quần *jeans* áo sơ-mi một mình lên máy bay quân sự bay sang căn cứ Không quân U-Tapao của Hoa kỳ ở Thái Lan. Từ đây, cùng với gần bốn ngàn người tỵ nạn khác, ông được bốc sang trại tiếp nhận ở đảo Guam. Trong lúc phần lớn những người tỵ nạn – như tôi – tạm trú ở “Thành phố Lều” của trại Orote Point, viên chức cao cấp chính phủ VNCH như ông Văn được đưa vào trại Andersen thuộc căn cứ Không quân Andersen và sống trong *chòi Quonset* là nhà tiền chế bằng tôn mạ kẽm màu trắng nhôm có mái cong hình bán nguyệt chạm tới mặt đất. Gọi là *chòi Quonset* vì được chế tạo đầu tiên tại Quonset Point thuộc tiểu bang Rhode Island cho Hải quân đầu thập niên 1940.



Từ đảo Guam, ông Văn được đưa sang Trại Pendleton và liên lạc được với bà vợ đang ở trại tỵ nạn Đồn Chaffee ở tiểu bang Arkansas. (Trước đó, giữa tháng Tư, trong lúc ông tiếp tục thi hành nhiệm vụ ở bộ Tổng Tham mưu, bà và gia đình các em bà kín đáo rời Sài Gòn bằng máy bay, chỉ thiếu gia đình Năm Quang. Bay sang căn cứ Không quân Clark của Hoa kỳ nằm gần vịnh Subic ở Phi Luật Tân, họ được đưa sang đảo Guam rồi chọn đi Đồn Chaffee. Ở nội địa, chính phủ Hoa kỳ thiết lập bốn trại tỵ nạn khác nhau và cho phép người tỵ nạn tùy ý chọn; hai trại kia là Căn cứ Không quân Eglin ở Florida và Đồn Indiantown Gap ở Pennsylvania.) Ông Văn lại xin bay sang Arkansas đoàn tụ với bà.

Ông bà Văn được ông Frazer bảo trợ ra định cư ở New Jersey và ở đây, bà được nhóm bạn thương gia người Việt gốc Hoa thời Sài Gòn giúp mở tiệm giặt khô quần áo. Sau đó, ông bà dọn về Falls Church thuộc tiểu bang Virginia ở ngoại ô Hoa Thịnh Đốn, bà mở công ty xuất nhập cảng sản phẩm thủ công nghệ Việt nam, và ông viết chuyên khảo *The Final Collapse* (Cuộc sụp đổ cuối cùng) cho Trung tâm Quân sử của Lục quân Hoa Kỳ, ghi chép kinh nghiệm về những gì xảy ra trong cuộc chiến, và được trả lương \$1,500 một tháng.

Hào từ Pháp bay sang Falls Church gặp cha mẹ rồi đi Thái Lan cưới một cô công chúa Thái, sinh con đẻ cái, và không trở lại Hoa Kỳ trong một thời gian dài. (Hào mất năm 1996.) Hùng dính vào ma túy, bỏ học, bị cha mẹ la rầy, và giận nhà bỏ đi mất tích. Không ai biết Hùng ở đâu, sống hay chết. Liên Phương học trung học, trong tuần đi học thì ở nhà ông bà Frazer, và cuối tuần và ngày nghỉ thì về với cha mẹ. Thương nhớ Năm Quang là ông cậu rất mực yêu thương chiều chuộng cô và bốn đứa em họ rất gần gũi với cô, Liên Phương gặng hỏi bà Văn,

“Sao khi ra khỏi Việt nam, *măng* [maman] không kêu cậu Năm và các em họ con đi với?”

“Ngày ra đi, *măng* hẹn đón cậu Năm ở công viên trước trụ sở Hạ viện có tượng đài hai ông lính Thủy quân Lục chiến cầm súng trong tư thế xung phong, mũi súng hướng về tòa nhà quốc hội. Đến giờ hẹn, *măng* chạy xe quanh công viên nhiều vòng mà không thấy cậu nên phải đi cho kịp giờ máy bay.”

Năm 1991, bà Văn bị ngập máu đột quy phải nằm nhà thương dài hạn. Ông Văn già yếu, bị chứng viêm khớp rất đau đớn, và đi đứng khó khăn; ông nuôi ong và tự cho ong đốt để làm tê chỗ đau cho bớt nhức nhối. Liên Phương tốt nghiệp trường Luật Đại học Yale, làm luật sư chuyên về luật công ty cho một hãng luật ở New York, và thường xuyên vào nhà thương săn sóc mẹ. Vài ngày trước khi qua đời, bà Văn troi lại với con gái,

Măng nói cho con biết điều bí mật của gia đình mà măng và papa giữ kín tận đáy lòng. Ngày đó, măng ra đi mà không hề hẹn đón đón cậu Năm. Vì cậu là Việt Cộng nằm vùng, hoạt động cho phe bên kia từ nhiều năm trước. Đúng là cậu có ra tay cứu bác Frazer và đưa toán thám báo của bác ra khỏi khu rừng mìn bẫy, nhưng những mìn bẫy ấy do chính tay cậu gài vào. Măng và papa đã nuôi ong tay áo, nuôi khỉ dòm nhà.

Bà mất, ông Văn sống một mình, đơn sơ đạm bạc và trầm lặng, trong căn *apartment* của chính phủ dành cho người già và khi sức khỏe suy sụp trầm trọng, dời vào nhà dưỡng lão. Ông ra đi vào một ngày mùa đông đầu năm 2008.

Nguyễn Ngọc Hoa

Ngày 28 tháng Mười Hai, 2022

Ngàn Năm Bia Miệng

Truyện ngắn của Nguyễn Ngọc Hoa

Đêm càng khuya, câu chuyện của đám bạn thân của một thời Sài Gòn càng thêm đậm đà. Chúng tôi lan man bàn về những khám phá khoa học mới và tin tức thời sự thế giới, hay lý sự về những chuyện vụn vặt hàng ngày, nhưng *đường nào cũng dẫn đến La Mã*, rồi cuộc cũng trở lại những kỷ niệm vui buồn ngày xưa. Tôi nhắc Thắng, người bạn ngày trước chỉ huy đại đội lính Dù bảo vệ tư thất Tướng Văn cầm đầu quân lực Việt nam Cộng hòa (“VNCH”),

“Tại mà mà hàng tuần tao siêng năng bò lên trường Văn khoa ngồi học chung với mấy em cựu *học sanh* Marie Curie nói tiếng Tây như gió; đôi khi phải nói tiếng Tây tiếng U mỗi cả tay.”

“Ông Văn học cử nhân văn chương Pháp và đưa tiền nhờ tao đi lấy *cuca*, rồi tao nhờ mà mà mua giùm chứ có biểu mà đi tán mấy em Văn khoa thơm phưng phức đâu mà lăm le đổ thừa cho tao?” Thắng cười hề hề; “*cuca*” do tiếng Pháp “*cours*” là bài giảng, đây là bài in *ronéo* để sinh viên không có cơ hội đến lớp mua về nhà học.

“Tao có than phiền gì đâu, chỉ muốn nói là hồi đó tiền mà đưa, tao dùng đi uống cà-phê quán Đa La sau sân vận động Cộng hòa chớ không trả tiền *cuca*.”

Tiến đang buồn miệng vội vàng chớp ngay lấy cơ hội để mắng mỏ tôi,

“Tao biết ngay mà, thằng *Ba Hoa* là chúa ma giáo! *Sống chết mặc bay, tiền thầy bỏ túi*, không đếm xỉa tới bốn phận đối với bạn bè.”

“Nhưng bạn Tiến ơi, *Ba Hoa* mang tới đầy đủ *cuca* cho ông Văn, không thiếu bài nào,” Thắng ngăn Tiến lại và hỏi tôi, “Làm sao mà không *chi tiền* mà vẫn có *cuca*?”

“Ở Văn khoa, tao có cô bạn Thanh Phú là bồ ruột của thằng bạn thân của tao; nó là trung úy Bộ binh quanh năm lợi sinh đi hành quân ở miền Tây. Cô bạn tao lại được thằng Hồng chủ tịch ban Đại diện Sinh viên Văn khoa *trồng cây si* và mê như điên đổ. Tao đề nghị với cô ấy, ‘Nếu Thanh Phú sai được thằng khỉ Hồng lấy *cuca* *chùa* nộp cho tôi thì cuối tuần hai đưa mình có tiền đi uống cà-phê.’ Nhờ đưa đại gái mà ông Văn có *cuca* học đều đặn và tụi tao có tiền làm việc nghĩa – giúp cô hàng cà-phê có lợi tức sinh sống.”

Tiến lờ bộ, nhưng rán vớt vát,

“Tướng tá ‘Việt nam Cộng trừ’ làm quái gì có anh nào học đến bậc cử nhân? Ông Văn đậu tú tài hồi nào?”

“Nếu hồi đó mà chịu học hành cho biết chữ thì sẽ biết sau cú đảo chánh Tổng thống Diệm ngày mùng 1 tháng Mười Một năm 1963, báo chí Sài Gòn đăng rùm beng tin Đại tá Văn tư lệnh Lữ đoàn Nhảy Dù tự học và thi đậu Tú tài II ban C (Văn chương) với tư cách thí sinh tự do,” Canh chủ nhà vội vàng *kê tủ đứng vào mồm* Tiến rồi hỏi Thắng, “Lúc đó anh vào quân đội chưa?”

“*Tui* đi lính vào trường Bộ binh Thủ Đức, học khóa huấn luyện nhảy dù, và về Tiểu đoàn 7 Nhảy Dù đầu năm 1964, trước khi ông Văn được thăng thiếu tướng rồi phục vụ tại bộ Tổng Tham mưu. Sau bảy năm lăn lộn khắp bốn vùng chiến thuật, *tui* bị thương, lên đại úy, và cầm đại đội Dù bảo vệ tư thất *ổng*. Vào dạo đó, *tui* gặp lại và chơi thân với *Ba Hoa*,” Thắng chỉ tay

vào tôi và nói thêm, “Từ ngày đầu tiên về tiểu đoàn Dù, *tui* đã nghe đồn hà rầm *ổng* xuýt bị ông Man giết vì không chịu hợp tác với phe đảo chánh ông Diệm.”

Sáng ngày mùng 1 tháng Mười Một, ông Văn được triệu tập tới “họp” tại bộ Tổng Tham mưu và tới nơi thì bị câu thúc. Quân cảnh bố trí khắp nơi, súng hờm sẵn chực nhả đạn. Nhóm cầm đầu đảo chánh nhóm họp trong văn phòng tham mưu trưởng Liên quân, và ông Văn và một số sĩ quan cao cấp khác bị giữ trong phòng hội. Bên cạnh ông Văn là Đại tá Tông chỉ huy cơ quan mật vụ của tổng thống. Rồi ông Tông được quân cảnh mời đi họp với tay đầu sỏ đảo chánh là Tướng Man, nhưng vừa ra khỏi phòng hội thì bị còng tay dẫn đi rồi bị bắn chết. Đến lượt ông Văn, ông cũng bị còng, nhưng mới còng một tay thì Tướng Đán, bạn thân của ông và theo phe đảo chánh, trông thấy và ra lệnh cho quân cảnh tháo còng ra trước khi đưa ông lên gặp ông Man. Trong lúc viên sĩ quan cận vệ gi khẩu *carbine* vào lưng ông Văn, ông Man hỏi bằng một giọng đều đều,

“Tụi *moa* [tiếng Pháp ‘moi’] đảo chánh, *toa* [tiếng Pháp ‘toi’] nghĩ sao? *Toa* có thể điều động lính Nhảy Dù giúp tụi *moa* không?”

“Đảo chánh là chuyện quốc gia đại sự, sao tới giờ phút này trung tướng mới cho tôi hay? Tôi không thể tuân lệnh khi bị chĩa súng dọa giết như thế này.”

Đại tá “Đổ Máu” chỉ huy an ninh quân đội mở một lối thoát cho ông Văn: đề nghị ông lên đài phát thanh tuyên bố thuận theo phe đảo chánh. Ông vẫn cương quyết,

“Tôi không ủng hộ đảo chánh và không có gì để tuyên bố cả.”

“Nếu vậy, tụi *moa* sẽ không có cách nào khác,” ông Man tàn nhẫn hạ giọng.

Ông Văn cầm chắc cái chết trong tay. Nhưng hôm sau, sau một ngày bị giam giữ, ông được trả tự do và về nhà được bà vợ cho biết nhờ ông Đán can thiệp nên ông đã không bị giết như ông Tông và một số sĩ quan cao cấp khác. Ông Đán là bạn thân của gia đình và thường hay đánh tứ sắc với bà Văn.

Chuyện ông Văn “thoát chết trong đường tơ kẽ tóc” khiến tôi nhớ có một thời xa xưa, tôi đã từng tôn ông Đán làm thần tượng. Ngày ở Huế, mùa thu 1958, tôi đậu vào đệ thất trường Nguyễn Tri Phương ở hữu ngạn sông Hương, hàng ngày đi học đi ngang qua bản doanh Sư đoàn Dã chiến Số 1, và nghe mấy thằng bạn đồng hành hết lời ca tụng ông, người con xứ Huế trở về quê nhà cầm sư đoàn trấn cứ ải địa đầu của đất nước. Bọn con nít lau hau như tôi càng phục lẫn khi biết tin ông được *Cụ Ngô* thăng cấp thiếu tướng; ông mới 32 tuổi, vị tướng trẻ tuổi nhất quân đội VNCH. Học Nguyễn Tri Phương nửa niên khóa thì tôi chuyển trường sang học trường Hàm Nghi trong Thành Nội ở phía tả ngạn cho gần nhà. Rồi quên bẵng đi người hùng của tuổi thơ ngây, cho đến sau biến cố Phật giáo ở Huế năm 1963.

* * *

Đán là con thứ năm trong một gia đình dòng dõi tôn thất, nhưng được gọi là “Ba Đán” vì là con trai thứ hai, và bị bạn bè gọi trại thành “Ba Đá.” “Ba đá” là ngang tàng, vô phép, và thiếu kỷ luật giống như lính say rượu dưới thời Pháp thuộc. Đán hãnh diện nhận mình *ba đá* hơn người, và do đó “Ba Đá” chết thành tên. Tuy gia đình theo Phật giáo lâu đời, ông xin rửa tội làm tín đồ

Công giáo để được Tổng thống Diệm tin yêu và nhận làm con nuôi, mặc dù bị cho là người bốc đồng, tự cao tự đại, và thích tiệc tùng rượu chè trai gái. Ông được chỉ định làm tư lệnh Quân đoàn III và tháng Tám năm 1963, khi tình hình chính trị trở nên sôi động, kiêm nhiệm tổng trấn đô thành Sài Gòn. Đặt ông vào hai chức vụ chủ chốt này, tổng thống yên chí là các đơn vị quân đội sẽ không thể âm mưu đảo chánh.

Ba Đá luôn luôn xuất hiện trước công chúng trong bộ quân phục hoa Dù, cổ mang khăn quàng hoa Dù che ngực, đầu đội mũ bê-rê đỏ của binh chủng Nhảy Dù lệch sâu về phía trái, chân mang đôi giày boots nhà binh đánh lảng bóng giắt con dao găm, và sau lưng kè kè tên cận vệ người Miên cao lớn ngậm cầm như hến. Chiến công đầu tiên và duy nhất trong “20 năm binh nghiệp” của ông là cú bố ráp chùa Xá Lợi ở Sài Gòn ngày 21 tháng Tám giết chết hơn một trăm tăng ni và Phật tử không có một tấc sắt trong tay đang họp bàn cách phản kháng chính sách đàn áp Phật giáo của ông Diệm. *Ba Đá* hùng chí tuyên bố với báo chí ngoại quốc,

“Tôi đã đánh bại Henry Cabot Lodge [Đại sứ Hoa kỳ tại Việt nam] để cứu nước. *Hắn* sang đây để tổ chức đảo chánh nhưng bị *Ba Đá* tôi dẹp tan.”

Được ông Diệm tin tưởng hơn và ban thưởng một món tiền lớn, *Ba Đá* kiêu căng tới tận trời xanh. Có lần ăn tối với một người bạn, ông nói, “*Mi* đang được vinh dự ngồi ăn cơm với một vị đại anh hùng dân tộc.” Người kia hỏi là ai thì ông trả lời, “*Ba Đá* *ni* chứ ai vô đó nữa.” Trong một cuộc họp báo, ông lớn lối,

“Tôi đã cứu miền Nam khỏi bị Phật giáo, Cộng sản, và ‘bọn gian hùng ngoại quốc’ [ý nói Hoa kỳ] tàn hại.”

Khi phóng viên ngoại quốc hỏi gặng tên quốc gia ông muốn ám chỉ, *Ba Đá* lúng túng và lảng sang chuyện khác. Bị chất vấn gay gắt và cười nhạo, ông đùng đùng bỏ ngang cuộc họp báo đi ra ngoài.

Cú đảo chánh 1963 do Tướng Man cầm đầu, nhưng thực ra do Hoa kỳ giật dây, thành công phần lớn là nhờ *Ba Đá* trở mặt với cha nuôi và dùa theo phe đảo chánh. Chiều ngày mùng 1 tháng Mười Một, Trung tá Lewis Conan nhân viên sở Trung ương Tình báo Hoa kỳ (CIA) vào bộ Tổng Tham mưu, mang theo máy truyền tin đặc biệt để trực tiếp liên lạc với tòa Đại sứ Hoa kỳ và số tiền ba triệu đồng để tặng các tướng tá đảo chánh, và hứa Hoa kỳ sẽ không can thiệp. Theo thời giá, ba triệu đồng ăn khoảng 42,000 đô la. *Ba Đá* có công to nhất nên được thưởng và ký nhận 1/5 số tiền là 600 ngàn, hay chừng 8,400 đô la.

Say men “chiến thắng,” *Ba Đá* xuất hiện hàng đêm trong các hộp đêm và vũ trường, những cơ sở trước đó bị cấm hoạt động, ôm hôn lú lo gái nhảy và các phụ nữ khác, và gọi rượu sâm-banh đãi hết mọi người có mặt ở đó. Ông huênh hoang đề cao công trạng của mình và có lần hung hăng,

"Ngày 21 tháng Tám, tôi là tổng trấn Sài Gòn trung thành với ông Diệm. Ngày mùng 1 tháng Mười Một, tôi là tổng trấn Sài Gòn chống lại ông Diệm. Biết đâu trong tương lai, tôi chẳng là tổng trấn Sài Gòn chống lại người Mỹ."

Chính phủ mới do ông Man cầm đầu không đứng vững được đến ba tháng. Các ông tướng chỉ biết bắn súng, lái máy bay, và ăn nói khoác lác, nhưng lại tin mình có tài cán bậc nhất thiên hạ, ra tay tranh quyền tranh chức, và thi nhau chính lý, đảo chánh, lập chính phủ mới, v.v. “Được làm vua, thua làm đại sứ,” những kẻ thất phu ấy xem số phận của trên 20 triệu dân miền Nam yêu chuộng tự do dân chủ không bằng nước bài sát phạt trên chiếu bạc hàng đêm, không biết (hoặc biết mà không *care!*) rằng họ đang dâng đất nước cho bọn Cộng sản Hà nội. Trong hoàn cảnh chính trị bất nháo khốn nạn ấy, *Ba Đá* bị buộc phải giải ngũ khi mới 40 tuổi. Sau đó, ông xoay xở trở thành thượng nghị sĩ quốc hội và làm chủ báo.

Năm 1975, một ngày trước khi Sài Gòn thất thủ, *Ba Đá* cùng gia đình di tản khỏi Việt Nam và sang Hoa Kỳ định cư ở tiểu bang Virginia. Những năm đầu, người đồng hương rất mực kính trọng ông và khi gia đình có đám cưới, nhất định mời “ngài trung tướng thượng nghị sĩ” đến dự cho bằng được. *Rằng quen mất nét đi rồi*, khi dự tiệc cưới, ngồi trên bàn danh dự, ông nốc hết ly rượu này đến ly rượu khác cho tới lúc say mềm rồi phun ra những lời lẽ không đầu vào đầu khiến chủ tiệc lấy làm bối rối và khó xử. Ra sàn nhảy khiêu vũ thì ông trở ngón *bốc hốt* nham nhở, *trẻ chẳng tha, già chẳng thương*. Dần dần, ai nấy đều *cạch mặt* ngài.

Ba Đá dọn về Garden Grove thuộc tiểu bang California sinh sống; sau đó dời sang thành phố Westminster kế cận và sống ở đó cho đến cuối đời. Một người quen thuộc lúa đàn em có dịp đến nhà thăm ông kể lại,

Căn nhà của Tướng Đán nhếch nhác, thiếu một bàn tay phụ nữ, mặc dù bác hiện đang sống với một bà vợ Bắc kỳ thứ “dữ.” Giang sơn của bác thu gọn vào một góc với nhiều tấm hình beau [tiếng Pháp là “đẹp”] trai trong bộ quân phục oai vệ cầm ba-toong của một thời làm tướng, trái ngược hẳn với vóc dáng xác xơ thảm não hiện tại. Nay bác là một người già cô đơn, be bét rượu chè, và say lướt khướt. Tối hôm ấy, cô cháu của bác cho biết ông ngoại hay say sưa đi ra đường, múa ba-toong dọa nạt người đồng hương, và bị cảnh sát làm biên bản cảnh cáo.

Trước khi qua đời năm 2013, *Ba Đá* trở lại sùng đạo Phật với pháp danh Quảng Oai. Không biết lúc sinh tiền, có bao giờ ông nghĩ rằng hành vi không mấy hay ho của mình sẽ bị miệng thể nhắc nhở và nhớ đời,

*Trăm năm bia đá vẫn mòn,
Nghìn năm bia miệng vẫn còn trơ trơ.*
(Ca dao)

Nguyễn Ngọc Hoa

Ngày 18 tháng Giêng, 2023

Trong Cái Rủi Có Cái May

Truyện ngắn của Nguyễn Ngọc Hoa

Vui một đêm nay rồi mai lên đường, vui buồn ai hay, tình dang dêm trường. Lời bài hát “Tình Đêm Liên Hoan” của Hoàng Thi Thơ vang lên trong trí tôi; sáng mai tôi sẽ từ giã mấy đứa bạn cũ thời Sài Gòn, trở về North Dakota với cuộc sống thường nhật, và không biết bao giờ mới gặp lại. Bạn bè ở xứ Mỹ rất gần mà cũng rất xa. Gần vì chỉ cách nhau một cú điện thoại viễn liên, nhắc ống nói và quay số là nghe tiếng nói của bạn ở đầu dây bên kia. Xa vì khoảng cách không gian ngàn dặm và cuộc sống đòi hỏi mọi người phải chạy theo đồng hồ và ràng buộc với công việc, gia đình, con cái, nhà cửa, v.v.; không dễ gì mà gặp mặt nhau.

Bỗng có tiếng chuông gọi cửa. Tiễn, người bạn học cùng lớp đệ nhất niên với tôi ở trường kỹ sư, hối hả ra mở cửa. Đúng như nó mong đợi, người mới đến là Kim Lan, cô chủ quán ăn mà Tiễn đem lòng thầm yêu. Tôi ngạc nhiên sửng sờ khi thấy người thiếu phụ trạc ba mươi sáu, ba mươi bảy đến cùng với Kim Lan. Nàng giới thiệu,

“Đây là chị Kim Liên em, anh *Ba Hoa* còn nhớ không?” và giải thích, “Em đến trễ vì phải đợi hết khách và đóng cửa tiệm rồi mới đi đón chị.”

“Gần 20 năm rồi mà trông em vẫn đẹp nhí nhảnh như cô nữ sinh Trưng Vương lớp 12 năm xưa. Khi em trình diễn trong đêm ‘Hội Tàn Đông’ ở trường Điện tụi anh,” tôi chào Kim Liên với câu nịnh đầm cổ điển.

Ngày đó, tôi học đệ tứ niên trường kỹ sư và cùng thằng bạn thân là Lộc tổ chức buổi văn nghệ sinh viên gọi là “Hội Tàn Đông” vào đêm 23 tháng Chạp trước Tết Canh Tuất (1970). Là một sáng lập viên Phong trào Du ca Việt nam, Lộc có nhiệm vụ mời đoàn du ca của nó và ca sĩ Chung Linh đến trình diễn. Cô ca sĩ này có một thời đi chân đất hát nhạc Trịnh Công Sơn ở sân trường Văn khoa. Tôi lo ẩn hành đặc san xuân và đốc thúc sinh viên các khóa đàn em đi bán báo ở hai trường nữ trung học Gia Long và Trưng Vương và mời ban văn nghệ của họ đến góp mặt. Ban văn nghệ Trưng Vương, trong đó Kim Liên hát dân ca, nhận lời.

“Hội Tàn Đông” chấm dứt, hầu hết các cô trong nhóm Trưng Vương đều có người nhà đến đón, chỉ còn lại Kim Liên và cô bạn tên Nga nhà gần nhau trong xóm Nguyễn Thiện Thuật. Tôi và Lộc tình nguyện “hộ tống” hai cô về nhà và để tỏ lòng biết ơn, mời đi ăn chè trong ngõ hẻm đường Phan Đình Phùng. Hai cô dạn dĩ cười nói tự nhiên như đã quen biết với chúng tôi từ lâu. Nhân tán hươu tán vượn về tên phụ nữ, tôi nói với Kim Liên,

“Em biết trong *Lục Vân Tiên* của Nguyễn Đình Chiểu có hai cô tên là Nguyệt Nga và Kim Liên không?”

“Em là Nga, chứ không phải Nguyệt Nga đâu anh ơi,” Nga cãi chính, “Trong truyện, Kim Liên là nữ tỳ đẩy xe cho tiểu thư Nguyệt Nga, nhưng con Kim Liên này thì lấy Honda chở em đến trường các anh.”

Sau hôm đó, tôi và Lộc hay mời hai cô đến dự các buổi sinh hoạt sinh viên ở trường Điện; Kim Liên dẫn theo cô em kế là Kim Lan, cũng là dân Trưng Vương. Cả Kim Liên lẫn Nga đều là con

lớn trong gia đình và xem tôi và Lộc như anh trai. Sau khi đậu Tú tài II, Kim Liên ghi danh học Đại học Luật khoa, và Nga học Văn khoa. Tôi gặp Kim Liên lần cuối vào mùa hè năm 1974, nàng vừa tốt nghiệp cử nhân quốc tế công pháp và sắp “lên xe hoa” với một sĩ quan Hải quân.

Mới đó mà đã mười mấy năm đi qua! Tôi nhớ lại tích Lục Vân Tiên và ví von đọc bài hát ru em miền Trung dựa theo thơ *Lục Vân Tiên* để gheo nàng,

*Kim Liên ơi hỡi Kim Liên,
Đẩy xe cho chị qua miền Hà Khê.
Hà Khê dẫu thỏ đàng dê,
Chim kêu vượn hú bốn bề nước non.*

Kim Liên nhoen miệng cười đối đáp,

“Em biết Quỳnh Châu ‘khuất núi’ anh mới dám *tí toe tí toét* với em như thế, chứ nếu cô nàng có mặt ở đây thì *sức mẩy* anh dám *ba hoa chích chòe*.”

“Ờ dân Trưng Vương thứ thiệt có khác, nói đâu trúng đó,” tôi cười xòa thú nhận rồi quay sang đám phụ nữ đang nghệt mặt nhìn tôi với đôi mắt tròn xoe, “Các chị đừng hiểu lầm, ngày trước tôi trót dại kể cho Kim Liên giai thoại ‘khuất núi’ mà bây giờ *lãnh đủ*. Chuyện ấy như thế này.”

Ông bác họ của tôi ở Huế ngày xưa ngày xưa là người có học thức, đậu đến tham sự hành chánh, nhưng có mỗi một tội *ham dzui*. Bác lập gia đình sớm và đã có hai đứa con khi đổi vào Tourane, tức là Đà Nẵng, làm việc. Bác gái ở nhà lo phụng dưỡng cha mẹ chồng và cai quản ruộng nương. Phòng không chiếc bóng xa quê thiếu vợ, bác gặp và phải lòng một thiếu nữ con nhà nề nếp ở Đà Nẵng. Thời Pháp thuộc, chuyện đa thê hợp pháp nên bác tính kể “*vợ cả, vợ hai, hai vợ đều là vợ cả*” và nhờ người mai mối hỏi lấy cô ấy. Ông già cô cẩn thận hỏi, “Anh đã có gia đình con cái gì chưa?” Trước mặt bà con họ nhà gái, bác trả lời chắc như đinh đóng cột, “Thưa, con đã có vợ hai con, nhưng tất cả đều *khuất núi*.” Sau khi ván đã đóng thuyền, chuyện vỡ lở, ông tức giận gọi bác đến mắng, “Vợ con anh còn sống sờ sờ đó, sao dám nói ngoa?” Bác biện bác, “Thưa, ngọn Hải Vân cao vòi vọi đứng sừng sững giữa Tourane và Huế, không *khuất núi* là gì?”

Kim Liên tiếp lời tôi,

“Từ đây lên nhà anh *Ba Hoa* trên North Dakota có bao nhiêu là núi non hiểm trở, nhất là rặng Rocky Mountains (Thạch sơn) chạy dài từ bắc tới nam, Quỳnh Châu không *khuất núi* là gì?” và chỉ tay vào mặt tôi, “Cho anh chừa thói chọc quê em. Nhỏ này nhớ dai như đĩa đó.”

“VẬY là một điều, huề *nghen*,” tôi cười xòa, “Giờ em kể cho anh nghe chuyện nàng Kim Liên ngoài đời sau lần cuối cùng mình gặp nhau ở Sài gòn. Ông chồng *hai quần* hào hoa phong nhã nặng nợ hải hồ của em bây giờ ra sao?”

* * *

Những ngày cuối tháng Tư năm 1975, chồng Kim Liên phục vụ trên chiến hạm đi công tác ở vùng biển Côn Sơn. Rồi chiến hạm ghé chở đồng bào tỵ nạn ở Côn Sơn và dĩ nhiên cả những quân nhân cơ hữu chạy thẳng qua vịnh Subic ở Phi Luật Tân. Chàng quyết định theo làn sóng ty

nạn đến Hoa kỳ định cư ở Los Angeles. Sau khi cuộc sống tạm ổn định, chàng liên lạc với vợ, gửi tiền về, và giục nàng vượt biên sang với chồng. Gia đình Kim Liên gửi Kim Lan đi trước, nàng đến nơi an toàn và được anh rể bảo trợ sang Los Angeles. Tiếp theo là chuyến vượt biên của Kim Liên và cậu em trai kể Kim Lan.

Kim Liên móc nối với tổ chức đưa người đi với giá bảy cây vàng cho nàng và tám cây cho cậu em 16 tuổi sắp tới tuổi “nghĩa vụ quân sự,” tức là bị bắt lính đưa đi chiến trường Cam Bốt. Khi “ngày N” đến, nàng và cậu em được chỉ dẫn đi xe đò về Cà Mau. Trên chuyến xe, nàng thấy hai người đàn bà trẻ là hai chị em ẵm một em bé gái khoảng hai tuổi; họ cũng bồn chồn lo lắng như chị em nàng, chắc hẳn cũng đi vượt biên. Quả nhiên, khi đến nơi hẹn là ba, bốn căn chòi gần nhau trên bãi làng chài, nàng gặp lại hai chị em kia.

Đêm đến, mọi người được đánh thức để lên thuyền. Trời mưa nặng hạt, trong bóng đêm, đoàn người dắt tay nhau lần mò từng bước trên bãi đen, con đường đến thuyền như dài vô tận, và hai chị em kia lếch thếch đi trước chị em Kim Liên. Bỗng nhiên, họ bật khóc từ biệt; cô chị trao em bé cho cô em,

“Con chị bây giờ là con em, em lo cho nó,” và nói với em bé, “Từ nay con gọi dì là ‘má’ nghe con.”

Chắc hẳn vì thiếu vàng *mua chổ*, cô chị phải ở lại và – vì tương lai của bé – gửi bé đi với cô em. Nói xong, cô chị quay mình chạy như bay. Bé khóc thút thít, tuột khỏi tay cô em, và chạy theo mẹ nhưng ngã nhào xuống đất. Kim Liên vội vàng vục bé dậy và kịp thời bịt miệng bé trước khi bé khóc thét lên; công an biên phòng có thể rình rập quanh đây. Nàng cõng bé trên lưng tiếp tục lê bước và khi đến thuyền, thất vọng nhận ra con thuyền mục nát chở rau cải và trái cây trên sông rạch sẽ dùng để chở hơn 50 người vượt đại dương.

Khi thuyền ra đến biển, em bé lên cơn sốt mê man, không có thuốc để uống tạm đỡ. Sau năm ngày chống chọi, em qua đời trên tay Kim Liên và được thủy táng. Hai ngày sau, các vết ban đỏ hiện ra khắp cơ thể nàng, ngứa ngáy như bị côn trùng cắn. Nàng ngồi đề lên hai bàn tay, cắn răng chịu đựng, và cố không gãi để vết ban không rách xước và lan rộng ra, làm cho ngứa hơn. Nàng lấy chăn quấn quanh mình để che những vết ban, nhưng chúng lại lan ra lên mặt và bắt đầu trở thành mụn mủ hình tròn. Ngay cả trong miệng và cuống họng, nàng cũng cảm thấy có mụn mọc. Nhưng rồi không chịu đựng nổi cơn ngứa, nhất là ban đêm, nàng gãi sồn sột đến khi các mụn mủ vỡ toang ra. Cả thuyền xôn xao: Nàng bị thủy đậu (hay trái rạ) là một bệnh truyền nhiễm nguy hiểm; có người cho là bệnh đậu mùa, lây nhanh hơn và mau chết hơn. Mọi người lánh xa nàng, ngoại trừ cậu em và dì của cô bé vừa mất; hai người ngồi gần để săn sóc nàng. Một đêm, trong cơn sốt mơ màng, nàng nghe bọn đàn ông bàn nhau ngày mai sẽ thả nàng xuống biển. Nàng bình thản ngủ thiếp đi, “Họ sợ chết, làm vậy cũng hợp lý thôi.”

Sáng hôm sau, cuối cơn sốt đêm mê mết, Kim Liên nghe tiếng đàn ông quát tháo bằng một thứ tiếng lạ. Chiếc thuyền tròng trành khi họ bước mạnh trên thuyền. Da mặt rám nắng và nứt nẻ, họ mặc xà-rông và cầm dao dài và súng trên tay. Thôi rồi, hải tặc Thái Lan! Chúng đấm đá mấy người đàn ông, ai chống cự lại đều bị đẩy xuống biển, xô đàn bà và trẻ em dạt sang một bên, và lục soát để tìm vàng và của quý. Nàng mở mắt ra thì thấy một cậu bé bị tát tai bôm bốp, tát

xuôi tát ngược mạnh đến nỗi mặt cậu đầy máu, một người đàn bà bị xé toạc áo nằm dưới sàn thuyền xăm xấp nước biển, và một tên hải tặc đứng dạng chân trên ngực trần của chị. Rồi một tên hải tặc khác trông thấy Kim Liên và ra hiệu cho cả bọn nhìn nàng. Chúng giật nảy mình và kinh hoảng rú lên. Không khí trên thuyền đột nhiên im lặng, không có tiếng động nào ngoài bước chân hối hả của bọn hải tặc nhảy phóc ra khỏi thuyền. Thấy mụn mủ và vết thương trên mặt và chân tay nàng, bọn hải tặc sợ lây bệnh kéo nhau chạy trốn chết.

Chiều hôm đó, Kim Liên tỉnh giấc khi cơn sốt hạ xuống và trông thấy chiếc chiến hạm với dòng chữ *USS Marvin Shields (FF-1066)* kẻ bên hông xuất hiện. Tàu của Đệ thất Hạm đội Hoa Kỳ. Cô luật sư công pháp bỗng thấy trong mình khỏe khoắn hẳn ra. Nàng đã có chủ ý. Là người duy nhất trên thuyền nói tiếng Anh lưu loát, nàng được bọn đàn ông mời ra nhờ nói chuyện với toán lính Hải quân cứu nạn từ chiến hạm chạy tàu nhỏ sang. Với cậu em trai và dì của em bé đã mất diu hai bên, nàng xin sang chiếc tàu nhỏ để khai báo. Nàng hỏi anh lính trưởng toán,

“Có phải các ông là quân nhân Hải quân Hoa Kỳ?”

“Đúng thế, chúng tôi có thể giúp gì cho quý vị?”

“Có phải chiếc tàu này thuộc quyền sở hữu của nước Mỹ?”

“Đúng thế, tại sao cô hỏi?” anh trưởng toán bắt đầu ngạc nhiên.

“Như thế, tôi đang đứng trước viên chức chính phủ và trên lãnh thổ Hiệp chúng quốc Hoa Kỳ. Nhân danh 49 người Việt nam trên thuyền, chúng tôi yêu cầu được tỵ nạn tại quý quốc, theo Hiệp ước Quốc tế về Tỵ nạn năm 1951 và Nghị định thư bổ túc năm 1967. thỉnh cầu này đạo đạt lên Tổng thống Jimmy Carter, chiếu theo các điều khoản trong Đạo luật về Tỵ nạn năm 1980 của Hoa Kỳ có thể áp dụng cho chúng tôi.”

Anh lính trưởng toán gọi máy truyền tin về chiến hạm báo cáo nguyên văn lời Kim Liên. Hạm trưởng ra lệnh chờ và cho tiếp tế nước uống và thức ăn cho *thuyền nhân*. Hai tiếng đồng hồ sau, ông đích thân sang báo tin đơn xin tỵ nạn đã được Tòa Bạch Ốc chấp thuận. Nàng và bọn đồng thuyền được chuyển lên chiếc *USS Marvin Shields* và sau đó được bốc thẳng qua Hoa Kỳ định cư.

May nhờ thuyền gặp hải tặc Thái Lan mà Kim Liên không bị ném xuống biển. *Trong cái rủi có cái may*, hứ hờn!

Nguyễn Ngọc Hoa

Ngày 1 tháng Hai, 2023

Đảo Chánh Tháng Tư

Truyện ngắn của Nguyễn Ngọc Hoa

Denver, thủ phủ và thành phố lớn nhất của tiểu bang Colorado, được mệnh danh là “the Mile High City” vì nằm trên độ cao đúng một dặm Anh trên mực nước biển. Năm nay (1987) cuộc hội thảo về “phương pháp hoạch sách các nhà máy phát điện tương lai” được tổ chức tại Denver trong ba ngày đầu tiên của tuần lễ Giáng sinh. Giáng sinh nhằm ngày thứ Sáu, trường học bắt đầu nghỉ lễ Giáng sinh và Tết Tây từ ngày đầu tuần, và tôi còn khá nhiều ngày *vacation* chưa dùng nên trong chuyến đi dự hội thảo, mang Quỳnh Châu và bé Mạc theo để gia đình nghỉ lễ Giáng sinh ở Denver. Trong lúc tôi đi họp, hai mẹ con đi xem các chỗ hay ho trong thành phố như khu phố cổ Larimer còn nguyên vẹn nhà cửa từ thời Miền Tây Xưa, viện Bảo tàng Nghệ thuật Denver nổi tiếng nhờ bộ sưu tập tác phẩm hội họa của người da đỏ, và biệt thự của bà Molly Brown, nhà từ thiện danh tiếng thoát chết trong vụ đắm tàu Titanic năm 1912.

Sau ngày Giáng sinh, chúng tôi đến thăm vợ chồng Thống ở Lakewood là thành phố kế cận. Thống là bạn dạy học gần gũi với tôi nhất trong mấy năm cuối cùng ở Sài Gòn. Không những hai thằng đều là giảng viên của cả hai trường Đại học Kỹ thuật Thủ Đức và Đại học Khoa học Kỹ thuật Minh Đức, mà còn là bạn đồng môn ở Đại học Khoa học Sài Gòn: Nó học cao học hóa học, tôi học ban Điện tử. Thời tôi đọc thân, chúng tôi đi đâu cũng có nhau, ban đêm la cà đi uống cà-phê hay đến nhà bạn chơi, và về đến nhà vừa đúng lúc còi hụ giới nghiêm vì,

“Mình về nhà sớm quá, em út nó khi dễ – bảo rằng anh hết chỗ đi chơi hay sao mà phải về sớm?”

Vợ Thống là Diễm Sương du học Hoa Kỳ về nước mùa thu 1974 với bằng Cao học Sinh hóa và được bổ nhiệm về trường Đại học Kỹ thuật Thủ Đức dạy cùng với Thống. Họ *dính* nhau, hẹn hò không biết từ lúc nào, và đi chơi chợ tết với tôi và Quỳnh Châu trong những ngày giáp Tết Ất Mão (1975). Rồi tình hình chiến sự ngày càng sôi động, cao nguyên lọt vào tay Cộng sản, và các tỉnh phía bắc cũng lần lượt thất thủ. Trong nhiều tuần, tôi và Thống suy nghĩ nát óc, tính kế di tản khỏi Sài Gòn để tránh “bloodbath” (tắm máu) nếu trận thư hùng tối hậu diễn ra. Chiều ngày 28 tháng Tư, Cộng quân đã ba mặt vây quanh thủ đô, Thống báo tin, đầy hy vọng,

“Anh Khôi thiếu tá Hải quân bạn anh tao mới báo Hải quân đã chấp thuận cho di tản, tối nay hay trễ lắm là ngày mai hạm đội sẽ rời bến. Gia đình anh tao đã vào nhà anh Khôi tá túc, chờ giờ lên tàu.”

“Mày cho tao địa chỉ anh Khôi, tao sẽ gặp mày ở đó rồi tới đâu liệu tới đó,” tôi vẫn chưa biết làm sao mình sẽ lên tàu Hải quân.

“Giờ tao đi đón Diễm Sương. Hẹn gặp mày trễ nhất là sáu giờ rưỡi ở nhà anh Khôi trong cư xá Sĩ quan Hải quân Cửu long bên Thị Nghè. Nếu không thấy mày, không biết bao giờ mình mới gặp lại nhau.”

Đó là giây phút chia tay sau cùng của chúng tôi. Khi tắc-xi chở tôi và Quỳnh Châu và các em đến gần trại Cửu long thì phi trường Tân Sơn Nhất bị giới bom, tiếng bom nổ rền, và súng phòng không từ bốn phương tám hướng bắn loạn xạ. Vừa tới cổng trại thì lính gác kéo rào kẽm gai và

ngựa sắt (tường cản kết bằng kẽm gai có bánh xe di chuyển) đóng cổng, súng ống chĩa ra ngoài chực nhả đạn, chúng tôi lom khom kéo nhau chạy băng qua cổng. Chạm chân một phút là không được vào. Thống và Diễm Sương đến cổng trại sau chúng tôi vài phút, lính gác bắn chỉ thiên xua đi, và hai người đành quay về.

Chúng tôi đến nhà Thiếu tá Khôi, nhưng là người lạ nên anh từ chối không nhận. Nhờ những duyên may hết sức tình cờ, tối hôm sau chúng tôi lên được tàu Hải quân di tản sang đảo Guam. Thống kẹt lại Sài Gòn, thành hôn với Diễm Sương, và sống với Việt Cộng hơn năm năm trước khi vượt biên sang Denver. Diễm Sương làm việc cho phòng thí nghiệm của một hãng dược khoa, và Thống trở lại đại học lấy bằng Cao học về khoa học môi trường rồi làm việc cho sở Bảo vệ Môi trường Hoa Kỳ (EPA).

Gặp lại nhau, sau vài câu thăm hỏi, Quỳnh Châu và Diễm Sương quăn quít bên nhau chuyện trò ríu rít như thể tiếp tục câu chuyện bỏ dở lần trước. Bé Diễm Trang con gái của hai người lên mười, kém Mạc một tuổi, dắt tay đưa Mạc vào *family room* bày trò chơi chung. Riêng tôi và Thống, hai thằng nhìn nhau với một thoáng ngại ngần. Thống là người tự phụ và xem chuyến di tản hụt là một thất bại lớn trong đời, trong khi tôi nhờ nó mà đi trót lọt. Tôi mở lời để xoa dịu tự ái bạn,

“Bà già tao luôn luôn nhớ ơn mày và hay nói, ‘Nhờ anh Thống mà gia đình mình đi được sang đây.’”

“Thật sao?” ánh mắt Thống dịu xuống.

“Hôm đó, ông bà già không dám dẫn thân phiêu lưu nên tao dẫn tụi em ra đi trước. Đến sáng 30 tháng Tư, nghe tin Tổng thống Man tuyên bố đầu hàng, ông bà mới ngã ngựa ra, dắt nhau chạy ra bến tàu, leo lên chiếc tàu buôn Viễn Đông, và chạy qua Hương Cảng.”

“Tổng thống tổng thiếc gì thằng cha đó? Tao đã biết nó nằng nặc đòi cầm quyền là để nộp miền Nam cho Cộng sản, chứ có ‘hòa giải, hòa hợp dân tộc’ gì đâu. Mày nhớ không?” thái độ dè dặt ban đầu của Thống biến mất.

Tôi nhớ lời Thống nói sáng Chủ Nhật cuối cùng của tháng Tư, khi hai thằng là khách hàng duy nhất trong quán cà-phê Nhân trên đường Lý Thái Tổ. Hôm trước, ngày 26, Quốc hội lưỡng viện nhóm họp khoáng đại và thảo luận đề nghị Tướng Man lên thay thế Tổng thống Hoan để thương thuyết với “phe bên kia” và mang lại một “nền hòa bình trong danh dự.” Hạ viện có 159 dân biểu, Thượng viện có 60 nghị sĩ, và trong tổng số 219 dân biểu và nghị sĩ, chỉ có 136 đại biểu hiện diện. Ngày họp đầu tiên cãi nhau như mổ bò không đi đến đâu, sang ngày thứ hai Quốc hội tiếp tục thảo luận với vị tướng cầm đầu bộ Quốc phòng và vị tướng cầm đầu quân đội thuyết trình tình hình chiến sự. Tới 8 giờ 54 phút tối, Quốc hội biểu quyết thông qua quyết nghị, “Yêu cầu ông Hoan trao quyền cho Tướng Man để mưu cầu hòa bình cho dân tộc,” với 134 phiếu thuận và hai phiếu chống.

* * *

Trong thời gian đầu của Đệ nhất Cộng hòa, ông Man, một sĩ quan do Pháp đào tạo, được đặc biệt trọng dụng. Năm 1955, ông được thăng chức đại tá, giữ chức quân trấn trưởng bảo vệ đô thành Sài Gòn, chỉ huy cuộc hành quân truy kích tàn quân Bình Xuyên tại rừng Sát, và được vinh

thăng thiếu tướng. Tiếp theo, ông được cử làm tư lệnh chiến dịch bình định miền Tây, đánh dẹp lực lượng quân sự của giáo phái Hòa Hảo, và được vinh thăng trung tướng. Ông mang cấp bậc cao nhất quân đội, chỉ dưới vị tướng tổng tham mưu trưởng, và được ban tặng dinh thự của Từ Cung Hoàng thái hậu mẹ vua Bảo Đại tại số 3 đường Trần Quý Cáp mà về sau ông Man gọi tăng lên là “dinh Hoa Lan.”

Ông Man bắt đầu bị thất sủng khi một thùng phuy vàng đến tay ông thì biệt tăm biệt tích. Trong cuộc hành quân rừng Sát, quân chính phủ tịch thu hai thùng phuy lớn, thứ đựng dầu xăng loại 200 lít, mà quân Bình Xuyên đậy chặt và thả giấu dưới lòng sông trước khi trốn thoát; một thùng chứa vàng, và thùng kia đựng giấy bạc 500 đồng gói trong bao ni-lông nhỏ, nhiều bao bị nước thấm vào. Tiền giấy được phơi khô và nộp vào ngân khố, còn vàng thì chở đến nộp cho quân trấn trưởng Sài gòn là ông Man. Nhưng sau đó không nghe ông nói gì về số vàng này.

Đầu năm 1960, cơ quan tình báo Việt nam Cộng hòa (“VNCH”) khám phá ra ông Man đã liên lạc với Hà nội qua người em trai tên Nhựt bí danh Mười Ty, thiếu tá bộ đội miền Bắc. Nhựt để vợ con ở Sài gòn, ra Bắc tập kết năm 1954, và bí mật trở lại Sài gòn sống với vợ con, liên lạc với các tổ chức chống chính phủ, đến nhà ông Man thường xuyên, và được ông tận tình che chở. Sau đó, anh ta bị kín đáo bắt giữ, đưa sang Cam Bốt, và trục xuất về Bắc. Cả hai vụ biển thủ và phản quốc của ông Man đều được báo cáo lên cho Tổng thống Diệm, nhưng vì thể diện của quốc gia và của chính ông (đã xét đoán và dùng người sai lầm), ông ra lệnh đốt hồ sơ và không truy cứu, nhưng từ đó chỉ cho ông Man giữ các chức vụ *ngồi chơi xơi nước*.

Ông Diệm trả lỗi làm *nuôi ong tay áo* mù quáng bằng tính mạng của mình. Tháng Mười Một năm 1963, ông Man cầm đầu một số tướng lãnh đảo chánh và giết ông Diệm. Chính phủ mới do ông Man cầm đầu không đứng vững được đến ba tháng. Tiếp theo là các cuộc chỉnh lý, đảo chánh, lập chính phủ mới, v.v. do những tướng lãnh mà tài kinh bang tế thế chỉ gồm nghề bắn súng, lái máy bay, và ăn nói khoác lác *một tấc đến trời*. Ông được thăng chức đại tướng và bị đẩy đi làm đại sứ VNCH tại Thái Lan. Năm 1968, ông về nước, nằm nhà trồng lan chờ thời; do đó để ra cái tên “dinh Hoa Lan.”

* * *

Thống hươ tay nhắc lại chuyện 12 năm trước,

“Cái trò hề thảo luận và biểu quyết chuyện nhường chức – hay trao quyền – vừa bất hợp pháp vừa bất hợp hiến. Quốc hội Đệ nhị Cộng hòa có hai viện – Thượng viện và Hạ viện – độc lập với nhau. Hai viện phải họp riêng và bàn thảo riêng và khi cả hai đồng ý về một ‘đạo luật’ thì mới đưa qua cho tổng thống ‘ký thành luật.’ Chứ không thể họp *loạn xà ngẫu* rồi bỏ phiếu cái ào như đi ăn cướp.”

“Tao nhớ mày còn nói vấn đề thiếu túc số (quorum), phải không?”

“Bất cứ phiên họp nào, muốn họp lệ phải có đủ túc số, tức là số hội viên tối thiểu phải có mặt mà theo nội quy của cả hai viện là 2/3 tổng số hội viên. Ít nhất Thượng viện phải có 40 nghị sĩ và Hạ viện phải có 106 dân biểu hiện diện thì mới họp lệ. Nếu không, chỉ có thể thảo luận khơi khơi mà chơi, chứ không thể biểu quyết (quyết định) bất cứ vấn đề gì. Tổng cộng chỉ

có 136 đại biểu hiện diện, không thể nào cả hai viện đều đủ túc số, và cái gọi là ‘nghị quyết trao quyền’ chỉ là một phát biểu vô giá trị.”

“Tại sao trao quyền cho ông Man là bất hợp hiến?”

“Hiến pháp Đệ nhị Cộng hòa quy định rằng nếu tổng thống không phục vụ được thì phó tổng thống lên thay; sau phó tổng thống thì đến lượt chủ tịch Thượng viện, v.v. Chứ ai đòi lại mời một anh cha căng chú kiết lên làm tổng thống.”



Sau khi Quốc hội “biểu quyết” trao quyền, ông Hoan đồng ý từ chức và đề nghị bàn giao vào chín giờ sáng hôm sau, ngày 28. Nhưng ông Man quyết định theo lời dạy của thầy bói, “Chín giờ sáng không phải là giờ tốt, bàn giao lúc năm giờ rưỡi chiều đi.” Lễ bàn giao diễn ra tại phòng Khánh tiết dinh Độc lập lúc 4 giờ 45 chiều với sự hiện diện của khoảng 200 người gồm đại diện Thượng và Hạ viện, Tối cao Pháp viện, và Giám sát viện và một số tổng bộ trưởng trong chính phủ đương nhiệm. Ông Hoan đọc diễn văn trao quyền và trở về chỗ ngồi, nhưng ông Man ngồi yên một chỗ. Đợi đến sau khi lính vào phòng gỡ huy hiệu tổng thống VNCH có hình hai con rồng trên bục diễn đàn và gắn lên huy hiệu mới có hình hoa mai năm cánh màu trắng trên nền xanh với dấu âm dương ở giữa, chiếc huy hiệu chưa ai thấy bao giờ. Ông đọc diễn văn nhậm chức mà không tuyên thệ “trung thành với hiến pháp,” nghĩa là tân “tổng thống” không công nhận Đệ nhị Cộng hòa vừa “trao quyền” cho ông.

Tôi nhớ ra lý do khiến Thống bị lỗ cơ hội di tản,

“Sau buổi lễ, ông Man vừa về tới ‘dinh Hoa Lan’ thì một phi đội gồm ba chiếc khu trục cơ A-37 do Việt Cộng lái, bay từ Phan Rang vào giới bom phi trường Tân Sơn Nhứt. Vì vậy trại Cửu long trở thành *nội bất xuất ngoại bất nhập*, mày và Diễm Sương không vào được.”

“Đúng vậy,” Thống gật đầu rồi mím môi, “Vỡ hài kịch vô duyên từ Quốc hội đến dinh Độc lập trong ba ngày 26, 27, và 28 tháng Tư chính là cú đảo chánh của thằng cha Man, không ‘nhường chức’ hay ‘trao quyền’ gì cả. Nó làm được là nhờ áp lực quân sự của Việt Cộng và lòng hèn nhát của lũ chính trị gia miền Nam.”

Tháng Tư năm 1975, ông Man đảo chánh lần thứ hai. Làm tổng thống . . . *dỏm* cầm quyền 41 tiếng đồng hồ, chưa tới hai ngày!

Nguyễn Ngọc Hoa

Ngày 15 tháng Hai, 2023

Trả Nợ Nhân Quả

Truyện ngắn của Nguyễn Ngọc Hoa

Khu *Little Saigon* trên đại lộ Federal ở Denver thuộc tiểu bang Colorado mới thành lập vài năm nay nhưng đã khá sầm uất. Hôm nay là ngày cuối cùng của kỳ nghỉ lễ Giáng sinh gia đình; chúng tôi dành nguyên buổi chiều đi chơi loang quanh trong khu này rồi sáng mai bay về nhà. Mặc xin phép đi một mình tìm mua vài món đồ đặc biệt Việt nam để sau Tết Tây mang vào trường “show and tell” là kể chuyện cho cả lớp nghe. Tôi hẹn gặp lại Mặc trước cửa tiệm Nhạn Tháp, nơi Quỳnh Châu sẽ ghé mua thực phẩm Á đông đóng thùng mang về. Tên “Nhạn Tháp” cho thấy chủ nhân là người Tuy Hòa tỉnh Phú Yên, thành phố nhỏ bé hiền hòa một thời là quê nhà thân yêu của tôi. Núi Nhạn Tháp, hay núi Nhạn, cao 64 thước nằm giữa đồng bằng Tuy Hòa và bên bờ bắc sông Đà Rằng. Chân núi vắn vào vòng quanh khoảng một cây số thành hình con chim nhạn đang dang rộng cánh.

Đang tần mẩn lựa thức ăn khô trên kệ hàng, tôi nghe tiếng gọi, “*Ba Hoa, Ba Hoa,*” sau lưng. Tôi quay lại. Thật không ngờ. Đó là Thiên học cùng lớp đệ nhất (lớp 12) với tôi ở Ban Mê Thuột và là dân Phú Yên chính gốc. Tôi bắt tay người đàn ông cao mà gầy ốm, mặt hốc hác, nhưng đôi mắt tinh anh. Thiên giới thiệu vợ nó, tôi đã từng nghe tiếng nàng là một nữ sinh đẹp nhất của trường trung học Nguyễn Huệ Tuy Hòa. Thiên cũng ngạc nhiên như tôi,

“Mày ở đâu lại đây? Tao ở Denver hơn một năm nay, hỏi nhiều người mà *nếu* không ai biết gia đình mày ở đâu.”

Thiên lớn hơn tôi đến bảy, tám tuổi, từ Tuy Hòa vào Nha Trang học trường trung học Võ Táth, thi rớt Tú tài II mấy năm liên tiếp, và cuối cùng lên Ban Mê Thuột học cùng lớp với tôi. Một thằng già nhất lớp và một thằng học giỏi nhất lớp miệt mài giúp nhau học hành, và cuối năm cả hai đậu Tú tài II ở hội đồng Nha Trang ngay kỳ đầu. Mãi đến ba năm sau, một tối thứ Bảy giữa mùa hè 1968, tôi mới gặp lại Thiên – ở Tuy Hòa. Hôm ấy, tôi được chú Phu đưa đi nhậu ở quán Hương Quê trên đường Nguyễn Công Trứ, chú tôi là đại úy pháo binh. Bốn sĩ quan bộ binh ngồi bàn bên cạnh ăn nói lớn tiếng và thách nhau uống bia, trong đó Thiên là người lớn tuổi nhất. Tôi mừng rỡ nhận bạn,

“Thiên đi lính hồi nào, đổi về đây bao lâu rồi?”

“Tao đi khóa 25 trường Bộ binh Thủ Đức, về Tuy Hòa vài tháng nay thôi. Mày về đây làm *chi*, đang ở lại đâu?” Thiên chưa biết cha giữ chức vụ cầm đầu tỉnh nhà.

“Nghỉ hè tôi về đây chơi, đang ở nhà bà con gần dưới bãi biển.”

Chú Phu đề nghị Thiên và bạn sang ngồi chung bàn. Bia Budweiser vào thì lời ra, họ bình phẩm chê khen từng nữ sinh đẹp ở trường Nguyễn Huệ, và cuối cùng chĩa mũi dùi vào Mai bạn tôi con một nhà giàu nổi tiếng trong phố. Chuẩn úy Thái trẻ nhất bọn, mặt non choẹt, và nói giọng “*nẫu*” đặc sệt khó nghe bỗng hẳn học chê bai,

“*Nẫu* tàn đời rồi! Trong trận Tết Mậu Thân, Việt Cộng (‘VC’) núp trong nhà *nẫu*, cảnh sát lấy cờ bắt *nẫu* về đồn để cho cha Thông tỉnh trưởng lòi về chơi nát nước . . .”

Không đợi Thái nói dứt câu, tôi vung tay đấm mạnh vào mặt Thái và la lên, “Thằng khốn nạn ăn nói mất dạy!” Thái đau đớn ôm mặt ra hiệu cho hai người bạn kia đứng dậy, định làm hung. Chú Phu mở chiếc áo khoác *phiêu ra-két* (field jacket) để lộ ba bông mai vàng trên cổ áo ca-ki và rút khẩu súng lục ra,

“Ngồi yên nói chuyện đàng hoàng, không *tau* bắn què giò. *Ba Hoa*, *mi* nói tại rằng *mi* đập *hắn*.”

“Ông Thông là cha tao, và chuyện đồn ba láp đó không thể có,” tôi giận run lắp bắp.

“Xin lỗi chú . . . xin lỗi mày. *Nẫu* thất tình con Mai rồi quần trí ăn nói ẩu tả động chạm tới ông bác,” Thiên xuýt xoa đến thấy tội nghiệp.

“Bộ tụi *mi* không biết Việt Cộng chuyên phao tin đồn láo khoét để bôi nhọ uy tín giới chức bên mình hay *răng*? Cảnh sát chỉ mời con Mai xuống Ty để thu thập tin tức, sau đó cho về nhà mà không làm khó dễ *chi* hết,” chú Phu dụi giọng.

* * *

Vợ chồng Thiên mời chúng tôi về nhà ăn cơm tối, nhà Thiên là căn *apartment* ba phòng ngủ trong khu dân cư gần *Little Saigon*. Trong lúc Quỳnh Châu và vợ Thiên loay hoay nấu nướng trong nhà bếp, tôi và Thiên ngồi nói chuyện trong phòng khách, và Mạc ngồi gần để hóng chuyện, “nghe ba và bác Thiên nói chuyện Việt nam.” Thiên kể,

“Tao mang lon đại úy khi Hiệp định Paris 1973 được ký kết và được đưa vào ban Liên hiệp Quân sự Hai Bên để điều đình với phái đoàn Việt Cộng ở trong phi trường Tân Sơn Nhứt. Năm 1975, tao đi tù ‘cải tạo’ như *nẫu*, nhưng có lẽ nhờ vai trò đó mà *Vi Xi* coi là ‘ít nợ máu với nhân dân’ và cho về ‘sớm’: tù sơ sơ có hơn sáu năm. Về Tuy Hòa sống ngắc ngoải vài năm, tao cuốn gói đem vợ con vượt biên qua đây.”

“Tôi nhớ hồi học đệ nhất, Thiên giỏi kể chuyện khôi hài đen, chứ không có tài tranh luận. Sao được cử vào ban Liên hiệp cãi nhau với thằng Cộng?”

“Tao sống với *Vi Xi* từ hồi mày chưa đẻ, Phú Yên hồi đó thuộc Liên khu 5 của Việt Minh, và trong quân đội mình, ít ai có kinh nghiệm về Cộng sản hơn tao. Năm tao 14 tuổi, ông già tao làm trưởng thôn ngoài làng Phú Thứ, xã Hòa Bình cách Tuy Hòa khoảng 15 cây số, và có lần gia đình tiếp đãi luật sư Thụ tại nhà,” Thiên khoe.

“Thụ nào? Có phải là Nguyễn Hải Thụ làm chủ tịch Mặt trận Giải phóng Miền Nam và bây giờ là chủ tịch Quốc hội của Cộng sản Hà nội?”

“Chính *nẫu* đó! Đến giờ, *nẫu* là nhân vật Giải phóng Miền Nam duy nhất được Hà nội giữ lại cho nắm chức vụ lãnh đạo cao cấp, mặc dù chẳng có thực quyền *chi*.”

Năm 1955, ông Thụ, một đảng viên Cộng sản, bị chính quyền Đệ nhất Cộng hòa bắt và đưa ra an trí tại xã Hòa Thịnh trên miền núi Phú Yên cùng với sáu người khác. Trước khi lên Hòa Thịnh, đoàn người áp tống dừng lại nghỉ ở nhà Thiên. Thiên bị sai đi nấu nước pha trà, và mẹ Thiên nấu cơm cho khách ăn. Họ ngủ ở nhà trên, đàn bà và trẻ em không được lai vãng, nhưng Thiên và một thiếu nữ hàng xóm tên Bích la cà làm quen với mấy “ông lớn” từ Sài Gòn ra. Bích lớn hơn Thiên bốn tuổi và đẹp người. Năm 1954 nàng lấy chồng với đám cưới tập thể do Việt Minh vội vã áp đặt và tổ chức chỉ một ngày trước khi chú rể lên đường ra Bắc tập kết.

Trong thời gian ông Thụ ở xã Hòa Thịnh, thỉnh thoảng Thiên gặp vợ ông từ Sài Gòn ra thăm nuôi, mang thức ăn và nhu yếu phẩm tiếp tế cho chồng. Lần đầu tiên trong đời, Thiên trông thấy đàn bà tóc *phi-dê*, tiếng Pháp “*frisé*” là (tóc) uốn quăn! Người thiếu phụ sang trọng chân yếu tay mềm phải đi qua ba chặng đường: Xe đò từ Sài Gòn chạy theo Quốc lộ 1 và dừng lại Ngã Ba Phú Lâm gần Tuy Hòa cho bà xuống. Đó là nơi rẽ đi lên hướng tây, và từ đó trở đi không có xe đò, bà thuê xe ngựa đi bảy cây số đến làng Phú Thứ của Thiên. Từ đây đến Hòa Thịnh không có cả xe ngựa nên bà nghỉ đêm ở nhà Thiên, hôm sau thuê người gánh đò, và ra sức đi bộ mười cây số nữa mới tới nơi.

Vài năm sau, ông Thụ được đưa về Tuy Hòa và ở trong “phòng ngủ” (khách sạn) Vĩnh Đông Á trên đường Lê Thánh Tôn. Lúc này, Thiên và Bích đã về Tuy Hòa; Thiên học trung học, và Bích làm nhân viên ty Thông tin. Hàng ngày người ta thấy ông Thụ mặc *pi-gia-ma* (pyjama) đạp xe đạp đi khắp phố đánh cờ tướng. Ông bị tố cáo hiếp dâm Bích, nhưng có lẽ vì lý do chính trị, chính phủ không muốn làm lớn chuyện nên bỏ qua, không truy cứu. Bích xấu hổ bỏ Tuy Hòa lên Đà Lạt làm ăn.

Năm 1961, khi VC tấn công quận Sơn Hòa cách Tuy Hòa khoảng 50 cây số, theo mật hiệu liên lạc từ trước, ông Thụ đạp xe đạp ra “mả” (nghĩa địa) Vũ Kỳ của một gia tộc người Hoa trên Quốc lộ 1 chờ VC đón đưa vào *bưng*. Tháng Hai năm 1962, Hà nội lập ra con múa rối Mặt trận Giải phóng Miền Nam và phong ông làm chủ tịch cho đủ lệ bộ.

* * *



Ông bà Thụ có hai cô con gái: Jeanne sinh năm 1942, và Geneviève sinh năm 1944. Trong khi ông Thụ bị an trí ở Phú Yên, bà Thụ sống ở Sài Gòn, và hai cô học nội trú trường dòng *Le Couvent des Oiseaux* (tên Pháp nghĩa là “ngôi tu viện của loài chim”), hay *Les Oiseaux*, trên Đà Lạt. Trường do các nữ tu dòng Thánh Augustin, phần lớn là người Pháp, quản trị và giảng dạy. Yên ổn học hành dưới sự che chở của các nữ tu, nhưng đêm nào Jeanne cũng nằm khóc một mình, bạn bè hết lòng khuyên lơn mà vô hiệu vì nàng không hề thổ lộ hoàn cảnh của mình. Sau khi đậu Tú tài II Pháp và sắp sửa rời trường trở lại Sài Gòn, nàng mới tâm sự về thân thế và cảnh ngộ gia đình mình với cô bạn thân nhất là Jaqueline.

Ông Thụ đã vào trong *bưng* và sống với bà vợ và đàn con khác. Từ nay trách nhiệm nuôi mẹ và em đặt trên vai Jeanne, cô thiếu nữ 20 tuổi chưa vào đời. Mẹ Jeanne là bà vợ đã lặn lội ra Phú Yên thăm chồng; bà đau đớn sửng sờ khi biết tin ông Thụ đã cho người về đón “vợ con” vào *bưng*. Hơn 20 năm qua, ông Thụ đã phản bội bà và bí mật có gia đình thứ hai ở Phú Nhuận Sài Gòn. Bà vợ kia vốn là cựu nữ sinh trường Áo Tím, tức là trường nữ trung học Gia Long bây giờ,

và có con trai lớn sinh cùng năm với Jeanne. Khổ đau cùng cực, mẹ Jeanne đột nhiên mất hết trí nhớ, tối ngày ca hát và nói lảm nhảm một mình.

Nhờ thân nhân của Jacqueline giới thiệu, Jeanne được nhận làm giáo viên dạy trường tiểu học *Aurore* (tên Pháp nghĩa là “rạng đông”) dạy chương trình Pháp, đủ lợi tức nuôi mẹ và đài thọ cho Geneviève tiếp tục học ở *Les Oiseaux*. Jacqueline giúp Jeanne tìm thuê một căn gác ở xóm Bàn Cờ và mua sắm sơ sài một số đồ đạc trong nhà, nồi niêu soong chảo, và những thứ lặt vặt khác để làm lại cuộc đời, bắt đầu từ con số không. Từ một nữ sinh chỉ biết ăn học, Jeanne trở thành chủ gia đình cáng đáng mọi chuyện từ nhỏ đến lớn. Nàng phải chăm sóc, nhắc nhở, dỗ dành, và có khi ép buộc mẹ làm những việc cần thiết hàng ngày như ăn uống, ngủ nghỉ, tắm rửa, và vệ sinh cá nhân. Bà đã trở thành trẻ thơ, “đứa con” khó tính của Jeanne.

Vì vai trò của ông Thụ ở phe bên kia, nhân viên an ninh Việt nam Cộng hòa kín đáo theo dõi Jeanne thường xuyên. Một năm sau, họ bắt được một tên giao liên VC lảng vảng quanh căn gác của Jeanne, tên này khai có nhiệm vụ giúp đỡ và bảo vệ nàng và bà mẹ. Nàng bị bắt giữ gần ba tháng, hàng ngày bị thẩm vấn, và sống trong trại giam rất khổ sở. Rốt cuộc, họ không điều tra được gì và thả nàng ra. Bà mẹ qua đời trong thời gian nàng bị câu lưu.

Lúc này, Jacqueline đã sang Pháp du học, những người quen và bạn bè khi biết về thân thế Jeanne liền vội vàng tránh xa nàng vì sợ liên lụy. Không bạn bè hay người yêu, nàng sống cô đơn, thất vọng chán nản, và vài lần uống thuốc ngủ tự tử, nhưng được cứu sống. Đành chấp nhận cuộc sống khổ đau hiện tại là hậu quả của hành vi của mình từ những kiếp trước.

Geneviève lớn lên thành một thiếu nữ đẹp tuyệt vời. Nàng và các bạn thường được Tổng lãnh sự Pháp tại Sài Gòn là Jacques de Folin mời dự tiếp tân vào những dịp lễ lạt. Jacques ở Sài Gòn một mình vì vợ ông ở lại Paris trông nom con cái học hành, và thỉnh thoảng ông mời Geneviève làm đồng bạn đi dự các cuộc giao tế. Năm 1975, hai chị em Jeanne theo tàu Hải quân di tản sang đảo Guam và được vợ chồng Jacques bảo trợ sang Pháp. Geneviève ở chung với ông bà vài năm trước khi lập gia đình với một nhà sĩ người Pháp.

Năm 1978, Jeanne thành hôn với một người Pháp bạn đồng sự của Jacques ở bộ Ngoại giao Pháp. Lộng lẫy trong chiếc áo cưới màu trắng, nàng khoác tay chú rể chậm bước dọc lối đi giữa thánh đường, nhìn Geneviève là người thân duy nhất, cười rạng rỡ với nước mắt chan hòa. Nụ cười sung sướng đầu tiên trong gần một phần tư thế kỷ của người đàn bà trót sinh làm con ông Thụ.

Kiếp này Jeanne đã trả xong món nợ nhân quả. Nàng được quyền hưởng hạnh phúc trong phần đời còn lại.

Nguyễn Ngọc Hoa
Ngày 1 tháng Ba, 2023

NGUYỄN NGỌC HOA

Nguyễn Ngọc Hoa là bút hiệu của một kỹ sư hồi hưu với quá trình học hành bao gồm các lãnh vực khoa học và kỹ thuật, quản trị xí nghiệp, quản trị công quyền, và kinh tế. Về mùa hè sống ở North Dakota, một tiểu bang miền bắc Hoa kỳ, và về mùa đông làm cư dân Texas, một tiểu bang miền nam. Đạo mới vào đời, sống ở Sài gòn mười năm, đi học, dạy học, và làm việc đến tháng Tư 1975 thì bỏ nước ra đi. Viết để kể lại cho bạn bè nghe những câu chuyện của một quãng đời xa xưa và để trau dồi Việt ngữ sau những năm dài sống xa quê hương.

- Sinh năm 1947 ở Quảng Bình, di cư vào Nam năm 1954, và hầu như lớn lên ở Huế.
- Học trung học ở Huế và Ban Mê Thuột; kỹ thuật điện ở Trung tâm Quốc Gia Kỹ thuật, Sài gòn; và điện tử và viễn thông ở Đại học Khoa học Sài gòn.
- Giảng viên vật lý và kỹ thuật điện tại một số đại học y khoa và kỹ thuật ở Sài gòn.
- Đồng tác giả cuốn sách giáo khoa *Giải Tích Mạch Điện* gồm hai tập, xuất bản tại Sài gòn năm 1974 và 1975.
- Sang Hoa kỳ tỵ nạn năm 1975; định cư tại Bismarck, North Dakota; và làm chuyên viên kế hoạch cho một công ty tiện ích đến năm 2012 thì về hưu.
- Lần lượt học quản trị xí nghiệp, quản trị công quyền, và kinh tế ở University of North Dakota ở Grand Forks, North Dakota.
- Phụ trách mục “Đố Vui Để Học” và viết bài về khoa học và kỹ thuật trong Tạp chí Lửa Việt, nguyệt san chống Cộng xuất bản ở Toronto, Canada từ 1980 đến 1993.



Nguyễn Ngọc Hoa là bút hiệu của một kỹ sư hồi hưu với quá trình học hành bao gồm các lãnh vực khoa học và kỹ thuật, quản trị xí nghiệp, quản trị công quyền, và kinh tế. Về mùa hè sống ở North Dakota, một tiểu bang miền bắc Hoa kỳ, và về mùa đông làm cư dân Texas, một tiểu bang miền nam. Đạo mới vào đời, sống ở Sài gòn mười năm, đi học, dạy học, và làm việc đến tháng Tư 1975 thì bỏ nước ra đi. Viết để kể lại cho bạn bè nghe những câu chuyện của một quãng đời xa xưa và để trau giồi Việt ngữ sau những năm dài sống xa quê hương.

Trích trong truyện ngắn **"THÀ TRẺ CÒN HƠN KHÔNG"**:

Ít lâu sau "thằng cu" của vợ chồng em tôi đến tuổi đi học. Một hôm, vợ chồng nó cãi lộn và mắng chửi nhau động tới cha mẹ hai bên, mẹ không dần lòng nhảy vào bênh con trai. Cô con dâu nổi tam bành đuổi mẹ ra khỏi nhà và đem va-li và đồ dùng của mẹ liệng ra đường. Trong khi đợi em Bình đến đón về nhà em, mẹ ngồi bên lề đường khóc tỉ tê và lầm bầm tự trách,

"Tau nhẹ dạ cho vợ chồng hấn mượn hết sạch tiền. Chừ tụi hấn cạn tàu ráo máng để giựt nợ."

Sự biến này lại là một điều hay: Mẹ đồng ý để mấy đứa con kia chung sức mua cho mẹ căn *town house*; đó là căn nhà cùng kiểu và có chung vách với hàng xóm. Từ nay, nhà mẹ mẹ ở, không tùy thuộc ai – như tôi hằng mong ước. Đến năm 74 tuổi mẹ mới thoát khỏi ràng buộc của tam tòng. *Thà trẻ còn hơn không*, mẹ sống thong dong tự tại gần 20 năm.

GIÁ BÁN: \$US 30.00